

PHẦN MỞ ĐẦU

1.Lý do chọn đề tài .

Hải Phòng là một thành phố có nguồn tài nguyên du lịch đa dạng, ngoài nguồn tài nguyên du lịch tự nhiên phong phú, thành phố còn có nguồn tài nguyên du lịch nhân văn có giá trị văn hóa lịch sử lâu đời.

Vừa qua các nhà khảo cổ học đã khai quật phát hiện được một công trình di tích lịch sử văn hóa cách đây 1000 năm tại quận Đồ Sơn - TP Hải Phòng, đó là di tích lịch sử văn hóa Tháp Tường Long.

Di tích lịch sử Tháp Tường Long được xác định là xây vào năm 1058, nhà Lý- thời đại phong kiến trong lịch sử Việt Nam với sự phát triển thịnh đạt của Phật giáo. Có thể nói đây là một di tích có giá trị nổi bật, tiêu biểu cho nghệ thuật kiến trúc cổ của nước ta vào thế kỷ XI- XII.

Trong đại lễ 1000 năm Thăng Long Hà Nội vừa qua di tích lịch sử văn hóa tháp Tường Long đã vinh dự được xếp vào công trình kỉ niệm đại lễ trọng đại này của quốc gia. Phế tích tháp đã được xếp hạng là di tích quốc gia , đã và đang được phục dựng dự định sẽ hoàn thành vào năm 2015.

Người viết được nhận nhiệm vụ làm đề tài tốt nghiệp chuyên ngành văn hóa du lịch nên đã mạnh dạn chọn đề tài “ Tháp Tường Long - di tích lịch sử văn hóa trong sự phát triển du lịch Hải Phòng” để tìm hiểu nghiên cứu giá trị của ngôi tháp cổ này với mong muốn góp một phần nhỏ trong việc giới thiệu về chùa tháp Tường Long – một công trình kiến trúc Phật giáo thế kỷ XI.

2.Mục đích chọn đề tài.

- Làm rõ thêm cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển du lịch.
- Nghiên cứu tìm hiểu thực trạng và giá trị nhân văn của di tích lịch sử văn hóa Tháp Tường Long và công tác phục dựng lại ngôi chùa tháp này.
- Gắn tháp Tường Long với hệ thống tài nguyên du lịch nhân văn của Hải Phòng, tìm ra định hướng và giải pháp khả thi nhằm phát triển du lịch văn hóa tại thành phố.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.

Di tích lịch sử tháp Tường Long cùng một số tài nguyên du lịch nhân văn trên địa bàn thành phố Hải Phòng có khả năng đưa vào phát triển du lịch.

4. Phương pháp nghiên cứu.

- Phương pháp khảo sát điều tra thực địa

Là một trong những phương pháp quan trọng để nghiên cứu du lịch nhằm góp phần làm cho kết quả mang tính xác thực. Đi tìm hiểu tại thực địa để thâm nhập được các giá trị tài nguyên du lịch nhân văn Hải Phòng, hiểu được những giải pháp hợp lý và khả thi.

- Phương pháp bản đồ

Phương pháp này cho phép thể hiện một cách trực quan những đặc điểm và sự phân bố không gian theo lãnh thổ của tài nguyên được nghiên cứu trên bản đồ.

- Phương pháp thu thập và xử lý tư liệu

Để có được một lượng thông tin đầy đủ về mọi mặt: lịch sử, văn hóa, các hoạt động du lịch liên quan đến việc khai thác các tài nguyên du lịch nhân văn cần phải tiến hành thu thập thông tin từ sách, báo, tạp chí và các nguồn tư liệu khác. Sau đó xử lý, chọn lọc các nguồn tư liệu đó đưa vào bài viết một cách phù hợp nhất.

- Phương pháp phân tích, đánh giá, so sánh

Từ các nguồn tư liệu thu thập được và qua khảo sát thực tế, người viết đã phân tích, so sánh và đưa ra những nhận định, đánh giá để làm nổi bật về các giá trị của tháp Tường Long và nguồn tài nguyên du lịch nhân văn, nêu thực trạng tôn tạo, phục dựng và định hướng phục vụ phát triển du lịch Hải Phòng trong thời gian sắp tới. Từ đó đề xuất ra những giải pháp nhằm góp phần phát huy được những tiềm năng giá trị của tài nguyên du lịch nhân văn của Hải Phòng.

5. Bố cục khóa luận.

Phần mở đầu giới thiệu về lý do chọn đề tài, mục đích, đối tượng và phương pháp nghiên cứu.

Chương I: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG CỦA ĐỀ TÀI.

Chương II : THÁP TƯỜNG LONG - GIÁ TRỊ LỊCH SỬ VÀ NHÂN VĂN.

Chương III : GẮN THÁP TƯỜNG LONG VỚI CÁC DI TÍCH LỊCH SỬ VĂN HÓA KHÁC ĐỂ PHÁT TRIỂN DU LỊCH HẢI PHÒNG.

Kết luận.

Tài liệu tham khảo.

Phụ lục :

Danh mục các di tích được xếp hạng di tích quốc gia của Hải Phòng.

Một vài hình ảnh về tháp Tường Long

CHƯƠNG 1 : CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG CỦA ĐỀ TÀI

1.1.Các khái niệm chung

1.1.1.Khái niệm di tích

- Theo từ điển Hán Việt : “di” có nghĩa là để lại, “tích” là dấu vết.

“Di tích là dấu vết của quá khứ còn để lại có ý nghĩa lịch sử và văn hóa”

(Từ điển Hán Việt, nxb Văn hóa thông tin Hà Nội, năm 2006)

Di tích là dấu vết của quá khứ còn lưu lại trong lòng đất hoặc trên mặt đất có ý nghĩa về mặt văn hóa và lịch sử.

Từ những năm 1970, việc định nghĩa và nhận dạng di tích, đặc biệt là ở phạm vi đô thị, đã được xem xét bằng những tiêu chí rộng mở hơn. Giá trị di tích không còn đóng khung trong những chuẩn mực lịch sử và nghệ thuật chính thống mang tính hàn lâm. Khái niệm di tích bắt đầu được nhìn nhận trên một góc độ nhận thức toàn diện, vượt ra khỏi giới hạn của những sản phẩm mỹ thuật hay lịch sử đơn lẻ để tích tụ thêm hàng loạt các yếu tố mới, vốn “*được nhận dạng từ những hình thái và chức năng mà đô thị được thừa hưởng từ quá khứ, đóng vai trò làm chỗ dựa cho cuộc sống hàng ngày và cho toàn bộ hoạt động kinh tế xã hội của một đô thị đương đại*” (Hội thảo Quốc tế Québec năm 1991)

Các loại di tích :

1. Công trình kiến trúc nghệ thuật
2. Di tích nhà thờ .
3. Di vật và đài tưởng niệm .
4. Những cột thường được chụp hoặc vẽ lên đó với một pho tượng.
5. Mộ đá tạo thành đài kỷ niệm nhỏ .
6. Lăng mộ và các ngôi mộ .
7. Những tảng đá nguyên khối được dựng nên những mục đích tôn giáo hay để tưởng niệm.
8. Những gò đất dựng nên để kỷ niệm những lãnh đạo lớn hay những sự kiện
9. Bia tưởng niệm thường được dựng lên để tưởng niệm các nhà lãnh đạo vĩ đại

10. Những pho tượng của những cá nhân nổi tiếng
11. Đền hoặc công trình xây dựng cho những cuộc hành hương tôn giáo, nghi lễ hay các mục đích kỷ niệm
12. Hồ sơ, cách trình bày thiết kế cho những tượng đài thành thị.
13. Những di vật kỷ niệm những thành công quân đội.
14. Toàn bộ khu vực thành lập như là đài tưởng niệm để tưởng niệm tội ác chiến tranh.
15. Những thắng cảnh đẹp.

Ở Việt Nam, một di tích khi đủ các điều kiện sẽ được công nhận theo thứ tự: di tích cấp tỉnh, di tích cấp quốc gia và di tích quốc gia đặc biệt. Tính đến tháng 8/2010, Việt Nam có hơn 40.000 di tích, thắng cảnh trong đó có hơn 3000 di tích được xếp hạng di tích quốc gia và hơn 5000 di tích được xếp hạng cấp tỉnh. Mật độ và số lượng di tích nhiều nhất ở 11 tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng với tỷ lệ chiếm khoảng 70% di tích của Việt Nam.

Căn cứ vào tiêu chí quy định tại khoản 9 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa và Điều 28 Luật di sản văn hóa, di tích được phân loại như sau:

1. Di tích lịch sử (di tích lưu niệm sự kiện, di tích lưu niệm danh nhân);
2. Di tích kiến trúc nghệ thuật;
3. Di tích khảo cổ;
4. Danh lam thắng cảnh.

1.1.2. Di tích lịch sử văn hóa:

1.1.2.1. Phân loại:

Di tích lịch sử văn hóa là những gì chứa đựng những truyền thống tốt đẹp, những tinh hoa trí tuệ, những tài năng, giá trị văn hóa, kiến trúc mỹ thuật, của mỗi địa phương, mỗi quốc gia.

Di tích lịch sử văn hóa là tài nguyên nhân văn quý giá được hình thành, bảo tồn, tôn tạo của nhiều thế hệ ở các địa phương và các quốc gia. Vì vậy, nhiều

DTLSVH đã trở thành đối tượng tham quan, nghiên cứu, thực hiện các nghi lễ tâm linh của nhiều du khách và là nguồn tài nguyên du lịch quý giá.

Mỗi quốc gia trên thế giới đều có những quy định về DTLSVH. Theo quy định trong hiến chương Vonido – Italia, 1964 Di tích lịch sử văn hóa bao gồm các công trình xây dựng riêng lẻ, những khu di tích ở đô thị hay ở nông thôn, là những bằng chứng của một nền văn minh riêng biệt của một sự tiến hóa có ý nghĩa hay là một biến cố về lịch sử.

Theo Đạo luật 16 về Di sản lịch sử ban hành ngày 25/6/1985 của Tây Ban Nha, Di tích lịch sử văn hóa được gọi là di tích lịch sử: “ Di tích lịch sử bao gồm các bất động sản và các động sản có lợi ích nghệ thuật, có lợi ích sinh vật học, khảo cổ học, dân tộc học, khoa học hoặc kỹ thuật, cũng kể cả DSTN và thư mục, các lớp mỏ, các khu vực khảo cổ, các thắng cảnh thiên nhiên, các công viên, các vườn có giá trị nghệ thuật lịch sử hay nhân chủng học”.

Theo Pháp lệnh bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh công bố ngày 4/4/1984, di tích lịch sử văn hóa được quan niệm như sau: “ DTLSVH là những công trình xây dựng địa điểm, đồ vật, tài liệu và các tác phẩm nghệ thuật, cũng như có giá trị văn hóa khác, hoặc liên quan đến các sự kiện lịch sử, quá trình phát triển văn hóa, xã hội”.

Theo luật DSVH của Việt Nam năm 2003: “ DTLSVH là những công trình xây dựng và các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc công trình, địa điểm có giá trị lịch sử- văn hóa và khoa học”.

(Luật DSVH và văn bản hướng dẫn thi hành, NXB Chính trị Quốc gia, 2003, tr.13)

Theo quy định xếp hạng của Bộ Văn hóa và Thông tin (nay là Bộ Văn hóa- Thể thao – Du lịch) di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh quốc gia và địa phương thành các dạng sau: di tích khảo cổ, di tích lịch sử, Di tích kiến trúc nghệ thuật, các danh lam thắng cảnh, các công trình đương đại.

► **Các di tích khảo cổ:**

Các di tích khảo cổ là những di sản văn hóa lịch sử bị vùi lấp trong lòng đất hoặc hiện diện trên mặt đất . được phát hiện khi các nhà khoa học hoặc các cá nhân nghiên cứu, khai quật thấy.

- Các di tích khảo cổ còn được gọi là các di chỉ khảo cổ .Các di tích khảo cổ thường bao gồm các loại : di chỉ cư trú, di chỉ mộ tang, những công trình kiến trúc cổ, những đô thị cổ, những tàu thuyền đắm.

Các di chỉ cư trú thường tìm thấy trong hang động, các thềm sông cổ, các bãi hoặc sườn đồi gần các hồ nước hoặc bầu nước, một số đảo gần bờ.

Các di tích lịch sử: Báo cáo tóm tắt Quy hoạch tổng thể Phát triển du lịch Việt Nam thời kỳ 1995 – 2010(tr.51) của Tổng cục du lịch Việt Nam ghi rõ : “ Những di tích lịch sử là một bộ phận không thể tách rời của di sản quốc gia , chúng bao gồm tất cả những thắng cảnh , công trình kỷ niệm hoặc kỷ vật thuộc về một thời kỳ nào đó của lịch sử đất nước và đem lại lợi ích quốc gia về phương diện lịch sử, nghệ thuật và khảo cổ”.

► Các di tích lịch sử

Bao gồm:

- Di tích ghi dấu về dân tộc học : những giá trị văn hóa lịch sử gắn với việc ăn, ở ,sinh hoạt của các tộc người .

- Di tích ghi dấu sự kiện lịch sử quan trọng ,tiêu biểu, có ý nghĩa quyết định cho việc xây dựng ,phát triển, bảo vệ của một đất nước ,một địa phương .

- Di tích ghi dấu chiến công chống xâm lược .

- Di tích ghi dấu cuộc đời, sự nghiệp của các danh nhân, các vị anh hùng dân tộc

- Di tích ghi dấu những kết quả lao động sáng tạo vinh quang của quốc gia .

- Di tích ghi dấu tội ác của thực dân, đế quốc.

- Các kỷ vật kỷ niệm ,cổ vật ,bảo vật gắn liền với tên tuổi các danh nhân ,các anh hùng dân tộc và các thời kỳ lịch sử , các tượng đài kỷ niệm .

► Các di tích kiến trúc nghệ thuật

Các di tích kiến trúc nghệ thuật bao gồm các công trình kiến trúc có giá trị cao về kỹ thuật xây dựng cũng như về mỹ thuật trang trí, hoặc các tác phẩm nghệ thuật điêu khắc, các bức bích họa, các công trình kiến trúc, ngoài ra trong các di tích này còn chứa đựng nhiều cổ vật, bảo vật quốc gia, vật kỷ niệm và những giá trị văn hóa phi vật thể như truyền thống văn hóa, truyền thuyết, các giá trị lịch sử, tâm linh, tôn giáo...

1.1.2.2. Vai trò của di tích lịch sử văn hóa :

*** Vai trò của di tích lịch sử văn hóa với giáo dục truyền thống**

Di tích lịch sử văn hóa chứa đựng những truyền thống tốt đẹp, những tinh hoa trí tuệ, những tài năng, giá trị văn hóa, kiến trúc mỹ thuật, của mỗi địa phương, mỗi quốc gia. Trong đời sống cộng đồng, các di tích lịch sử văn hóa còn là một biểu tượng của đời sống văn hoá, tinh thần, tâm linh của con người.

Đến với các di tích lịch sử văn hóa du khách và cộng đồng có cơ hội được tăng cường sự hiểu biết về lịch sử truyền thống, văn hoá, phong tục tập quán, đạo đức, chế độ xã hội... Đồng thời thông qua đó giáo dục lòng yêu nước, giữ gìn và nâng cao truyền thống dân tộc. Thông qua chuyến đi du lịch mà con người được làm quen với cảnh đẹp, với lịch sử, văn hoá dân tộc, qua đó càng thêm yêu đất nước mình; cộng đồng dân cư địa phương cũng thấy được sự hấp dẫn của văn hoá bản địa, nhận thức ngày một sâu sắc việc bảo tồn di sản văn hoá vật thể và phi vật thể địa phương mình, góp phần khai thác, bảo tồn các di sản văn hoá dân tộc, bảo vệ và phát triển môi trường tự nhiên và xã hội.

• Vai trò của di tích lịch sử văn hóa với giáo dục thẩm mỹ

Thông qua các di tích lịch sử văn hóa giáo dục và làm giàu thêm khả năng thẩm mỹ, bồi dưỡng tình cảm, thoải mái tinh thần khi được tham quan những kho tàng văn hoá nghệ thuật của đất nước, một vùng, một địa phương cho du khách và cộng đồng địa phương. Đến với các di tích lịch sử văn hóa, du khách có dịp được tìm hiểu, ngắm nhìn những công trình nghệ thuật kiến trúc, những kiệt tác điêu khắc mỹ thuật, làm thỏa mãn nhu cầu về thẩm mỹ và tăng thêm sự hiểu biết cho du khách về

giá trị lịch sử, giá trị kiến trúc nghệ thuật của di tích.

- **Vai trò của di tích lịch sử văn hóa với kinh tế**

Các khu di tích được khai thác phục vụ cho tham quan du lịch là cơ hội tạo công ăn việc làm, đem lại nguồn thu nhập cho người dân địa phương. Đi kèm với việc phát triển các di tích là việc xây dựng và phát triển cơ sở vật chất, cơ cấu hạ tầng gần nơi có di tích như : nhà hàng, khách sạn, các cửa hàng lưu niệm, các cơ sở kinh doanh dịch vụ khác như : vận chuyển, vui chơi giải trí...

Khi một di tích lịch sử văn hóa trở thành một điểm du lịch , du khách từ mọi nơi đổ về sẽ làm tăng nhu cầu về mọi hàng hóa tăng lên đáng kể. Việc đòi hỏi một số lượng lớn vật tư , hàng hóa các loại đã kích thích mạnh mẽ các ngành kinh tế có liên quan, đặc biệt là nông nghiệp, công nghiệp chế biến v.v... Bên cạnh đó, các hàng hóa , vật tư cho du lịch đòi hỏi phải có chất lượng cao, phong phú về chủng loại, hình thức đẹp và hấp dẫn. Điều này có nghĩa là yêu cầu hàng hóa phải được sản xuất trên một công nghệ cao, trình độ tiên tiến . Các chủ xí nghiệp bắt buộc phải đầu tư trang thiết bị hiện đại , tuyển chọn và sử dụng công nhân có tay nghề cao để sản xuất các mặt hàng đáp ứng nhu cầu của du khách.

Như vậy, nhiều di tích lịch sử văn hóa là nguồn tài nguyên du lịch quý giá đem lại nhiều lợi ích kinh tế cho ngành du lịch đồng thời hỗ trợ, thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển vì du lịch là một ngành kinh tế mang tính liên ngành và đa ngành cao.

- **Vai trò của di tích lịch sử văn hóa với văn hóa và du lịch**

Nhiều di tích lịch sử văn hóa đã được khai thác và trở thành đối tượng tham quan, nghiên cứu, thực hiện các nghi lễ tâm linh của nhiều du khách và là nguồn tài nguyên du lịch nhân văn đặc biệt hấp dẫn.

Việc đưa các di tích lịch sử văn hóa vào phát triển du lịch còn tạo ra nguồn kinh phí để tôn tạo trùng tu và phát triển các di tích đó, nhằm khôi phục cũng như bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc, từng bước nâng cao đời sống vật chất tinh thần của nhân dân. Nhiều lễ hội truyền thống gắn liền với các

nghi lễ tín ngưỡng tâm linh, các hoạt động văn hóa thể thao dân gian được khôi phục và tổ chức dân đi vào nền nếp, thu hút các tầng lớp nhân dân và du khách trong nước và ngoài nước đến với các địa chỉ du lịch văn hóa.

Nếu như nguồn tài nguyên du lịch tự nhiên hấp dẫn du khách bởi sự hoang sơ, độc đáo thì tài nguyên du lịch nhân văn đặc biệt là các di tích lịch sử văn hóa thu hút du khách bởi tính văn hóa, tính truyền thống và tính thẩm mỹ của nó.

Tài nguyên nhân văn là một trong những điều kiện quan trọng để phát triển du lịch, đặc biệt là đối với Việt Nam. Trong Pháp lệnh Du lịch được Quốc hội nước ta thông qua đã nêu rõ: *“Nhà nước Việt Nam xác định Du lịch là một ngành kinh tế tổng hợp quan trọng, mang nội dung văn hoá sâu sắc, có tính liên ngành, liên vùng và xã hội hoá cao; phát triển du lịch nhằm đáp ứng nhu cầu tham quan, giải trí, nghỉ dưỡng của nhân dân và khách du lịch quốc tế, góp phần nâng cao dân trí, tạo việc làm và phát triển kinh tế – xã hội của đất nước”*. Như vậy, Pháp lệnh đã thể hiện rõ nội dung cơ bản của du lịch Việt Nam là du lịch văn hoá. Nói cách khác, tài nguyên nhân văn hiện nay đang được coi là đối tượng sáng giá, có ưu thế nổi trội trong quá trình cạnh tranh quốc tế của ngành du lịch Việt Nam hiện nay.

1.1.3. Khái niệm du lịch

Từ xa xưa trong lịch sử nhân loại, du lịch đã được ghi nhận như một sở thích, một hoạt động nghỉ ngơi tích cực của con người. Ngày nay, du lịch đã trở thành một nhu cầu không thể thiếu được trong đời sống văn hóa xã hội của các nước.

Về mặt kinh tế, du lịch đã trở thành một trong những ngành kinh tế quan trọng của nhiều nước công nghiệp phát triển. Du lịch được coi là một ngành công nghiệp – ngành công nghiệp du lịch- và hiện nay ngành công nghiệp này chỉ đứng sau công nghiệp dầu khí và ô tô. Đối với các nước đang phát triển, du lịch được coi là cứu cánh để vực dậy nền kinh tế ốm yếu của quốc gia.

Buổi ban đầu sự bùng nổ về du lịch là do những du khách nghỉ biển tạo nên và cho đến nay du lịch nghỉ biển vẫn là dòng du khách chính trên thế giới. Chính vì vậy có khái niệm du lịch 3S với các nghĩa biển, cát và ánh nắng

Khi phát hiện ra du lịch là một ngành kinh doanh béo bở , nhiều nhà kinh doanh tìm mọi cách đáp ứng tối đa nhu cầu mọi mặt của du khách. Một trong những hướng kinh doanh đó là kinh doanh tình dục, kinh doanh trên thân thể người phụ nữ. Khái niệm du lịch 4S ra đời với chữ S thứ 4 có nghĩa là sex tour (du lịch tình dục)

Ở nhiều nơi, dưới con mắt người bản xứ, du khách là những kẻ giàu có đáng ghét, những kẻ đem lại bất hạnh cho người dân địa phương , đặc biệt là phụ nữ. Họ du nhập lối sống không được xã hội địa phương chấp nhận .Nhiều đoàn du khách bị tấn công .Đó là một trong những lý do du khách quan tâm đến sự an toàn trong du lịch. Chữ S thứ 4 ngày nay cần hiểu là an toàn hay an ninh (security,safely)

Hiện nay , du lịch biển không còn là địa chỉ duy nhất của các chuyến du lịch .Có thể nói du lịch bao gồm 4 T : travel (sự di chuyển),transport(phương tiện vận chuyển tốt gây hứng khởi), tranquility (những nơi yên tĩnh, thanh bình), transparency (môi trường tự nhiên cũng như xã hội trong sạch)

Người Trung Quốc thì cho rằng du lịch bao gồm 5 yếu tố : thực, trú ,hành ,lạc. Đi du lịch là được nếm những món ăn ngon , ở trong những căn phòng tiện nghi, đi lại trên các phương tiện sang trọng , được vui chơi giải trí vui vẻ, có điều kiện mua sắm hàng hóa , quần áo .

Thuật ngữ du lịch trong ngôn ngữ nhiều nước bắt nguồn từ tiếng Hy Lạp với ý nghĩa là đi một vòng .

Thuật ngữ này được La tinh hóa thành tornus và sau đó thành *torisme* (tiếng Pháp), *tourism* (tiếng Anh),*mypuju* (tiếng Nga)v.v...

Trong tiếng Việt , thuật ngữ *tourism* được dịch thông qua tiếng Hán.*Du* có nghĩa là đi chơi, *lich* có nghĩa là từng trải.

Tuy nhiên, người Trung Quốc gọi *tourism* là *du lãm* với nghĩa là đi chơi để nâng cao nhận thức.

Ngày nay, du lịch đã trở thành một hiện tượng kinh tế,xã hội phổ biến không chỉ ở các nước phát triển ,trong đó có Việt Nam.Trước thực tế phát triển của ngành

du lịch về mặt kinh tế cũng như trong lĩnh vực đào tạo , việc nghiên cứu , thảo luận để đi đến thống nhất một số khái niệm cơ bản, trong đó có khái niệm du lịch và du khách khách một đòi hỏi cần thiết.

Do hoàn cảnh (thời gian, khu vực) khác nhau , dưới mỗi góc độ nghiên cứu khác nhau ,mỗi người có một cách hiểu về du lịch khác nhau. Một chuyên gia về du lịch đã nhận định : “ Đối với du lịch , có bao nhiêu tác giả nghiên cứu thì có bấy nhiêu định nghĩa”.

Theo Tổ chức Du lịch Thế giới (*World Tourist Organization*): *Du lịch bao gồm tất cả mọi hoạt động của những người du hành, tạm trú, trong mục đích tham quan, khám phá và tìm hiểu, trải nghiệm hoặc trong mục đích nghỉ ngơi, giải trí, thư giãn; cũng như mục đích hành nghề và những mục đích khác nữa, trong thời gian liên tục nhưng không quá một năm, ở bên ngoài môi trường sống định cư; nhưng loại trừ các du hành mà có mục đích chính là kiếm tiền. Du lịch cũng là một dạng nghỉ ngơi năng động trong môi trường sống khác hẳn nơi định cư.*

Tại hội nghị Liên Hợp Quốc họp tại Roma- Italia (21/8- 5/9/1963), các chuyên gia đưa ra định nghĩa về du lịch : Du lịch là tổng hợp các mối quan hệ , hiện tượng và các hoạt động kinh tế, bắt nguồn từ các cuộc hành trình và lưu trú của cá nhân hay tập thể ở bên ngoài nơi ở thường xuyên của họ hay ngoài nước họ với mục đích hòa bình.Nơi họ đến lưu trú không phải là nơi làm việc của họ.

Theo Ausher : “*du lịch là nghệ thuật đi chơi của các cá nhân*”.

Viện sĩ Nguyễn Khắc Viện lại quan niệm rằng “ *du lịch là sự mở rộng không gian văn hóa của con người*”.

Trong các từ điển Tiếng Việt thì du lịch nghĩa là *đi chơi cho biết xứ người*.

Dưới con mắt của Guer Freuler Du lịch với ý nghĩa hiện đại của từ này là một hiện tượng của thời đại chúng ta ,dựa trên sự tăng trưởng về nhu cầu khôi phục sức khỏe và sự thay đổi của môi trường xung quanh, dựa vào sự phát sinh , phát triển tình cảm đối với vẻ đẹp của thiên nhiên.

Trong du lịch và kinh doanh du lịch của PTS Trần Nhuận : “ Du lịch là quá

trình hoạt động của con người rời khỏi quê hương đến một nơi khác với mục đích chủ yếu là được thăm nhận những giá trị vật chất và tinh thần đặc sắc ,độc đáo ,khác lạ với quê hương, không nhằm mục đích sinh lời được tính bằng đồng tiền”.

Azar thì lại nhận thấy du lịch là một trong những hình thức di chuyển tạm thời từ một vùng này sang một vùng khác, từ một nước này sang một nước khác nếu không gắn với sự thay đổi nơi cư trú hay làm việc .

Trong cuốn Cơ sở địa lý du lịch và dịch vụ tham quan,nhà địa lý Belarus đã nhấn mạnh : du lịch là một dạng hoạt động của dân cư trong thời gian nhàn rỗi có liên quan đến sự di cư và lưu trú tạm thời ngoài nơi ở thường xuyên nhằm mục đích phát triển thể chất và tinh thần, nâng cao trình độ nhận thức văn hóa hoặc hoạt động thể thao kèm theo việc tiêu thụ những giá trị về tự nhiên , kinh tế, văn hóa, dịch vụ. Ngoài ra,nhìn từ góc độ thay đổi về không gian của du khách : du lịch là một trong những hình thức di chuyển tạm thời từ một vùng này sang một vùng khác,từ một nước này sang một nước khác mà không thay đổi nơi cư trú hay nơi làm việc.

Hay nhìn từ góc độ kinh tế : du lịch là một ngành kinh tế, dịch vụ có nhiệm vụ phục vụ cho nhu cầu tham quan, giải trí nghỉ ngơi, có hoặc không kết hợp với các hoạt động chữa bệnh, thể thao, nghiên cứu khoa học và các nhu cầu khác.

Như vậy,có khá nhiều khái niệm về du lịch,tổng hợp lại ta có thể hiểu du lịch là:

1.Sự di chuyển và lưu trú qua đêm tạm thời trong thời gian rảnh rỗi của cá nhân hay tập thể ngoài nơi cư trú nhằm mục đích phục hồi sức khỏe, nâng cao tại chỗ nhận thức về thế giới xung quanh , có hoặc không kèm theo việc tiêu thụ một số giá trị tự nhiên , kinh tế, văn hóa và dịch vụ do các cơ sở chuyên nghiệp cung ứng.

2. Một lĩnh vực kinh doanh các dịch vụ nhằm thỏa mãn nhu cầu nảy sinh trong quá trình di chuyển và lưu trú qua đêm tạm thời trong thời gian rảnh rỗi của cá nhân hay tập thể ngoài nơi cư trú , mục đích phục hồi sức khỏe, nâng cao nhận thức tại chỗ về thế giới xung quanh.

Theo Luật du lịch Việt Nam năm 2005 : “ Du lịch là các hoạt động có liên

quan đến chuyến đi của con người ngoài nơi cư trú thường xuyên của mình nhằm đáp ứng nhu cầu tham quan, tìm hiểu, giải trí, nghỉ dưỡng trong một khoảng thời gian nhất định.”

1.1.3.1. Du lịch và phát triển kinh tế:

a. Du lịch góp phần phát triển kinh tế, kéo theo sự phát triển của nhiều ngành nghề liên quan:

Du lịch có ảnh hưởng rất rõ nét lên nền kinh tế của địa phương thông qua việc tiêu dùng của du khách.

Trên bình diện chung, hoạt động du lịch có tác dụng biến đổi cán cân thu chi của khu vực và của đất nước. Du khách quốc tế mang ngoại tệ vào đất nước du lịch, làm tăng thêm nguồn thu ngoại tệ cho đất nước đến. Ngược lại phần chi ngoại tệ sẽ tăng lên đối với những quốc gia có nhiều người đi du lịch nước ngoài. Trường hợp đầu cán cân thu chi sẽ nghiêng về nước đón khách, trường hợp thứ hai nhà nước phải xuất một lượng ngoại tệ lớn để gửi khách đi du lịch nước ngoài. Trong phạm vi một quốc gia, hoạt động du lịch làm xáo động hoạt động luân chuyển tiền tệ, hàng hóa. Cán cân thu chi được thực hiện giữa các vùng có trình độ kinh tế khác nhau, tuy không làm biến đổi cán cân kinh tế của đất nước, song có tác dụng điều hòa nguồn vốn từ vùng kinh tế phát triển sang vùng kinh tế kém phát triển hơn, kích thích sự tăng trưởng kinh tế các vùng sâu vùng xa.

So sánh với ngoại thương, ngành du lịch cũng có nhiều ưu thế nổi trội. Du lịch quốc tế xuất khẩu tại chỗ được nhiều mặt hàng không phải qua nhiều khâu nên tiết kiệm được lao động, chênh lệch giá giữa người bán và người mua không quá cao.

Do xuất khẩu tại chỗ nên có thể xuất được những mặt hàng dễ hư hỏng mà ít bị rủi ro như hoa quả, rau tươi... Nhiều mặt hàng do du lịch tiêu thụ tại chỗ nên không cần đóng gói, bảo quản phức tạp.

Như vậy, ta thấy du lịch có tác dụng tích cực làm thay đổi bộ mặt kinh tế khu vực. Nhiều nước trên thế giới coi du lịch là cứu cánh để mong muốn vực dậy nền

kinh tế ốm yếu và què quặt của mình.

1.1.3.2. Du lịch và văn hóa xã hội:

Trước hết phải khẳng định, du lịch có chức năng giao lưu văn hóa giữa các cộng đồng, là chiếc cầu nối hòa bình giữa các dân tộc trên thế giới. Hoạt động du lịch giúp cho các dân tộc xích lại gần nhau hơn, hiểu hơn về giá trị văn hóa của đất nước bạn.

Du lịch ngày càng trở thành nguồn lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng, việc làm, thu nhập cho các nước đang phát triển và hiện đã trở thành nguồn xuất khẩu lớn thứ nhất hoặc thứ hai của 20 trong số 48 nước chậm phát triển nhất thế giới, đồng thời là nguồn tăng trưởng bền vững ở ít nhất 10 nước khác.

Ngành du lịch đã trở thành một trong những động lực chính thúc đẩy tiến bộ kinh tế xã hội ở nhiều nước và là ưu tiên phát triển đối với đa số các nước nghèo nhất.

1.1.3.3. Du lịch và giáo dục truyền thống:

Việc tham quan, tiếp xúc với thiên nhiên tạo điều kiện cho du khách hiểu biết sâu sắc thêm về tự nhiên, thấy được giá trị của thiên nhiên đối với đời sống của con người.

Đồng thời, để đáp ứng nhu cầu du lịch nghỉ ngơi tại những khu vực có nhiều cảnh quan thiên nhiên của du khách, người ta sẽ phải dành những khoảng đất đai có môi trường ít bị xâm phạm, xây dựng các công viên bao quanh thành phố, thi hành các biện pháp bảo vệ môi trường sống phù hợp với nhu cầu của du khách. Mặt khác, để tăng thu nhập từ du khách phải có chính sách marketing, chính sách ưu đãi, bảo vệ tự nhiên để điểm du lịch ngày càng hấp dẫn, thu hút du khách.

1.1.4. Khái niệm văn hóa:

Văn hóa là khái niệm mang nội hàm rộng với rất nhiều cách hiểu khác nhau, liên quan đến mọi mặt đời sống vật chất và tinh thần của con người.

Nghĩa ban đầu của văn hóa trong tiếng Hán là những nét xăm mình qua đó người khác nhìn vào để nhận biết và phân biệt mình với người khác, biểu thị sự quy

nhập vào thần linh và các lực lượng bí ẩn của thiên nhiên, chiếm lĩnh quyền lực siêu nhiên. Theo bộ Từ Hải (bản năm 1989) thì *văn hóa* vốn là một cách biểu thị chung của hai khái niệm *văn trị* và *giáo hóa*.

Theo ngôn ngữ của phương Tây, từ tương ứng với *văn hóa* của tiếng Việt (*culture* trong tiếng Anh và tiếng Pháp, *kultur* trong tiếng Đức,...) có nguồn gốc từ các dạng của động từ Latin *colere* là *colo*, *colui*, *cultus* với hai nghĩa: (1) giữ gìn, chăm sóc, tạo dựng trong trồng trọt; (2) cầu cúng.

Trong cuộc sống hàng ngày, văn hóa thường được hiểu là văn học, nghệ thuật như thơ ca, mỹ thuật, sân khấu, điện ảnh... Các "trung tâm văn hóa" có ở khắp nơi chính là cách hiểu này. Một cách hiểu thông thường khác: văn hóa là cách sống bao gồm phong cách ẩm thực, trang phục, cư xử và cả đức tin, tri thức được tiếp nhận... Vì thế chúng ta nói một người nào đó là văn hóa cao, có văn hóa hoặc văn hóa thấp, vô văn hóa.

Trong nhân loại học và xã hội học, khái niệm văn hóa được đề cập đến theo một nghĩa rộng nhất.

Văn hóa bao gồm tất cả mọi thứ vốn là một bộ phận trong đời sống con người. Văn hóa không chỉ là những gì liên quan đến tinh thần mà bao gồm cả vật chất.

Văn hóa liên kết với sự tiến hóa sinh học của loài người và nó là sản phẩm của *người thông minh* (*homo sapiens*). Trong quá trình phát triển, tác động sinh học hay bản năng dần dần giảm bớt khi loài người đạt được trí thông minh để định dạng môi trường tự nhiên cho chính mình. Đến lúc này, bản tính con người không còn mang tính bản năng mà là văn hóa. Khả năng sáng tạo của con người trong việc định hình thế giới hơn hẳn bất kỳ loài động vật nào khác và chỉ có con người dựa vào văn hóa hơn là bản năng để đảm bảo cho sự sống còn của chủng loài mình. Con người có khả năng hình thành văn hóa và với tư cách là thành viên của một xã hội, con người tiếp thu văn hóa, bảo tồn nó đồng thời truyền đạt nó từ thế hệ này sang thế hệ khác. Việc cùng có chung một văn hóa giúp xác định nhóm người hay

xã hội mà các cá thể là thành viên.

Văn hóa là bao gồm tất cả những sản phẩm của con người. Và như vậy, văn hóa bao gồm cả hai khía cạnh:

- Khía cạnh phi vật chất của xã hội như : ngôn ngữ, tư tưởng, giá trị ...
- Khía cạnh vật chất như : nhà cửa, quần áo, các phương tiện, v.v...

Cả hai khía cạnh cần thiết để làm ra sản phẩm và đó là một phần của văn hóa.

Trên thế giới, có rất nhiều định nghĩa khác nhau về văn hóa, mỗi định nghĩa phản ánh một cách nhìn nhận và đánh giá khác nhau.

Ngay từ năm 1952, hai nhà nhân loại học Mỹ là Alfred Kroeber và Clyde Kluckhohn đã từng thống kê có tới 164 định nghĩa khác nhau về văn hóa trong các công trình nổi tiếng thế giới. Văn hóa được đề cập đến trong nhiều lĩnh vực nghiên cứu như *dân tộc học, nhân loại học* (theo cách gọi của Mỹ hoặc *dân tộc học hiện đại* theo cách gọi của châu Âu), *dân gian học, địa văn hóa học, văn hóa học, xã hội học*,... và trong mỗi lĩnh vực nghiên cứu đó định nghĩa về văn hóa cũng khác nhau.

Các định nghĩa về văn hóa nhiều và cách tiếp cận khác nhau đến nỗi ngay cả cách phân loại các định nghĩa về văn hóa cũng có nhiều. Một trong những cách đó phân loại các định nghĩa về văn hóa thành những dạng chủ yếu sau đây :

Về mặt thuật ngữ khoa học: Văn hóa được bắt nguồn từ chữ Latinh "Cultus" mà nghĩa gốc là gieo trồng, được dùng theo nghĩa *Cultus Agri* là "gieo trồng ruộng đất" và *Cultus Animi* là "gieo trồng tinh thần" tức là "sự giáo dục bồi dưỡng tâm hồn con người". Theo nhà triết học Anh Thomas Hobbes (1588-1679): "*Lao động giành cho đất gọi là sự gieo trồng và sự dạy dỗ trẻ em gọi là gieo trồng tinh thần*".

Các định nghĩa miêu tả: định nghĩa văn hóa theo những gì mà văn hóa bao hàm, chẳng hạn nhà nhân loại học người Anh Edward Burnett Tylor (1832 - 1917) đã định nghĩa văn hóa như sau: văn hóa hay văn minh hiểu theo nghĩa rộng trong dân tộc học là *một tổng thể phức hợp gồm kiến thức, đức tin, nghệ thuật, đạo đức, luật pháp, phong tục, và bất cứ những khả năng, tập quán nào mà con người thu nhận*

được với tư cách là một thành viên của xã hội.

Các định nghĩa lịch sử: nhấn mạnh các quá trình kế thừa xã hội, truyền thống dựa trên quan điểm về tính ổn định của văn hóa. Một trong những định nghĩa đó là của Edward Sapir (1884 - 1939), nhà nhân loại học, ngôn ngữ học người Mỹ: văn hóa chính là bản thân con người, cho dù là những người hoang dã nhất sống trong một xã hội tiêu biểu cho một hệ thống phức hợp của tập quán, cách ứng xử và quan điểm được bảo tồn theo truyền thống.

Các định nghĩa chuẩn mực: nhấn mạnh đến các quan niệm về giá trị, chẳng hạn William Isaac Thomas (1863 - 1947), nhà xã hội học người Mỹ coi văn hóa là các giá trị vật chất và xã hội của bất kỳ nhóm người nào (các thiết chế, tập tục, phản ứng cư xử,...).

Các định nghĩa tâm lý học: nhấn mạnh vào quá trình thích nghi với môi trường, quá trình học hỏi, hình thành thói quen, lối ứng xử của con người. Một trong những cách định nghĩa như vậy của William Graham Sumner (1840 - 1910), viện sĩ Mỹ, giáo sư Đại học Yale và Albert Galloway Keller, học trò và cộng sự của ông là: Tổng thể những thích nghi của con người với các điều kiện sinh sống của họ chính là văn hóa, hay văn minh... Những sự thích nghi này được bảo đảm bằng con đường kết hợp những thủ thuật như biến đổi, chọn lọc và truyền đạt bằng kế thừa.

Các định nghĩa cấu trúc: chú trọng khía cạnh tổ chức cấu trúc của văn hóa, ví dụ Ralph Linton (1893 - 1953), nhà nhân loại học người Mỹ định nghĩa:

a. Văn hóa suy cho cùng là các phản ứng lặp lại ít nhiều có tổ chức của các thành viên xã hội.

b. Văn hóa là sự kết hợp giữa lối ứng xử mà các thành tố của nó được các thành viên của xã hội đó tán thành và truyền lại nhờ kế thừa.

Các định nghĩa nguồn gốc: định nghĩa văn hóa từ góc độ nguồn gốc của nó, ví dụ định nghĩa của Pitirim Alexandrovich Sorokin (1889 - 1968), nhà xã hội học người Mỹ gốc Nga, người sáng lập khoa Xã hội học của Đại học Harvard: Với

nghĩa rộng nhất, văn hóa chỉ tổng thể những gì được tạo ra, hay được cải biến bởi hoạt động có ý thức hay vô thức của hai hay nhiều cá nhân tương tác với nhau và tác động đến lối ứng xử của nhau.

Năm 2002, UNESCO đã đưa ra định nghĩa về văn hóa như sau: *Văn hóa nên được đề cập đến như là một tập hợp của những đặc trưng về tâm hồn, vật chất, tri thức và xúc cảm của một xã hội hay một nhóm người trong xã hội và nó chứa đựng, ngoài văn học và nghệ thuật, cả cách sống, phương thức chung sống, hệ thống giá trị, truyền thống và đức tin.*

Văn hóa Việt Nam được đề cập đến từ những năm 30 thế kỷ trước. Theo học giả Đào Duy Anh thì “ Văn hóa là sinh hoạt”.

Bác Hồ gọi “ Văn hóa là mặt trận”; “ Văn hóa soi đường cho quốc dân đi”.

Theo Lê nin thì “Văn hóa là guồng quay của CNXH”.

Nghị quyết của Hội nghị lần thứ V Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII *“Văn hóa vừa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - văn hóa xã hội”*.

Tóm lại, Văn hóa là sản phẩm của loài người, văn hóa được tạo ra và phát triển trong quan hệ qua lại giữa con người và xã hội. Song, chính văn hóa lại tham gia vào việc tạo nên con người, và duy trì sự bền vững và trật tự xã hội. Văn hóa được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác thông qua quá trình xã hội hóa. Văn hóa được tái tạo và phát triển trong quá trình hành động và tương tác xã hội của con người. Văn hóa là trình độ phát triển của con người và của xã hội được biểu hiện trong các kiểu và hình thức tổ chức đời sống và hành động của con người cũng như trong giá trị vật chất và tinh thần mà do con người tạo ra.

1.1.4.1. Một số chức năng đặc trưng của văn hóa:

a. Chức năng giáo dục

Chức năng giáo dục của văn hóa tức là thông qua các hoạt động, các sản phẩm của mình nhằm tác động một cách có hệ thống đến sự phát triển tinh thần, thể chất của con người, làm cho con người dần dần có những phẩm chất và năng lực

theo những chuẩn mực xã hội đề ra.

Văn hoá thực hiện chức năng giáo dục không chỉ bằng những giá trị đã ổn định là truyền thống văn hoá mà còn bằng cả những giá trị đang hình thành. Các giá trị này tạo thành một hệ thống chuẩn mực mà con người hướng tới. Nhờ vậy, văn hoá đóng vai trò quyết định trong việc hình thành nhân cách ở con người, trong việc "trồng người".

Với chức năng giáo dục, văn hoá tạo nên sự phát triển liên tục của lịch sử mỗi dân tộc cũng như lịch sử nhân loại. Văn hoá duy trì và phát triển bản sắc dân tộc và là cầu nối hữu nghị gắn bó các dân tộc, gắn kết các thế hệ trong mục tiêu hướng đến cái Chân- Thiện- Mỹ. Văn hoá là "gien" xã hội di truyền phẩm chất cộng đồng người lại cho các thế hệ sau.

Nghiên cứu về chức năng này để nhằm giáo dục truyền thống, lòng tự hào về văn hóa lịch sử mà ông cha ta đã để lại.

Các công trình chùa tháp thời Lý ở trên đất nước ta hiện nay không còn nữa, cho nên việc phục dựng tháp Tường Long là góp phần bảo vệ nền văn hóa cổ đậm đà bản sắc dân tộc Việt Nam.

Ngoài ra, giá trị văn hóa tinh thần của Tháp còn gắn liền với truyền thống chống giặc ngoại xâm trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ của nhân dân Đồ Sơn. Đó là các trận đánh kho xăng, sân bay Đồ Sơn, Bến Nghiêng là nơi thực dân Pháp cuối cùng rút khỏi miền Bắc Việt Nam, Bến tàu không số nơi xuất phát của đường Hồ Chí Minh trên biển.

Việc phục dựng Tháp Tường Long và xây dựng quần thể Tháp mang tính xã hội sâu sắc, phù hợp với nguyện vọng của nhân dân Đồ Sơn, đồng thời mang tính giáo dục đối với thế hệ trẻ hiện nay và mai sau về mặt giáo dục văn hóa tinh thần, về lịch sử văn hóa Đồ Sơn nói riêng và Hải Phòng nói chung.

b. Chức năng nhận thức

Đây là chức năng đầu tiên, tồn tại trong mọi hoạt động văn hoá. Bởi, con người không có nhận thức thì không thể có bất cứ một hành động văn hoá nào.

Nhưng quá trình nhận thức này của con người trong các hoạt động văn hóa lại được thông qua đặc trưng, đặc thù của văn hóa. Nâng cao trình độ nhận thức của con người chính là phát huy những tiềm năng ở con người.

Nghiên cứu chức năng này nhằm củng cố nhận thức về lịch sử văn hóa của dân tộc.

Di tích giống như một minh chứng cho một giai đoạn trong lịch sử dân tộc, nhờ đó ta có thể tìm hiểu, nghiên cứu về văn hóa, lịch sử của dân tộc. Từ đó có nhận thức sâu sắc hơn giúp nâng cao ý thức trong việc giữ gìn, bảo tồn các di sản văn hóa có giá trị.

Cùng như việc hiểu được các giá trị của di tích lịch sử văn hóa tháp Tường Long mà ý tưởng phục dựng tháp Tường Long đã được bắt tay vào thực hiện. Việc phục dựng tháp Tường Long để góp phần bảo vệ nền văn hóa cổ của dân tộc. Đồng thời, việc phục dựng tháp Tường Long và quần thể di tích Tháp để đáp ứng nhu cầu tham quan của khách du lịch và tạo điều kiện cho thị xã Đồ Sơn phát triển kinh tế - xã hội. Đặc biệt, người ta còn nhận thức được việc phục dựng tháp còn có ý nghĩa về mặt văn hóa tâm linh, đáp ứng nguyện vọng thiết tha của người dân địa phương cũng như du khách về nhu cầu thưởng thức văn hóa.

c. Chức năng thẩm mỹ

Cùng với nhu cầu hiểu biết, con người còn có nhu cầu hưởng thụ, hướng tới cái đẹp. Con người nào nặn hiện thực theo quy luật của cái đẹp cho nên văn hóa phải có chức năng này. Nói cách khác, văn hoá là sự sáng tạo của con người theo quy luật của cái đẹp, trong đó, văn học nghệ thuật là biểu hiện tập trung nhất sự sáng tạo ấy. Với tư cách là khách thể của văn hóa, con người tiếp nhận chức năng này của văn hóa và tự thanh lọc mình theo hướng vươn tới cái đẹp và khắc phục cái xấu trong mỗi người .

Nghiên cứu chức năng thẩm mỹ trong đề tài này để thấy được cái đẹp trong nghệ thuật qua lăng kính văn hóa lịch sử mà cha ông ta đã để lại.

Khi đến với di tích lịch sử văn hóa tháp Tường Long, du khách có cơ hội

được tìm hiểu, nghiên cứu công trình nghệ thuật kiến trúc cổ- kiến trúc chùa tháp thời Lý, bao gồm quy mô, kiến trúc và những tác phẩm nghệ thuật điêu khắc có giá trị thẩm mỹ cao mà các nghệ nhân cách đây hơn 1000 năm đã chế tác ra.

Và trong tương lai, nhân dân và du khách có cơ hội được thưởng thức, ngắm nhìn một công trình lịch sử văn hóa hiện đại sau khi tháp được phục dựng hoàn chỉnh và được vào phục vụ cho các hoạt động văn hóa xã hội và du lịch văn hóa của Hải Phòng.

1.2.Mối quan hệ giữa văn hóa và du lịch

Trong nhận thức mới của nhân loại, văn hoá được hiểu theo nghĩa rộng là tất cả những gì con người sáng tạo ra và tích lũy qua quá trình hoạt động thực tiễn trong sự tương tác với môi trường tự nhiên và xã hội; một hệ thống tổng hoà các giá vật chất và tinh thần, vật thể và phi vật thể, tĩnh và động; là hoạt động sáng tạo cả tinh thần lẫn vật chất, chứ không bó hẹp trong hoạt động tinh thần sáng tạo như cách hiểu trước đây.

Văn hoá thấm sâu và lan toả rộng ra khắp nơi, tác động trực tiếp lên tất cả các hoạt động của con người, trở thành động lực và mục tiêu của mọi hoạt động xã hội cũng như sự phát triển kinh tế, trong đó có hoạt động du lịch.

Nếu thiên nhiên là cái nôi đầu tiên nuôi sống con người, thì văn hoá là cái nôi thứ hai, trong đó toàn bộ đời sống tinh thần của con người được tạo ra, nuôi dưỡng và phát triển. Bao nhiêu khát vọng được hình thành và thoả mãn, trong đó có khát vọng được đi tìm cái mới, cái khác trong đời sống thường nhật của mình. Nói cách khác văn hóa là nền tảng của du lịch. Mỗi dân tộc có những sự khác nhau trong ăn mặc, nói năng, sinh sống, đi lại, lễ nghi, phong tục tập quán, tôn giáo tín ngưỡng... Cùng một dân tộc, nhưng ở các vùng, miền khác nhau thì tính chất, kết cấu, mô thức văn hoá cũng đã khác nhau. Chính sự khác nhau đó là sự hấp dẫn du lịch, tạo ra các loại hình du lịch. Sự trường tồn của văn hóa, tính tiên tiến và bản sắc văn hóa cùng với sự tồn tại và phát triển của nhân loại sẽ quyết định sự phát triển của du lịch.

Một nơi muốn trở thành một điểm du lịch thì thuận lợi nhất là phải có tài nguyên du lịch hấp dẫn, được sử dụng để phục vụ nhu cầu tham quan của khách du lịch. Đối với phần lớn du khách, chính sự hấp dẫn của điểm du lịch mới là động cơ thúc đẩy họ đi du lịch chứ không phải là tiện nghi của khách sạn hay khu du lịch. Chỉ những điểm du lịch hấp dẫn, an toàn và thân thiện, đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế về vệ sinh, an ninh và chất lượng, mới thu hút được khách du lịch, mới có thể thành công cả trong hiện tại và tương lai, hay nói một cách khác là mới phát triển bền vững được.

Theo Bộ Trưởng Bộ Văn Hóa – Thể Thao – Du lịch Hoàng Tuấn Anh: “Trước hết cần khẳng định rằng nội hàm của du lịch là văn hóa. Nếu nói rằng mối tương quan giữa văn hóa và du lịch là bên xây bên khai thác là không toàn diện, đây là mối quan hệ tương hỗ. Khi du khách đến một di tích, địa danh, giúp cho họ có thêm hiểu biết, nhận thức về văn hóa, lịch sử của khu vực đó cũng là một cách xây dựng. Trong thời gian tới, văn hóa và du lịch không còn là ngành riêng lẻ mà đã là “một nhà” thì hoạt động của hai ngành sẽ liên kết chặt chẽ hơn. Nhiều kế hoạch quảng bá hình ảnh về đất nước, văn hóa, du lịch, con người Việt Nam đang được xúc tiến xây dựng nhằm giới thiệu với thế giới về một Việt Nam hòa bình, thân thiện, là điểm đến an toàn hấp dẫn”. Qua ý kiến trên ta có thể thấy được mối quan hệ hữu cơ giữa du lịch và văn hóa.

1.2.1. Ảnh hưởng của văn hóa đến du lịch

Các đối tượng văn hóa được coi là tài nguyên du lịch đặc biệt hấp dẫn. Nếu như tài nguyên du lịch thiên nhiên hấp dẫn du khách bởi sự hoang sơ độc đáo và hiếm hoi của nó thì tài nguyên du lịch nhân văn thu hút khách bởi tính phong phú, đa dạng, độc đáo và tính truyền thống cũng như tính địa phương của nó.

Các đối tượng văn hóa - tài nguyên du lịch nhân văn- là cơ sở tạo nên các loại hình du lịch văn hóa phong phú .

Mặt khác ,nhận thức văn hóa còn là yếu tố thúc đẩy động cơ du lịch của du khách.Như vậy, xét dưới góc độ thị trường thì văn hóa vừa là yếu tố cung vừa góp

phần hình thành yếu tố cấu của hệ thống du lịch.

Trong một chừng mực nào đó ,có thể xét mối quan hệ giữa du lịch và văn hóa thông qua một số phương tiện và sản phẩm văn hóa cụ thể.

Các sản phẩm văn hóa như tranh vẽ, điêu khắc, tượng nặn ...tạo nên một động lực thúc đẩy quan trọng của du lịch.

Trình diễn dân ca và các loại hình văn nghệ truyền thống cũng như hiện đại cũng là một biểu hiện của văn hóa.Thực tế ở một số nước, âm nhạc là nguồn chủ yếu để mua vui và làm hài lòng du khách ở trong các cơ sở lưu trú.

Điệu nhảy dân tộc tạo nên một sức hút hết sức lôi cuốn ,sôi động và mạnh mẽ của một nền văn hóa đối với du khách.

Mua bán cũng là một trong những yếu tố quan trọng nhất trong du lịch.Sức hấp dẫn , vệ sinh sạch sẽ ,sự niềm nở và mặt hàng phong phú là những yếu tố quyết định nhất đối với thành công ở nơi bán hàng.Trên thực tế, nhiều khi tiếng tăm về lòng nhiệt tình , cởi mở của các nhân viên tốt bụng, có văn hóa của cửa hàng đã tạo cho điểm du lịch trở nên đông khách.Thuật ngữ du lịch mua sắm (shopping tour) đã mở ra một loại hình du lịch khá mới mẻ.

Nền nông nghiệp của một khu vực có thể là mối quan tâm của du khách .Mô hình du lịch nông thôn làm cho du khách hòa mình vào cuộc sống của người nông dân vừa giúp cho du khách hiểu thêm về bản chất một nền văn hóa,vừa góp phần giúp những người nông dân mở mang nhận thức một cách trực tiếp.

Những hoạt động của các trường đại học, trung học, tiểu học cũng như các trường tư và hình thức tổ chức đào tạo, hướng nghiệp...là những đặc trưng của nền văn hoá khu vực đó và có thể được sử dụng ở mức đáng kể như những trung tâm thu hút du khách.

Các thành tựu khoa học của một vùng hay một nước mặc dù có sức cuốn hạn chế hơn so với khía cạnh văn hóa khác nhau nhưng vẫn tạo thành một yếu tố quan trọng trong việc thúc đẩy du lịch.

Việc quan tâm đến ngôn ngữ của một dân tộc hay một quốc gia khác là một động

lực thúc đẩy phát triển du lịch.

Các chương trình du lịch - học tập là những kinh nghiệm đặc biệt có giá trị. Tiếp thu những chỉ dẫn bằng ngoại ngữ ở nước ngoài có thể kết hợp với chương trình giảng dạy du lịch – học tập toàn diện.

Đa số các du khách thích học một vài câu để sử dụng khi họ ở nước ngoài. Thường dưới dạng thẻ hiện, biểu lộ liên quan đến việc đặt món ăn trong khách sạn, trong đối thoại với các nhân viên khách sạn hay các khách du lịch khác.

Các hoạt động khoa học của một nước cũng là một sự hấp dẫn đối với du khách, đặc biệt đối với những người thuộc các ngành nghiên cứu khoa học, giáo dục hay kỹ thuật công nghiệp. Các tổ chức có nhiệm vụ thúc đẩy du lịch có thể phục vụ cho cộng đồng khoa học bằng cách đưa ra các phương tiện để trao đổi thông tin khoa học, tổ chức các buổi hội thảo khoa học, đi thăm các tổ chức, cơ quan khoa học và các hoạt động khác để du khách tiếp xúc với các thông tin khoa học.

Tôn giáo cũng có thể để lại nhiều dấu ấn mạnh mẽ đến văn hóa giao tiếp. Những người theo đạo sẽ tìm thấy sự yên tâm khi đến du lịch tại đất nước có tôn giáo của họ. Họ cũng nhận được sự đồng cảm của người dân địa phương có cùng tôn giáo. Ngược lại, sự hiềm khích tranh chấp tôn giáo là một vật cản khó có thể vượt qua trong việc tổ chức hoạt động du lịch.

Du lịch kể từ khi hình thành đã được coi là “sự mở rộng không gian văn hóa của con người” (Nguyễn Khắc Viện). Con người ở những nền văn hóa khác nhau có nhu cầu di chuyển để tìm kiếm, trao đổi, học hỏi những cái mới lạ, trau dồi những cái tốt, bổ sung những cái thiếu, làm giàu vốn tri thức của mình sau khi những giá trị vật chất đã được thỏa mãn. Đó là một trong những lý do chính yếu để hoạt động du lịch hình thành và phát triển nhanh chóng.

1.2.2. Ảnh hưởng của du lịch đến văn hóa

Có thể khẳng định rằng, không có giá trị văn hóa thì ngành kinh doanh du lịch của quốc gia đó không thể có tiềm năng phát triển nhưng tác động của du lịch đến văn hóa cũng mang cả những ý nghĩa tích cực và tiêu cực của nó.

Được “xây” trên nền văn hóa, phát triển phải dựa trên nền tảng văn hóa, nhưng du lịch không thụ động mà có những tác động trở lại văn hóa, phát triển vì mục tiêu văn hóa, góp phần bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị văn hóa. Trong sự phát triển của lịch sử nhân loại, văn hoá xã hội của các vùng, miền, các dân tộc, các khu vực có sự giao lưu, thâm nhập, giao thoa với nhau. Bên cạnh sự giao lưu ngày càng tăng giữa các nền văn hoá trên thế giới nhờ vào sự phát triển của giao thông, thông tin liên lạc, ngoại giao và thương mại, thì hoạt động du lịch thúc đẩy hoạt động giao lưu văn hoá một cách trực tiếp và nhanh nhất. Bởi lẽ, một mặt nhu cầu du lịch là sự mong muốn được thoả mãn sự tìm hiểu các nền văn hoá khác, thôi thúc con người đi du lịch để giao lưu; mặt khác du lịch là hoạt động thực tiễn của con người, theo nghĩa rộng, nó thuộc về phạm trù văn hoá, là một hoạt động văn hoá mang tính cao cấp, xuất hiện và xếp sau các hoạt động văn hóa đáp ứng nhu cầu sống thường nhật của con người.

- Đối với văn hóa tinh thần:

Phát triển du lịch có tác động thúc đẩy xây dựng văn minh tinh thần. Đồng thời, thúc đẩy du lịch là yếu tố cơ bản của phần vinh xã hội. Du lịch phát triển góp phần cho việc bảo vệ và phát triển văn hóa dân gian.

- Đối với văn hóa trí tuệ:

Phát triển du lịch có lợi cho việc cải thiện môi trường đầu tư, xúc tiến mở cửa với bên ngoài. Du lịch có ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển của nhiều ngành công nghiệp và nông nghiệp. Du lịch luôn đòi hỏi hàng hoá có chất lượng cao, phong phú về chủng loại, mỹ thuật và hình thức. Sự sẵn sàng đón tiếp du khách không chỉ gói gọn ở tài nguyên du lịch mà bên cạnh chúng cần có cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống đường bay, sân ga, bưu điện... Chính những điều đó mà phát triển du lịch có lợi cho việc giao lưu và phát triển khoa học - kỹ thuật. Khi có cơ sở hạ tầng chất lượng thì mới thu hút được nhiều khách du lịch. Du lịch sẽ không phát triển mạnh nếu thiếu sự hỗ trợ của cách mạng khoa học kỹ thuật.

- Đối với văn hóa qui phạm:

Du lịch là phương tiện giáo dục lòng yêu đất nước, giữ gìn và nâng cao truyền thống dân tộc. Thông qua các chuyến đi tham quan, nghỉ mát, văn cảnh,... người dân có điều kiện làm quen với cảnh đẹp, với lịch sử và văn hoá dân tộc, qua đó thêm yêu đất nước mình. Chức năng của du lịch là giao lưu văn hóa vì vậy khi đi du lịch, du khách có cơ hội được gặp gỡ, giao lưu, đồng thời có cơ hội học hỏi, mở mang nhiều kiến thức mới lạ, nhiều hoạt động văn hóa truyền thống thú vị tại nơi mà họ đến.

Ngoài ra, du lịch có khả năng đóng góp cho việc thúc đẩy và bảo vệ các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể. Hoạt động du lịch phát triển đem lại lợi ích kinh tế, góp phần bảo tồn, trùng tu và phát triển các di sản.

Du lịch phát triển còn góp phần giới thiệu về đất nước và con người ở mỗi quốc gia, tăng cường mối quan hệ hợp tác quốc tế.

Tuy nhiên hoạt động du lịch cũng có một số ảnh hưởng tiêu cực đến văn hóa trước hết đó là sự khai thác tài nguyên du lịch nhân văn quá mức, không có sự quản lý chặt chẽ đã ảnh hưởng trầm trọng, phá hỏng các di sản văn hóa. Hiện nay, ngày càng nhiều xu hướng “hiện đại hóa”, “thương mại hóa” các hoạt động bảo tồn, phát huy di sản văn hóa và phát triển du lịch. Hàng loạt di sản bị “hiện đại hóa” một cách vô tội vạ. Nhiều nơi khác lại đua nhau trùng tu di tích một cách vội vã, thiếu am hiểu khiến di tích không còn là chính nó.

Không chỉ có vậy, du lịch thâm nhập vào cộng đồng làm thương mại hóa những giá trị văn hóa bản địa thuần túy. Ngày nay, dễ dàng nhận thấy những hình ảnh khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng, các quán ăn tạm, các cửa hàng bán đồ ăn theo... mọc lên nhan nhản với các hoạt động kinh doanh manh mún, xô bồ xung quanh khu vực các điểm du lịch.

Một trong những chức năng của du lịch là giao lưu văn hóa giữa các cộng đồng. Khi đi du lịch, du khách luôn muốn được thâm nhập vào các hoạt động văn hóa của địa phương. Song nhiều khi sự thâm nhập với mục đích chính đáng bị lạm dụng và sự xâm nhập biến thành sự xâm hại.

Mặt khác, để thỏa mãn nhu cầu của du khách, vì lợi ích kinh tế to lớn trước mắt nên các hoạt động văn hóa truyền thống được trình diễn một cách thiếu tự nhiên hoặc chuyên nghiệp hoặc mang ra làm trò cười cho du khách. Nhiều nhà cung ứng du lịch đã thuyết phục được dân địa phương thường xuyên trình diễn lại các phong tục, lễ hội cho khách xem. Nhiều trường hợp do thiếu hiểu biết về nguồn gốc, ý nghĩa của các hành vi lễ hội, người ta giải thích một cách sai lệch hoặc thậm chí bậy bạ.

Như vậy, những giá trị văn hóa đích thực của một cộng đồng đáng lý phải được trân trọng lại bị đem ra làm trò tiêu khiển, mua vui cho du khách. Giá trị truyền thống dần bị lu mờ do sự lạm dụng vì mục đích kinh tế.

Do chạy theo số lượng không ít các mặt hàng truyền thống được chế tác lại để làm hàng lưu niệm cho du khách sản xuất cầu thả đã làm méo mó giá trị chân thực của truyền thống, làm sai lệch hình ảnh của một nền văn hóa bản địa.

Một trong những xu hướng thường thấy ở các nước nghèo đón khách từ các nước giàu là người dân bản xứ, nhất là giới trẻ ngày càng chối bỏ truyền thống và thay đổi cách sống theo một du khách.

Có hai yếu tố được coi là nguyên nhân chính của hiện tượng này. Một là trong hoạt động kinh doanh, người dân bản xứ dùng chuẩn của du khách để làm vừa lòng họ nhằm thu hút được tối đa lợi nhuận cho mình. Thứ hai là tư tưởng vọng ngoại, người dân bản xứ đánh giá cao lối sống của du khách, cho đây là biểu hiện của văn minh, giàu có. Điều này thể hiện rõ nhất trong giới trẻ.

Ảnh hưởng của hoạt động du lịch đến văn hóa xã hội còn được thể hiện qua quan hệ giữa du khách và người dân địa phương. Nhìn chung theo thời gian, thái độ của người dân sở tại đối với du khách thay đổi dần từ tích cực sang tiêu cực.

Vào giai đoạn đầu, khi những du khách đầu tiên xuất hiện, người dân địa phương tỏ ra vô cùng hào hứng. Du khách được tiếp đón nồng nhiệt, với tất cả lòng quý trọng và mến khách của họ.

Theo thời gian, ngược với sự gia tăng của luồng khách, tình cảm nồng hậu

mà du khách đón chờ giảm dần. Quan hệ tình cảm giữa du khách và dân địa phương ngày càng trở nên nguội lạnh và thay vào quan hệ tình cảm đó là quan hệ buôn bán. Đại đa số du khách được tiếp đón với nghi lễ xã giao.

Những cảm giác khó chịu đối với du khách xuất hiện. Sự có mặt của quá nhiều du khách tại địa phương đã ảnh hưởng đến tâm lý người địa phương, làm cho không ít người khó chịu. Điều kiện tiếp xúc, giao tiếp cộng đồng giảm và do vậy sự cảm thông, đồng cảm cũng hạn chế rất nhiều. Tội tệ hơn là khi xuất hiện tư tưởng và hành động chống đối du khách. Mất cảm tình vì thái độ lạnh nhạt, sợ hãi bị tấn công... nếu chính quyền địa phương và ngành du lịch không có biện pháp hữu hiệu thì sẽ làm cho số lượng du khách đến với điểm du lịch giảm dần.

Vì vậy, khi phát triển du lịch coi văn hóa là lợi thế nhưng không được phá vỡ không gian văn hóa phi vật thể, tổn thương các di sản.

Có thể nói, bất cứ một hiện tượng nào trong xã hội đều có khía cạnh văn hóa của nó nhưng đối với hoạt động du lịch, văn hóa vừa là tài nguyên vừa là biện pháp, cách thức làm ra lợi nhuận. Cho nên mối quan hệ giữa du lịch và văn hóa luôn luôn là sự gắn kết vô cùng chặt chẽ. Trong bất cứ một quốc gia lãnh thổ, ở bất kỳ một khoảng thời gian nào cũng cần xem xét mối quan hệ này để thiết lập những giá trị bền vững trong kinh doanh, đặc biệt là kinh doanh du lịch.

Du lịch tuy phải dựa vào kinh tế để có cơ sở vật chất kỹ thuật cho các hoạt động du lịch và bản thân du lịch cũng là một ngành kinh tế tổng hợp, nhưng nhìn tổng thể và xét cho đến cùng thì du lịch là một hoạt động văn hoá. Tính văn hoá của du lịch, hay nói gọn là văn hoá du lịch, không phải là phép cộng đơn thuần giữa văn hoá với du lịch mà là hình thái văn hoá trong lĩnh vực du lịch, có nội dung xác định. Văn hoá du lịch là một hình thức văn hoá xã hội đặc thù, do hoạt động du lịch sinh ra hoặc liên quan mật thiết với nó. Văn hoá du lịch sẽ phát triển cùng với sự phát triển của du lịch.

CHƯƠNG 2: THÁP TÔÔNG LONG - GIÁ TRỊ LỊCH SỬ VÀ NHÂN VĂN

2.1. Khái quát về Hải Phòng

2.1.1. Đặc điểm vị trí địa lý của Hải Phòng trong chiến lược phát triển du lịch

Hải Phòng là một thành phố cảng và công nghiệp ở miền Bắc Việt Nam và là một thành phố biển nằm trong Vùng duyên hải Bắc Bộ, là 1 trong 28 tỉnh/thành phố duyên hải .

Hải Phòng là 1 trong 5 thành phố trực thuộc trung ương và là đô thị loại 1 trung tâm cấp quốc gia, cùng với Đà Nẵng, Cần Thơ.

Hải phòng là thành phố lớn thứ 3 của Việt Nam, hiện đang phấn đấu đến năm 2025 trở thành đô thị loại đặc biệt.

Đây là nơi có vị trí quan trọng về kinh tế xã hội và an ninh, quốc phòng của vùng Bắc Bộ và cả nước, là thành phố cảng, cửa chính ra biển quan trọng của Việt Nam, là đầu mối giao thông quan trọng Vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, trên hai hành lang - một vành đai hợp tác kinh tế Việt Nam - Trung Quốc. Hải Phòng là đầu mối giao thông đường biển phía Bắc. Với lợi thế cảng nước sâu nên vận tải biển rất phát triển, đồng thời là một trong những động lực tăng trưởng của vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ. Là Trung tâm kinh tế - khoa học - kỹ thuật tổng hợp của Vùng duyên hải Bắc Bộ và là một trong những trung tâm phát triển của Vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước. (Quyết định 1448 /QĐ-TTg ngày 16/9/2009 của Thủ tướng Chính phủ). Theo kết quả điều tra dân số ngày 01/04/2009, dân số Hải Phòng là 1.837.302 người, trong đó dân cư thành thị 847.058 người chiếm 46,1%, dân cư nông thôn 990.244 người chiếm 53,9%.

Về phát triển du lịch, Hải Phòng là thành phố gần biển nên dịch vụ du lịch ở đây chủ yếu là du lịch biển, đảo: Khu du lịch biển Đồ Sơn, Hòn Dấu, Hòn Dấu resort, khu du lịch biển - quần đảo Cát Bà .

Ngoài ra, Hải Phòng còn có Vườn dự trữ sinh quyển thế giới Cát Bà, nằm trên núi đá vôi hiểm trở. Do vậy du lịch rừng núi ở đây cũng đang phát triển, kết hợp du

lich leo núi mạo hiểm, thăm thú hang động : khu dự trữ sinh quyển quần đảo Cát Bà, Vườn quốc gia Cát Bà, khu du lịch núi Voi, động Đá Hoa thuộc xã Gia Luận

Ngoài ra, Hải Phòng chú ý xây dựng khá nhiều sân golf đẳng cấp để phục vụ khách như : sân Golf Đồ Sơn, sân Golf Cái Giá.

Đặc biệt, Hải Phòng là nơi duy nhất ở Đồng Bằng sông Hồng có mạch suối nước khoáng thiên nhiên, nằm ở thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng. Du khách có thể tắm suối, hoặc tắm bùn nóng khoáng tùy sở thích.

Không chỉ có vậy, Hải Phòng còn có các công trình kiến trúc tiêu biểu như

- Nhà hát lớn Hải Phòng
- Quán hoa: Gồm 5 quán bán hoa được xây dựng từ thời Pháp thuộc trên khu vực quảng trường Nhà hát Lớn với đường nét kiến trúc đình làng cổ Việt nam. Khi xây dựng quán hoa, các bộ phận được làm sẵn từ nơi khác rồi mang đến lắp ráp chỉ trong một đêm.

- Bảo tàng Hải Phòng: Trưng bày các hiện vật và thông tin về lịch sử thành phố từ thời tiền sử tới nay. Tòa nhà Bảo tàng Hải Phòng vốn là trụ sở của Ngân hàng Pháp-Hoa thời Pháp thuộc, được xây dựng theo kiến trúc gô-tích từ cuối thập niên 1910.

- Trụ sở Ngân hàng nhà nước
- Trung tâm triển lãm VHNT Hải Phòng
- Trung tâm hội nghị thành phố Hải Phòng
- Cung VHLĐ Việt Tiệp
- Cung Văn hóa Thanh niên Hải Phòng Được xây trên nền Nhà hát Nhân dân, là nhà hát ngoài trời, được xây dựng sau khi hòa bình lập lại vào cuối những năm 1950 trên khu đất trước là trường đua ngựa.

- Cung Thiếu nhi Hải Phòng
- Trung tâm triển lãm quốc tế Hải Phòng (Nhà Điều).
- Tượng đài nữ tướng Lê Chân
- Khu Đền Thờ Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm Thái Học, Vĩnh Bảo.

Hải Phòng còn có các kiến trúc cổ, đình, chùa như:

- Đình Hàng Kênh tên chữ là Nhân Thọ còn có tên là đình Rồng Bay toạ lạc trên đường Nguyễn Công Trứ, Hàng Kênh
- Đền Nghè - ngôi đền thờ nữ tướng Lê Chân, người có công khai phá, tạo dựng vùng đất Hải Phòng
- Chùa Dur Hàng có tên chữ là Phúc Lâm Tự, thuộc địa bàn phường Hồ Nam, quận Lê Chân.
- Chùa Bảo Hà Làng Bảo Hà, Đông Minh, Vĩnh Bảo. Là nơi của nghề Tạc tượng Việt Nam
- Chùa Đổ phố Lê Lai, quận Ngô Quyền. Có pho tượng Phật Thích Ca bằng gỗ lớn nhất Việt Nam. Tượng cao 5 mét 4 chưa kể bệ, do anh Đoàn Trúc tạc bằng 20 mét khối gỗ mít thành phẩm.
- Chùa Hải Ninh(Đông Thiện) Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân. Sân chùa có hai ngọn tháp ghi 40 bức ký họa về thời kỳ mới xây dựng thành phố Hải Phòng
- Chùa Nguyệt Quang Phường Đông Khê, quận Ngô Quyền
- Chùa Phở Chiếu (Chùa Chiếu) Phường Dur Hàng Kênh, Quận Lê Chân
- Đền Lý Học Thờ danh nhân văn hoá Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm.
- Đền thờ Nam Hải Thần Vương Đảo Dấu
- Đền Bà Đẻ Đồ Sơn
- Đình Nhân Mục Vĩnh Bảo, nơi của rỗi nước Việt Nam
- Chùa Tường Long trên núi Ngọc Sơn, phường Vạn Sơn, Đồ Sơn
- Miếu cây đa 13 gốc nằm ở khu xóm Trại, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền thờ Chúa Ngũ Phương thuộc hệ thống các vị thánh nằm trong tứ phủ
- Đền Tam Kỳ, ngõ Tam Kỳ, đường Trần Nguyên Hãn thờ Quan Lớn Đệ Tam thuộc hệ thống các vị thánh tứ phủ
- Đền Tiên La, ngõ Tám Gian, đường Lê Lợi thờ Châu Bát- nữ tướng Vũ Thị Thục-danh tướng của Hai Bà Trưng quê ở Bạch Hạc, Phú Thọ có công chém đầu tướng giặc Tô Định. Bà cũng là vị thánh thuộc tứ phủ

- Chùa Ngheo, An Đông.

2.1.2. Khái quát về quận Đồ Sơn – Hải Phòng

Đồ Sơn là một quận của thành phố Hải Phòng, cách trung tâm thành phố khoảng 20 km về hướng đông nam. Quận Đồ Sơn được thành lập ngày 12 tháng 9 năm 2007 trên cơ sở toàn bộ diện tích của thị xã Đồ Sơn cũ theo nghị định 145/2007/NĐ-CP của Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam.

Đồ Sơn là một bán đảo nhỏ do dãy núi Rồng vươn dài ra biển tới 5 km, với hàng chục mỏm đồi cao từ 25 đến 130 m.

Về phía tây và tây bắc, quận Đồ Sơn tiếp giáp với huyện Kiến Thụy, các hướng còn lại tiếp giáp với biển Đông. Do ở phía bắc và phía nam của quận là hai cửa sông Lạch Tray và Văn Úc thuộc hệ thống sông Thái Bình đổ ra biển đem theo nhiều phù sa nên nước biển ở khu vực này đục nhưng vẫn có sức thu hút du khách. Đồ Sơn có bãi cát khá mịn, với nhiều loại cây như phi lao, bàng, dừa trồng ven bờ. Đằng sau bãi biển là những ngọn núi và đồi thông. Trước đây Đồ Sơn là nơi lui tới nghỉ ngơi, hưởng thụ của vua chúa quan lại. Hiện nay còn ngôi nhà bát giác kiên cố của Bảo Đại - ông vua cuối cùng của chế độ phong kiến Việt Nam.

Bãi tắm Đồ Sơn chia làm 3 khu chính: khu 1 nằm ngay đầu của quận Đồ Sơn, khu 2 có nhiều khách sạn hiện đại, khu 3 yên tĩnh và kín đáo. Vào mùa hè, Đồ Sơn rất đông du khách từ khắp mọi miền Việt Nam cũng như khách quốc tế về đây tắm biển, nghỉ ngơi và leo núi, ngắm nhìn phong cảnh biển đẹp buổi chiều tà. Hàng năm ở Đồ Sơn còn lễ hội đảo Dấu. Vào ngày này, người dân Đồ Sơn nói riêng và người dân buôn bán khắp nơi đi thuyền ra đảo cúng và thắp hương cầu may cho một năm buôn bán thuận lợi và sức khỏe bình an.

Đồ Sơn còn có đền bà Đệ, hằng năm thu hút rất nhiều người viếng thăm.

Tại đây hiện nay có sòng bạc Do Son Casino duy nhất ở miền Bắc Việt Nam, phục vụ cho du khách quốc tế.

Từ Đồ Sơn bằng tàu cao tốc du khách có thể đi ra đảo Cát Bà hoặc vịnh Hạ Long.

Đồ Sơn còn có Lễ hội chọi trâu Đồ Sơn được tổ chức hàng năm với 2 vòng: Vòng sơ loại vào ngày 8 tháng 6 âm lịch và vòng chung kết vào ngày 9 tháng 8 âm lịch.

2.1.3. Lịch sử di tích Tháp Tường Long

Đồ Sơn gồm có mười ngọn núi (1 núi Mẹ ,9 núi con). Núi mẹ cao chừng 168 mét so với mặt bể. Trên đỉnh núi này, tương truyền rằng đây chính là nơi bảo tháp Dục Vương được dựng vào khoảng 300 năm trước Tây lịch. Sau khi tháp này hư hoại , tiếp đến tháp Tường Long do vua Lý Thánh Tông xây trên nền tháp cũ, vào khoảng giữa thế kỷ XI . Theo một truyền thuyết được lưu truyền , khi đó đã trải qua một nghìn năm Tháp A Dục đã đổ nát thì vua Lý Thánh Tông đã mơ thấy Đức Phật A Di Đà dùng thần thông đưa tới đây và đọc cho hai câu kệ :

*“Tường Long Hiện Trung Hải
Lôi Động Khởi Phong Đăng .”*

Nghĩa là : *Rồng lành xuất hiện ở trên biển.*

Nhưng không có tài liệu nào chính xác khẳng định về vấn đề trên.

Tháp Tường Long - Đồ Sơn do vua Lý Thánh Tông (1023- 1072) , vị vua thứ 3 của triều Lý đứng ra chủ trì việc xây dựng . Tháp được xây trên bãi đất rộng khoảng 2.000m² thuộc địa phận phường Ngọc Xuyên , quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng ngày nay.

Sách Đại Việt sử lược soạn thế kỷ XIII chép : “ Tháp xây vào năm Mậu Tuất , niên hiệu Long Thụy Thái Bình Thứ 5(1058). Năm sau vua ra biển Ba Lộ ngự, nhân đó đến thăm chỗ xây tháp trên núi Đồ Sơn , trước đó vua Lê Thánh Tông đã nằm mơ thấy rồng vàng hiện ra ở Điện Trường Xuân nên ban cho tháp tên hiệu là Tường long , ý muốn ghi lại một điềm lành”.

Theo lịch sử Phật giáo Việt Nam, ở thời vương triều Lý thế kỷ XI-XII, đạo Phật phát triển rất mạnh và chính thức được tôn thành Quốc giáo. Một trong những bằng chứng minh chứng cho sự phát triển , ngoài những ghi chép trên sử cũ, là những chùa- tháp được xây dựng ở nhiều nơi, đặc biệt những nơi có núi cao, cảnh

đẹp. Chúng ta từng biết, nhà Lý đã sử dụng đạo Phật như một hệ tư tưởng chính thống, để tập hợp lực lượng toàn dân nên việc dựng chùa tháp thờ Phật trên địa bàn cai trị của mình tồn tại như một điều hiển nhiên. Nhất là khi nhà Lý định đô ở Thăng Long, các vua Lý đã cho dựng khá nhiều chùa ở đây như : Hưng Phúc, Diên Hựu (chùa Một cột), Sùng Khánh, Báo Thiên... ở các tỉnh như Bắc Ninh (quê hương của nhà Lý), Thanh Hóa, Quảng Ninh dọc theo đường biển về Hải Phòng, trên các quả đồi có vị trí gần sông, một vài kiến trúc chùa- tháp cũng được vương triều Lý xây dựng. Trong số gia tài ít ỏi mà vương triều Lý để lại thì tháp Tường Long ở Đồ Sơn- Hải Phòng nổi lên như một điểm nhấn với tư cách là một đại danh lam tiêu biểu cho lịch sử nghệ thuật tạo hình của dân tộc.

Lịch sử của tháp Tường Long luôn gắn liền với lịch sử kiến trúc nghệ thuật thời Lý, đặc biệt là các công trình kiến trúc về tôn giáo Đạo Phật. Căn cứ kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học: việc dựng chùa thờ Phật ở thời Lý chủ yếu vẫn là các tòa Stupa nhiều tầng (tức Bảo Tháp) làm trung tâm, xung quanh là các hành lang dùng làm nơi chạy đàn niệm Phật và trai phòng .Hay nói cách khác tháp và Phật điện thời kỳ này là đồng nhất, đã có tháp thì hầu như không có Phật điện nào khác. Một điểm đáng chú ý nữa về chùa – tháp thời Lý, số tượng Phật trên Phật điện là cực ít và gần như duy nhất chỉ thấy thờ Phật Thích Ca và một vài vị Bồ Tát.

Ra đời trong bối cảnh như vậy, tháp Tường Long – Đồ Sơn- Hải Phòng là một thực tế lịch sử cho phép chúng ta hiểu rõ thêm về một loại hình kiến trúc của tôn giáo đạo Phật có nguồn gốc từ thời Lý thế kỷ XI- XII. Tháp được khởi dựng năm 1058, chỉ sau thời điểm khởi công xây tháp Đại Thắng Tư Thiên (tháp Báo Thiên) ở kinh đô Thăng Long đúng 1 năm .Vua Lý Thánh Tông cho xây dựng tháp Tường Long trên đỉnh cao nhất của Cửu long ở vùng biên viễn lộ Hải Đông không chỉ nhằm ghi nhận chủ quyền quốc gia, dân tộc, mà còn lập đài quan sát canh phòng bờ biển là việc thuận ý trời và hợp lòng dân.

Ghi chép đầu tiên của sử sách nước ta về tháp Tường Long thuộc về bộ “Việt Sử Lược” biên soạn vào thời Trần thế kỷ XIII. Sách này đã ghi lại một vài nét khái

lược “ Tháp được xây dựng vào năm 1058 thời Lý(1010-1225) đời vua Lý Thánh Tông, niên hiệu Long Thụy Thái Bình (1054- 1058).Năm sau, 1059, thì đặt tên tháp là Tường Long”.

Bẵng đi một thời gian dài , mãi đến thời Nguyễn (1802-1945) mới thấy sách “ Đại Nam nhất thống chí” ở mục “ Cổ tích” có thêm đôi dòng về ngọn tháp này “ Tháp cũ Đờ Sơn ở xã Đờ Sơn huyện Nghi Dương cao hơn trăm thước”. Một thước ta dài 0,45m, như vậy tháp cao khoảng 45m , lại đặt trên ngọn núi cách mặt biển 100m,cho thấy đây là Tháp ở bình địa cao nhất so với các tháp xây cùng thời.

Qua một số tư liệu khảo cổ học thì Tháp Tường Long khá lớn , móng Tháp hình vuông mỗi chiều sấp xỉ 8 m bốn cạnh Tháp hướng tâm . Lòng tháp rỗng, là nơi đặt pho tượng A-Di-Đà .Tại di tích Tháp khai quật được hai loại gạch một là gạch móng hình vuông được gắn rất chắc bằng một chất liệu kỳ bí hai là gạch trang trí ốp ngoài vỏ tháp với nghệ thuật hình họa độc đáo như hoa sen, hoa cúc, hoa chanh và các loài chim thú quý hiếm

Bên cạnh đó, còn có một số tài liệu ghi chép về tháp Tường Long nhưng không ghi xuất xứ của tư liệu.Đặc biệt là bài “ Tháp Tường Long, ngọn tháp độc đáo” của tác giả- kiến trúc sư Ngô Huy Giao đăng trên tạp chí Nghiên cứu lịch sử Hải Phòng năm 1985, trang 64.Sách này viết “ Tháp có 12 tầng.Năm 1288 bị sét đánh đổ ngọn.Năm 1322 lại bị sét đánh sạt 2 tầng trên.Năm 1426,giặc Minh phá tháp lấy đồng làm vũ khí. Năm 1791 triều đình nhà Lê phá tháp lấy gạch tu bổ thành Thăng Long.Năm 1805 thời Nguyễn, vua Gia Long tiếp tục phá tháp lấy gạch xây thành ở Trấn Hải Dương v.v...

Ngoài thông tin từ các nguồn sử liệu, nhiều sáng tác văn học của người đời sau cũng đã cho biết thêm về sự tàn lụi của tháp Tường Long.Trong đó phải kể đến bài thơ “Tháp Sơn hoài cổ” của Hương cống thời Hậu Lê, Miễn trai Hoàng Văn Hoàn hiệu là Hiếu Tử, người Đờ Sơn:

*“Tháp cổ xưa kia cỏ mọc đầy
Dục vương đi khỏi cảnh hoang ngay*

Nghìn cân chuông phật vang sóng nước

Chín đợt tháp cao hóa bụi bay”

Như vậy, tư liệu ghi chép về tháp Tường Long là không nhiều nhưng cũng đã phần nào giúp chúng ta hình dung một cách khái lược về thời gian xây dựng, quá trình tồn tại và sự sụp đổ của tháp. Chẳng hạn đến năm 1322 thời Trần tháp bị sét đánh sạt 2 tầng trên- ở thời điểm này tháp đã có thời gian tồn tại đến 264 năm – một quãng thời gian không phải là ngắn ngủi. Tuy nhiên, tháp Tường Long sau một thời gian dài tồn tại, chỉ phát huy tác dụng trong thời đại của Vương triều sản sinh ra nó. Khi triều Trần lên ngôi thì tháp Tường Long đã hoàn thành sứ mạng lịch sử của mình. Việc bị thiên tai, địch họa rồi rơi vào cảnh đổ nát của Tháp Tường Long, xét ở khía cạnh lịch sử kiến trúc Phật giáo ở Việt Nam là điều phù hợp với thực tiễn lúc bấy giờ.

2.2. Dấu tích tháp Tường Long qua cuộc khai quật khảo cổ

Vào những năm 60 của thế kỷ trước, dấu tích của tháp Tường Long còn rõ nét, người dân lấy gạch, đá ở tháp về xây tường, nung vôi mà tháp vẫn còn cao đến 5-6m.

Năm 1971-1972 những dấu tích còn sót lại trên mặt đất của Tháp được san phẳng để làm đài quan sát của Sở chỉ huy tác chiến bộ đội thị xã Đồ Sơn và Trung đoàn 50 và ngọn núi này đã mang tên điểm cao 91.

Năm 1978, di tích tháp Tường Long lần đầu tiên được các nhà khảo cổ học Việt Nam tiến hành khai quật chính thức nhằm nghiên cứu một cách toàn diện về ngọn tháp độc đáo này. Người phụ trách khai quật là Tiến sĩ Trịnh Cao Tường (viện Khảo cổ học) có sự phối hợp của Sở Văn hóa Thông tin và Bảo tàng Hải Phòng. Tư liệu từ cuộc khai quật đã cho biết, vào những năm

Cuộc khai quật nền móng tháp Tường Long bắt đầu từ tháng 2/1978 và đem lại kết quả như sau:

- Nền móng tháp hình vuông, lòng rộng.
- Móng tháp có 3 tầng xây dật cấp chồng lên nhau.

Tường tháp ko bằng phẳng mà uốn cong ở 4 góc (kiểu đao đình).Do đó đáy góc cũng không bằng phẳng.

Tầng móng này, theo Trịnh Cao Tường còn được bảo vệ bằng lũy đất đắp ngoài rộng chừng 4m.Để cho bờ đất khỏi lở, người ta đã kè phía ngoài bằng những hàng gạch xếp.Bên ngoài các tường gạch là đá hộc.Hiện tượng này thấy rất rõ ở cạnh phía Tây và Nam của tháp.

Qua đây, ta thấy về mặt cấu trúc, tháp Tường Long là tháp có 4 cạnh.Dự đoán, tháp có một cửa mở hướng Nam.

- Về hiện vật của cuộc khai quật, trong bài viết của mình, Trịnh Cao Tường nói về những vật thu được trước cuộc khai quật và trong cuộc khai quật.

Hiện vật đá trước khai quật thu được gồm:

+ Một nửa chiếc bệ tượng hình bát giác bằng đá xanh mịn.Bệ cao khoảng 20cm, có 2 tầng cao 9cm và 11 cm.Ba cạnh bệ không đều nhau.Ở phần dày của mỗi cạnh ở chính diện đều được chạm khắc nổi những hình rồng trang trí, tiêu biểu của rồng thời Lý: trên các cạnh dài chạm rồng châu lá đề cách điệu; trên các cạnh ngắn chạm rồng đuôi nhau.Phong cách kỹ thuật này hoàn toàn giống bệ tượng A Di Đà chùa Phật Tích (Bắc Ninh).

+ Một chân tảng nguyên vẹn có kích thước : 75 cm x 75 cm x 25 cm, trên mặt và xung quanh chân tảng (chân cột) được mài, trừ phần dưới không được mài.Mặt chân tảng chạm nổi một bông hoa sen, nhụy tròn; có 32 cánh lớn nhỏ, xen giữa 2 cánh lớn có 1 cánh nhỏ.Đường kính của nhụy (nơi đặt cột) rộng 46cm.

+ Cối cửa : Cối cửa cao 2,37 m đầu trên nhỏ, đầu dưới to.Trên mặt cối là một lỗ tròn (cho ngõng quay) có đường kính 12,5 cm.Bao quanh lỗ là 3 hàng cánh sen xếp so le nhau, mỗi tầng có 10 cánh.

Hiện vật đất nung thu nhặt được gồm có :

+ Gạch để xây lõi tháp Chủ yếu là các viên gạch lớn màu đỏ, kích thước phổ biến 20 cm x 10 cm x 5 cm.Trên mỗi viên gạch đều có 2 dòng chữ : “ Lý gia đệ tam đế Long Thụy Thái Bình tứ niên tạo”.

+ Gạch trang trí ốp ngoài tháp : có mảnh, mặt ngoài viên gạch in nổi họa tiết trang trí hình hoa dây, hoa chanh; mặt lưng đề bằng chữ Hán với ý nghĩa đánh dấu từng tầng, từng hàng một của tháp để khi xây lắp không nhầm lẫn. Ví dụ : tầng thứ tư hàng thứ ba (Đệ tứ tầng đệ tam) hay tầng thứ ba hàng thứ 5 (Đệ tam tầng đệ ngũ)...

- Có mảnh hình rồng, có mảnh hình phượng. Gạch hình rồng thể hiện gọn trong một chiếc lá đề. Gạch hình phượng được thể hiện chim phượng trong tư thế dang cánh bay. Viên gạch này được thể hiện như một bức chạm lõng cả hai mặt.

+ Tượng động vật : Đầu sư tử, chim , uyên ương... Đầu sư tử có khoét một lỗ mộng vuông. Kỹ thuật làm mộng cho gạch cũng thấy có mặt ở loại gạch ốp ngoài mặt tháp, (cũng còn thể hiện ở một mảng phù điêu có hai lỗ mộng vuông để lắp ghép vào một bộ phận của cây tháp- T.M.H).

+ Ngoài vật liệu xây tháp còn thấy nhiều mảnh ngói mũi hài, có loại ngói dày tới 2cm , mũi cao 6cm , có mẫu lớn để mắc vào hoành...

Những hiện vật thu được trong cuộc khai quật năm 1978 có 3 hiện vật đá:

1- Chiếc cối cửa bằng đá được tìm thấy ở phía nam cạnh tháp, giống hệt cối cửa tìm thấy trước khi khai quật.

2- Một phần bệ sen. Đây là một phần của bệ tượng bát giác bằng đá chạm rất công phu. (Nhờ có một bệ tượng được tạc cùng thời – bệ tượng A Di Đà chùa Phật Tích, Bắc Ninh mà biết được đây là một góc tầng đáy của bệ).

Bệ được làm từ một khối đá xanh lớn. Nhìn từ trên xuống khối đá được mài hai cạnh vuông thẳng để ghép với hai khối đá khác tạo nên một bệ hoàn chỉnh. Nếu nhìn mặt cắt ngang thì bệ được chia làm hai phần : Phần đáy và phần thân. Ngăn cách giữa hai phần là một đường lượn hình thắt cổ bồng. Ở đáy tận cùng là một mép phẳng rộng 5cm, không có trang trí ; còn toàn bộ phần mặt bệ quay ra chính diện được chạm nổi hình sóng nước dày đặc (Lối trang trí phổ biến của Nghệ thuật Phật giáo thời Lý).

3- Một phần tượng A Di Đà. Tượng đã mất đầu và bụng , chỉ còn lại cổ và một

mảng ngực. Toàn bộ phần còn lại cao 0,5m, vai rộng 0,8m; cổ tượng tròn trặn có 3 ngón rõ nét. Mình phủ một lượt áo mỏng có nhiều nếp vắt ra sau lưng. Cổ tượng còn có một mống nhỏ để lắp phần đầu tượng vào, chứng tỏ tượng được tạc làm hai phần: đầu riêng, thân riêng.

Dựa vào mặt bằng rộng 20m x 6m về phía Bắc của nền móng tháp Tường Long được kê đá và hai nền nhỏ cũng được kê đá, Trịnh Cao Tường cho rằng, phía Bắc tháp Tường Long có một ngôi chùa, được xây cùng thời- chùa Vân Bản. Do đó, mặt bằng kiến trúc ở đây là: tháp trước chùa sau.

Còn Nguyễn Du Chi lại dự đoán, trong kiến trúc Phật giáo thời Lý cây tháp ở vị trí trung tâm. Các kiến trúc khác vây quanh nó.

Viên gạch xây tháp được sản xuất năm 1057. Trịnh Cao tường cho rằng, ngay sau năm đó thì tháp được xây dựng.

Sau khi nghiên cứu cơ bản xong, nền móng tháp Tường Long đã được lấp lại. Trong số hiện vật bị lấp theo có cả 3 hiện vật đá phát hiện trong khi khai quật: chiếc cối cửa, một phần bệ sen, một phần tượng A Di Đà.

Rất đáng tiếc rằng, các hiện vật đá phát hiện được trong cuộc khai quật 1978 được lấp đi đến nay không biết ở đâu.

Năm 1990, nhân dân địa phương đã dựng lên một ngôi chùa gọi là chùa Tháp đáp ứng tâm linh của người dân địa phương nhưng đã góp phần phá hoại nền móng tháp ở phía Đông, phía Nam và các kiến trúc phụ khác quanh khu vực tháp...

Trong quá trình xây dựng ngôi chùa tháp này nhân dân đã thu nhặt được tới 10 loại gạch xây tháp có kích thước khác nhau, một số con giống có thể là chim phượng hoặc uyên ương, một đầu tượng Phật đẹp, hơn 20 mẫu gạch trang trí võ tưng mảnh, ngói ống, ngói mũi hài to...

Năm 1998, Sở văn hóa thông tin Hải Phòng tiến hành cuộc khai quật lần thứ hai di tích khảo cổ học tháp Tường Long. Mục đích của cuộc khai quật lần này, ngoài việc tiếp tục nghiên cứu tìm hiểu còn phục vụ chương trình tham quan du lịch và kế hoạch phục dựng lại tháp Tường Long. Người phụ trách cuộc khai quật là

ông trình Minh Hiên và 1 cán bộ của Bảo tàng Hải Phòng- Đỗ Xuân Trung. Chính vì mục tiêu đặt ra nên hiện trường còn giữ nguyên, với nền móng tháp đã lộ diện và đang được bảo vệ bởi một mái lợp Prô xi măng, 4 xung quanh có cột gỗ và hàng rào lưới B40 che chắn bảo vệ.

Cuộc đào khảo cổ tháp Tường Long lần này được tiến hành vào ngày 25/08/1998 nhằm tìm lại một nền móng tháp để bảo vệ làm hình thức bảo tàng ngoài trời. Kết quả cuộc đào khảo cổ cho ta biết về cấu trúc nền móng tháp như sau:

Tháp hình vuông, mỗi chiều 7,95m, hướng lệch Bắc Nam 30 độ.

Lòng tháp cũng hình vuông, rộng, mỗi cạnh là 2,95m.

Tường xung quanh lòng tháp dày 2,50m.

Lòng tháp hình lòng chảo, tường tháp uốn cong ở 4 góc theo kiểu góc đao đình. Ngay từ khi làm nền tháp, người ta đã tạo ra độ cong lên ở 4 góc; mặc dù độ cong này không hoàn toàn bằng nhau, góc cong nhiều, góc cong ít. Các viên gạch ở góc xếp đều hướng vào tâm tháp. Người thợ xây tháp thời đó tạo góc cong còn bằng cách đặt các viên gạch có một đầu hẹp và một đầu rộng (3cm và 5cm ; có loại 4cm và 6cm).

Hiện tượng này thấy rất rõ ở cạnh phía Tây và phía Nam, đầu góc tây bắc và tây nam, các cạnh và góc còn lại không thể thấy được do bị phá hoại.

Móng tháp xây dật cấp, phần còn lại chỉ thấy hai cấp (chắc là xây dật 3 cấp) chồng lên nhau. Tầng dưới cùng dài nhất mỗi cạnh đo được 7,95m; Tầng thứ hai 7,45m; phần dật cấp mỗi cạnh vào 25cm.

Tháp được xây bằng gạch .Đại đa số các viên gạch xây tháp có kích thước 40cm x 25cm x 5cm; 37cm x 23cm x 5cm và 38cm x 23cm x 5cm.

Trong số gạch có kích thước khác nhau, có một viên to (56cm x 23cm x 5cm) và một viên nhỏ (19cm x 12cm x 5cm). Cái đặc biệt ở đây là chỉ có một viên to và một viên nhỏ mà thôi. Rất có thể là lớp gạch tầng trên cùng do bị phá hoại mà người ta không còn thấy được những viên gạch có kích thước khác nhau nữa.

Trừ các viên gạch ngoại lệ ra, còn tất cả các viên gạch xây khác đều có khoét

lõm một khung hình chữ nhật ở một mặt (đa số có kích thước 3cm x 15cm). Trong khung hình chữ nhật này in nổi hai hàng chữ Hán : “ Lý Gia đệ tam đế Long Thụy Thái Bình tứ niên tạo” nghĩa là viên gạch làm triều vua Lý thứ ba, có niên hiệu Long Thụy Thái Bình năm thứ 4, tức Lý Thánh Tông -1057.

Cuộc đào khảo cổ còn phát hiện được một lũy đất hay một bờ đất lẫn gạch vỡ rộng chừng 3,7m để bảo vệ cho tầng móng nền tháp ở gần góc phía Đông Bắc. Để giữ cho bờ đất gạch vỡ này khỏi lở, người ta còn xếp một hàng gạch, tiếp đến là hàng đá học ngoài cùng. Các góc khác của tầng móng tháp không còn được thấy hiện tượng này vì đã bị công trình quốc phòng phá hủy hết dấu vết.

Bờ đất gạch vỡ đắp ộp vào chân móng tháp này còn lẫn cả những mảnh ngói vỡ; bên trên có một ít đá sỏi mà người Đồ Sơn gọi là “đá dái” , nhưng không thành ra một lớp rõ rệt.

Còn nói về cửa tháp , một nền tháp đã bị phá hủy nghiêm trọng như tháp Tường Long thì không thể xác định chính xác tháp có mấy cửa , và nếu tháp chỉ có một cửa thì cửa ấy mở hướng nào.

Theo Trịnh Cao Tường , tháp Tường Long có một cửa, mở hướng nam- lối có con đường theo triền núi dẫn lên tháp, còn ba cửa kia có lẽ là cửa giả.

Còn theo Nguyễn Du Chi lại cho rằng trong kiến trúc Phật giáo thời Lý thì cây tháp là vị trí trung tâm. Các kiến trúc khác vây quanh nó.

Nếu ngọn tháp là vị trí trung tâm của các kiến trúc khác thì tháp có thể có 4 cửa mở ra các hướng Tây Bắc Đông Nam. Nhìn vào cảnh quan chung hiện nay mà dự đoán thì cửa chính có thể mở hướng Nam hoặc hướng Đông.

Còn nếu có tư liệu chắc chắn là tháp thờ thời Lý chỉ có một cửa, thì cửa ở vị trí của ngôi tháp Tường Long mở hướng Nam hoặc hướng Đông.

Về chất kết dính để xây tháp chỉ là đất bùn mà người Đồ Sơn gọi là “đàng”.

Chất bùn đất này có đặc điểm là gặp nước rất dẻo và dính, khi khô thì cứng rắn lại.

Hiện vật thu được trong quá trình khai quật năm 1998:

Trong cuộc đào khảo cổ di chỉ tháp Tường Long đã thu được một số hiện vật bằng đất nung gồm :

+ Một viên gạch còn tương đối nguyên vẹn với kích thước nhỏ : 19cm x 12cm x 5cm.

+ Một mảng phù điêu chỉ còn lại một phần chạm nổi hình 2 con rồng châu lá đề, bàn tay rồng nâng lá đề.

Mảng chạm nổi trên không chỉ thể hiện trình độ kỹ thuật điêu luyện, tinh xảo của nghệ nhân thời Lý mà còn cho ta thấy óc thẩm mỹ chơi cái đẹp và sáng tạo ra cái đẹp rất tài tình của ông cha t thuở trước.

Mảng phù điêu trên còn có một lỗ thủng hình vuông hay hình chữ nhật để lắp ghép vào những mẫu ở thân ngoài cây tháp. Do chỉ còn một phần của bức phù điêu nên không thể mô tả gì kỹ càng hơn nữa.

Trong quá trình khai quật còn tìm được một vài mảnh phù điêu hoặc mảnh con giống nữa nhưng không có gì đặc biệt đáng kể nên chỉ ghi lại để biết mà thôi.

- Đợt khảo cổ năm 1998 này không thu được một hiện vật đá nào. Điều này dễ hiểu vì cuộc khai quật 1978 cũng chỉ tìm được 3 hiện vật : 1 chiếc cối cửa, một phần của bộ tượng hình bát giác (một phần bộ sen), một phần tượng A Di Đà đã mất đầu và bụng, chỉ còn lại cổ và một mảng ngực. Hiện vật đá thu được trên mặt đất (1978) không do khai quật, cũng chỉ có 3 hiện vật: 1 nửa bộ tượng hình bát giác bằng đá xanh được khắc nổi những hình rồng, lá đề công phu đẹp mắt. Phần bộ tượng này là phần trên của phần bộ tượng tìm thấy trong khai quật ở trong nền móng tháp. Hiện vật thứ hai là một chân tảng (chân cột) nguyên vẹn. Hiện vật thứ ba là chiếc cối cửa tìm được ở nền tháp trong cuộc khai quật. Chiếc cối cửa này nằm ở phía Nam của cạnh tháp. Hiện vật đá ở tháp Tường Long cho đến nay chỉ tìm được có như vậy.

- Qua nghiên cứu kiến trúc của nền móng tháp cũng như cách bố cục của kiến trúc này cho thấy tháp Tường Long là một tháp thờ có 4 cạnh, tượng A Di Đà được đặt trong lòng tháp có diện tích xấp xỉ 9m vuông.

- Cuộc khai quật còn phát hiện được những vết sỏi cuội cách tháp khoảng 2m ở vách đào phía Tây, Bắc và Nam.

Tại vách đào mở rộng ở phía Tây có 2 vết sỏi cuội :vết thứ nhất có chiều cao 0,97m, rộng 1,2m; cách vết sỏi thứ nhất chừng 1,5m lại có vết sỏi thứ hai nữa có chiều cao 1m, rộng 0,4m.

Tại vách đào mở rộng ở phía Bắc cũng có 2 vết sỏi cuội :vết thứ nhất cao 0,40m, rộng 0,7m; cách vết sỏi này khoảng 1,6m có vết sỏi thứ hai.Vết sỏi này cũng cao 0,4m, rộng 1,2m; càng gần đất cái chiều rộng càng thu hẹp lại.

Tại vách đào mở rộng phía Nam chỉ có một vết sỏi cuội có chiều cao 0,9m, rộng 1,1m; càng xuống phía dưới chiều rộng càng thu hẹp.

Sự có mặt của vết sỏi cuội khó hiểu: có chiều cao, rộng khác nhau không giải thích được vấn đề gì chúng tồn tại.Các vết sỏi này cùng chung số phận với nền móng ngôi tháp là bị phá hoại nghiêm trọng ngay cả trước cuộc khai quật năm 1978.

Như vậy, tháp Tường Long đã trải qua hai lần khai quật, kết quả đã phát hiện thấy 2 nền móng cơ bản có sự giống nhau, chỉ khác về kích thước.Xét ở góc độ khảo cổ học, việc phát hiện thấy những nền móng tháp cổ Tường Long có ý nghĩa rất to lớn.Trước hết, đó là sự khẳng định nơi đây tháp Tường Long đã được xây dựng và tồn tại rồi đổ nát do thời gian, thiên tai địch họa.Ở các lĩnh vực nghiên cứu khác nhau như kiến trúc tôn giáo Đạo Phật, lịch sử mỹ thuật, nghệ thuật tạo hình, di vật- di tích ở Tường Long được biết đến như một trung tâm lớn ở thế kỷ XI- XII, thời đại vương triều Lý trị vì đất nước.

Tháp Tường Long được nhiều nhà khảo cổ học, sử học, kiến trúc sư, chuyên gia nghiên cứu văn hóa đánh giá là công trình văn hóa, kiến trúc tiêu biểu của triều Lý.Năm 2005, di tích khảo cổ học tháp Tường Long được công nhận là di tích cấp quốc gia.

Đến 3/3/2009 Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch đã có quyết định số 827/QĐ-BVHTTDL cho phép Viện khảo cổ học phối hợp với Sở Văn hóa Thể thao và Du

lich Hải Phòng tiến hành khai quật thăm dò diện tích 250m² ở các khu vực xung quanh tháp với 3 mục tiêu:

1. Tìm kiếm dấu tích nền chùa được gọi là chùa Vân Bản hay Chùa Tháp.
2. Xác định dấu tích khảo cổ tại vị trí dự kiến sẽ xây dựng Chùa Tháp và phỏng dựng tháp Tường Long.
3. Bổ sung các nguồn tư liệu phục vụ cho phục dựng Tháp Tường Long.

Kết quả khai quật thăm dò năm 2009 :

- Về kết quả tìm kiếm di tích nền móng chùa Tháp (chùa Vân Bản):

Các hố khai quật thăm dò đặt ở xung quanh nền móng tháp Tường Long và ngôi chùa hiện tại đã tìm thấy một số đoạn móng kè bằng đá lẫn gạch, sành, sứ thời Lý.

Tổng cộng có 2 đoạn móng kè với chiều dài 15,7m, rộng 0,83m- 1,05m, cao 0,28-0,68m (hố TS18, TS 19, TS20).Tuy nhiên khoảng cách từ móng kè trong hố 18 đến điểm bắt góc với móng kè trong hố 19, 20 đều có khoảng cách 45m; móng kè trong hố 18 tiếp tục phát triển về phía nam 8,3m dấu tích này xuất hiện trong hố 13 và còn phát triển tiếp.Móng kè trong hố 19, 20 có thể sẽ tiếp tục phát triển về phía đông (phạm vi này chưa khai quật). Như vậy, dù chưa thể xác định chính xác chiều dài của móng kè trong toàn bộ khu di tích, nhưng thông qua hàng móng kè xuất lộ trong hố 18, hố 13 đến điểm bắt góc với móng kè trong hố 19, 20 đã có chiều dài là 60,30m.Như vậy, có thể móng kè sẽ chạy xung quanh đỉnh núi Tháp và có thể nó được dùng để kè bảo vệ tháp Tường Long.

Tham gia làm móng đá và gia cố nền móng tháp ở đây có rất nhiều vật liệu xây dựng tháp Tường Long được sử dụng lại.Điều đó chứng tỏ các dấu tích kè móng đá này không phải là dấu tích kiến trúc thời Lý.

Do chưa có chứng cứ rõ ràng cho nên khó có thể đoán định chính xác niên đại của lớp móng kè này.Người ta dự đoán đó có thể là dấu tích móng kè hình thành vào thời Trần với mục tiêu là kè móng cho nền tháp vì theo như minh văn chuông

chùa Vân Bản cho biết vào khoảng cuối thế kỷ XIII đầu thế kỷ XIV tháp bị hư hỏng nặng và được nhà sư Hướng Tâm và cư sĩ Đại Ân đã tiến hành tu bổ tháp Tường Long.

Tuy nhiên, cũng có giả thiết đó là dấu tích kê móng hình thành vào khoảng thời Lê mà chưa rõ vào lúc nào và cũng với mục tiêu là kê bảo vệ nền móng tháp Tường Long.

- Về dấu tích khảo cổ tại vị trí dự kiến phỏng dựng tháp Tường Long và chùa Tháp

• Tại vị trí dự kiến phỏng dựng tháp Tường Long: 6 hố : TS 9, TS 10, TS 11, TS 12, TS 13, TS 14. Kết quả là không tìm thấy dấu tích kiến trúc cổ ở đây. Do đó có thể đặt vị trí tháp phỏng dựng ở đúng vị trí này.

• Tại vị trí dự kiến xây dựng Chùa Tháp mới” các vị trí này đã mở 13 hố. Trong đó 9 hố không có dấu tích kiến trúc cổ; 4 hố có vết tích móng nền kiến trúc. 3 hố có dấu tích kê móng tháp bằng đá, 2 hố có dấu tích kê móng nền tháp Tường Long.

Qua cuộc khai quật năm 2009, có thể xác định được quy mô của móng kê bảo vệ tháp Tường Long thời Lý và vật liệu xây dựng tháp.

- Quy mô móng kê bảo vệ tháp Tường Long thời Lý:

Hàng gạch xây bó bao quanh tháp Tường Long 15,08m là gạch bìa xây nghiêng, ngoài hàng gạch này lớp gạch, ngói ...ken dày. Nằm bên trong sát với hàng gạch này là hàng đá, gạch, ngói lẫn mảnh gạch, ngói dày và trong cùng sát với móng tháp Tường Long là hàng đá lẫn gạch dài 13,50m.

Với mục đích gia cố móng tháp chắc chắn, người thợ xây dựng đã dùng những vật liệu như gạch, ngói vỡ các loại đùm chặt vào giữa hai hàng gạch. Tuy nhiên, do hố khai quật sát với tường xây bao quanh cho nhà mái che móng tháp nên không thể xác định được vật liệu gia cố từ hàng đá lẫn gạch xây sát móng tháp đến chân móng tháp bằng vật liệu gì. Nhưng theo kết quả khai quật lần thứ hai năm 1998 thì kê bảo vệ móng tháp được đắp đất rộng 4m, diện tích này phù hợp với khoảng cách

từ hàng đá lẫn gạch bao quanh có chiều dài 13,50m đến móng tháp Tường Long.

Như vậy, có thể kết luận để bảo vệ móng tháp người ta đã lấy đất đầm chặt sát chân móng tháp, bên ngoài lớp đất là đá, gạch ngói đầm chặt; bên ngoài cùng là hàng gạch xây xếp nghiêng, ngoài cùng là lớp gạch, ngói...đầm chặt(theo mặt bằng phía Tây).

- Vật liệu xây dựng tháp:

•Vật liệu đá: Đá khối vỡ tự nhiên được kết hợp với gạch để xây kè móng nền tháp.Hàng đá ở phía bắc tháp Tường Long dài 5,24m (gồm 10 viên; dài từ 37-76cm, rộng từ 23-44cm), bắt góc về phía Tây tháp là một hàng đá lẫn gạch dài 3,08m (11 viên; dài từ 26cm-52cm; rộng từ 16 cm-47cm).

•Đá xây tháp : Đá trang trí hình rồng.Trước đây còn sưu tầm được lá đề trang trí hình rồng bằng đá.

•Đất nung:

+ Các loại gạch đặc trưng xây tháp :

Gạch xây: Long Thụy Thái Bình tứ niên tạo có nhiều cỡ khác nhau.

Một số viên gạch xây có chữ Hán :đệ nhất đệ tầng đề...(tầng thứ nhất hàng thứ...); đệ tam tầng đệ ngũ (tầng thứ ba hàng thứ năm)...; gạch thời và gạch trang trí.

Ngói : ngói bò nóc, ngói âm, ngói dương, ngói mũi sen, ngói mũi vát nhọn (ngói mũi lá).

Trang trí trên ngói có đầu ngói hoa sen với 7 kích cỡ khác nhau:

Loại 1 : đường kính : 7,1cm- 7,8cm; dày 1,2cm- 1,3cm.

Loại 2 : đường kính :8,6cm; dày 1,1cm.

Loại 3: đường kính :10,8cm; dày 2cm.

Loại 4 : đường kính 12,4cm- 12,8cm; dày 1,5cm- 1,7cm.

Loại 5 : đường kính 13cm; dày 1,5cm-2,8cm.

Loại 6 :đường kính : 14,8cm; dày 2cm.

Loại 7 : đường kính :15,3 cm; dày 1,7cm.

Uyên ương : có 12 kích cỡ khác nhau:

Loại 1: dài 7,5 cm; rộng 4,6cm; dày 4,2 cm.

Loại 2 : dài 8,4 cm; rộng 9 cm; dày 5,8cm.

Loại 3: dài 8,9cm; rộng 5cm; dày 5,6cm.

Loại 4 : dài 10,5cm; rộng 6,1cm; dày 7cm.

Loại 5: dài 11,3 cm – 11,8 cm; rộng 7,8 cm-8,1cm; dày 5,2cm-6,4cm.

Loại 6: dài 13cm; rộng 10,3cm; dày 6,1 cm.

Loại 7: dài 13,7cm; rộng 8cm; dày 6,6cm.

Loại 8 : dài 13,7cm ; rộng 9,6cm; dày 9,3 cm.

Loại 9 : dài 14,3cm; rộng 9,4cm; dày 10,8cm.

Loại 10 : dài 15,3cm; rộng 8,8cm; dày 8,1cm.

Loại 11: dài 18 cm; rộng 9,7cm; dày 9cm- 9,4cm.

Loại 12: dài 18,5cm-18,6cm; rộng 10,5cm-12,5cm; dày 9,4cm- 10,6cm.

Lá đề trang trí hình rồng:

Loại 1: lá đề lệch.

Loại 2: lá đề cân.

Lá đề trang trí chim phượng

Đầu kê.

Trang trí trên tháp.

Gạch ốp trang trí rồng.

Tượng Kinnari.

Ngoài các di vật liên quan đến tháp Tường Long, cuộc khai quật còn thu được nhiều di vật khác như gạch ngói, đồ gốm sứ qua nhiều thời kỳ khác nhau cho phép tìm hiểu về lịch sử tháp Tường Long.

Cuộc khai quật đã làm rõ thêm nhiều di tích, di vật mà chúng ta chưa biết ở tháp Tường Long. Các tư liệu này cho biết rõ thêm diện mạo của cây tháp, góp nhiều tư liệu phục vụ việc phỏng dựng tháp Tường Long và góp thêm nguồn di vật phục vụ việc trưng bày tại Bảo tàng Hải Phòng và trưng bày tại di tích.

2.3. Di tích và những giá trị nhân văn.

Trong nhiều thập kỷ qua, tháp Tường Long ở Đồ Sơn, Hải Phòng luôn được các nhà nghiên cứu thuộc các lĩnh vực tôn giáo đạo phật, kiến trúc nghệ thuật, khảo cổ học, lịch sử quan tâm tìm hiểu nhằm xác định vai trò, chức năng và nhất là giá trị của di tích trong tiến trình lịch sử.

Vương triều Lý (1009-1225) được xem như là giai đoạn mở đầu cho thời kỳ hưng thịnh lâu dài của phong kiến Việt Nam về chính trị - kinh tế cũng như về văn hóa - nghệ thuật. Sau một nghìn năm Bắc thuộc, nhà Lý quyết tâm xây dựng một nền độc lập lâu dài với một niềm tự hào tự tôn dân tộc, với khát vọng Đại Việt cũng có thể sánh ngang hàng với Đại Đường, Đại Tống ở Trung Hoa.

Tiếp nối tinh thần Phật giáo từ các triều đại trước, Phật giáo thời Lý trở thành quốc giáo và phát triển mạnh mẽ. Có lẽ tinh thần từ bi, bác ái của Phật giáo hòa hợp với tinh thần ôn hòa, bình dị của người Việt. Theo Đại Việt sử ký toàn thư thì thời ấy, nhân dân '*lũ lượt đi ở chùa*'. Mọi người làm việc gì cũng nghĩ đến sự phù trợ của Đức Phật, Lý Thường Kiệt sau khi đánh Tống, bình Chiêm đã cho xây dựng chùa Báo Ân (Thanh Hóa) để tỏ lòng cảm tạ. Linh Nhâm thái hậu xây dựng cho mình đến hàng trăm ngôi chùa.

Các tác giả dẫn sách "Đại Việt sử ký toàn thư" cho ta biết rằng "năm 1031 cả nước có 950 hương ấp xây dựng chùa quán. Năm 1097 Thái hậu Ý Lan cho xây nhiều chùa Phật, năm 1115 thái hậu lại cho xây hơn 100 ngôi chùa". Trong số những ngôi chùa được xây dựng từ thời Lý, có nhiều ngôi chùa nổi tiếng mà cho đến nay những dấu tích của nó còn là niềm tự hào cho cả dân tộc. Đó là chùa Diên Hựu (1049), chùa Lâm Sơn (1086), chùa Tiêu Sơn (1063)...

Trong đó thì Chùa Tháp được coi là đặc trưng trong kiến trúc Phật giáo thời Lý. Sử cũ cũng ghi ở thời Lý, nhiều ngọn tháp đẹp và cao vợi với vật liệu xây dựng quý hiếm đã được dựng lên. Đó là, các tháp Đại Thắng Tự Thiên, cao 30 tầng ở chùa Sùng Khánh Bảo Thiên (năm 1057), tháp chùa Lâm Sơn (năm 1051), tháp bằng sứ đặt tại chùa Diên Hựu, tháp bằng đá đặt ở chùa Lâm Sơn (năm 1105), tháp

chùa Chương Sơn (năm 1108), tháp Sùng Thiên Diên Linh đặt tại núi Dọi Sơn (năm 1122). Đặc biệt cả nước đã làm đến 84.000 bảo tháp.

Và gần đây, người ta đã khai quật thấy nền móng của 1 ngôi chùa Tháp cũng được xây dựng thời Lý (1085) tại ngọn núi Long Sơn, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng đó là tháp Tường Long.

2.3.1. Giá trị lịch sử

Tháp Tường Long được xây dựng vào thời nhà Lý, nhiều lần được tu tạo và khôi phục trong triều Trần và triều Lê nhưng đến qua nhiều biến cố lịch sử và đến ngày nay mặc dù tháp Tường Long đã rơi vào cảnh đổ nát, hoang tàn và vài dòng ngấn ngủi ghi trong sử cũ, song trong nhiều thập kỷ qua, nhiều nhà nghiên cứu đã tập trung tìm hiểu nhằm xác định vai trò, chức năng và nhất là giá trị của di tích trong tiến trình lịch sử.

Theo Đại Việt sử lược, ta biết tháp Tường Long được xây dựng năm 1058, vào thời Lý Thánh Tông. Ngày nay, những viên gạch tìm được ở đây có ghi dòng chữ “Lý gia đệ tam đế Long Thụy Thái Bình tứ niên tạo” (làm năm Long Thụy Thái Bình thứ tư đời vua thứ ba nhà Lý), tức năm 1057, đã xác nhận chắc chắn điều ghi ở sử cũ. Như chúng ta đã biết Phật giáo thời Lý phát triển đạt đến đỉnh cao của sự hưng thịnh và được coi là quốc giáo. Tháp xây dựng cách đây hơn 1000 năm dù hiện nay chỉ còn lại là phế tích nhưng những giá trị của nó vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay gắn liền với thời kỳ lịch sử của vương triều Lý với sự phát triển hưng thịnh của Phật giáo.

Vị vua sáng nghiệp Lý Thái Tổ vốn xuất thân từ cửa Thiền, rất mực tôn sùng đạo Phật; điều này được các vị vua sau đó kế thừa và phát huy, các vua Lý đều sùng Đạo Phật, khiến thời Lý trở thành giai đoạn phát triển huy hoàng của Phật giáo. Phật giáo thời Lý có vị trí to lớn trong đời sống xã hội. Ảnh hưởng của Phật giáo lan rộng khắp mọi miền đất nước.

Tinh thần sùng Phật, biểu hiện qua các sinh hoạt Phật giáo, cùng với nhiều lễ hội của nó, đã trở thành một đặc điểm của văn hóa thời Lý. Do việc xây chùa tháp

khắp nơi, luôn có những lễ hội để khánh thành các kiến trúc Phật giáo này. Dựng chùa có hội mà tạc tượng, đúc chuông cũng có hội. Có hội do vua mở, có hội do dân làm. Ngoài những lễ khánh thành chùa tháp, tạc tượng, đúc chuông, hàng năm còn có những ngày lễ Phật khác. Sử sách và bia ký đã nhắc đến những ngày lễ Phật trong năm vào thời Lý như lễ tắm Phật ngày Phật đản mùng 8 tháng 4, lễ Vu lan bồn vào rằm tháng bảy. Ở nhiều chùa, các tín đồ tổ chức thành các hội để giúp đỡ sư sãi trong mọi việc, đặc biệt trong các việc cúng lễ.

Việc xây dựng chùa tháp dưới thời Lý có gắn bó chặt chẽ với thể chế, nhà vua, giới quý tộc, quan liêu, nhằm vào việc cầu mong cho vận nước dài lâu, nhà vua trường thọ, dân chúng được an hưởng cảnh thái bình thịnh trị.

Do việc dựng xây dựng chùa tháp thời Lý, nhất là các chùa tháp lớn đều có quan hệ rất mật thiết với giới quý tộc và quan chức cấp cao, nên quan niệm về việc xây dựng các công trình đó có thể xem là quan niệm chính thức của nhà nước và xã hội đương thời; quan niệm đó được thể hiện rất rõ ràng trong phần mở đầu của các văn bia thời Lý, gọi là phần “thuyết lý duyên khởi”.

Về nội dung, phần thuyết lý - duyên khởi thường ca tụng sự nhiệm màu của đạo, thuyết giảng giáo nghĩa Phật môn, như các phạm trù “không” và “hữu”; khi nói quan hệ giữa “nhất” và “chân”, lúc bàn quan hệ giữa “muôn” và “một”; khi thì giảng cứu về “núi Pháp”, “bể Thiên”; lúc lại đề cập đến “thường”, “lạc”, “ngã”, “tịnh”. Trong phần thuyết lý - duyên khởi này, các tác giả cũng không quên nói đến sự giáng thế, cái quyền năng vô lượng và công lao phổ độ chúng sinh của đức Phật, đáng giác ngộ toàn năng, bởi cảm thương chúng sinh ngu tối: niềm dục tuôn trào như bể, sân si chứa chất nên non. Cho nên ngài đã xuất hiện: để mở rộng cửa giác ngộ, nêu tỏ nghĩa diệu huyền; dập tắt ngọn lửa núi ngờ rừng rục, lắng ngọn triều bể ái mệnh mê, mở cửa phương tiện, thức ngộ chúng sinh, khiến cho họ không xa rời bản tính tốt đẹp của mình, biết hướng về điều chân điều thiện. Nhưng rồi, sau khi “Phật ở trần thế bảy mươi chín năm, thiết lập tám vạn bốn nghìn giáo pháp” (Lý gia đệ tứ đế Sùng Thiện Diên Linh tháp bi), ngài đã “phủ áo ở rừng

Song Thọ, trút dép ở ao Kim Sa” (Sùng Nghiêm Diên Thánh tự bi minh), “trở về cõi tịch diệt” (Viên Quang tự bi minh tính tự), kết thúc một giai đoạn quan trọng trong tiến trình lịch sử của Phật giáo. Từ đây, người đời không còn thấy được chân thân đức Phật, dẫn người đệ tử Phật môn có niềm tin rằng ở khoảng 500 năm sau khi Phật tịch diệt, nhờ ảnh hưởng thân lực của Phật, người tu dễ đắc đạo thì liền sau đó, giới tăng lữ Phật giáo cũng phải tiến hành kết tập kinh điển, tạc tượng, xây chùa, dựng tháp, đúc chuông... tôn sùng tượng giáo.

Tượng giáo là cái mà nhà Phật dùng làm phương tiện thực hành đạo pháp. Lí Thừa Ân trong Bảo Ninh Sùng Phúc tự bi cũng cho rằng: “Bắt đầu xây dựng chùa này, hết dạ tôn sùng tượng giáo”. Ngay như Trương Hán Siêu thời Trần, người từng có phát ngôn chính thức công kích tín đồ đạo Phật cũng từng khẳng định: “Tượng giáo được đặt ra là để đạo Phật dùng làm phương tiện tế độ chúng sinh, chính vì muốn khiến kẻ ngu mà không giác ngộ, mê mà không tỉnh lấy đó làm nơi trở về thiện nghiệp”.

Từ giai đoạn chính pháp chuyển sang giao đoạn tượng pháp, tượng giáo càng được coi trọng. Trong phần thuyết lí duyên khởi, các tác giả văn khắc thời Lí đặc biệt nhấn mạnh đến giai đoạn tượng pháp, cho rằng lúc này, “Điều đáng tham cứu không gì lớn hơn tượng pháp, mà sùng thượng tượng pháp không gì bằng chùa chiền”.

Như vậy, dưới thời Lí, trong quan niệm của người đương thời, việc xây chùa dựng tháp là biểu hiện của sự tôn sùng tượng giáo, là đặc điểm ưu trội và nguyên lí hiển nhiên trong thời kì tượng pháp... chùa chiền chính là nơi để dân chúng hướng về, là phương tiện để tế độ cho chúng sinh, có đóng góp trực tiếp và thiết thực cho việc trị lí quốc gia theo hướng Phật giáo hóa đời sống tinh thần xã hội, và vì thế, nó không chỉ là việc làm tự phát của cá nhân, mà còn là chủ trương lớn của nhà nước.

Điểm qua tình hình xây dựng chùa tháp thời Lí, ta cũng biết được bối cảnh xây tháp Tường Long.

Như vậy, chúng ta biết rằng tháp Tường Long được xây dựng vào giai đoạn

thịnh vượng của Phật giáo thời Lý. Tháp Tường Long đã được vua Lý Thánh Tông ra lệnh xây, nghĩa là việc xây tháp là công trình nhà nước. Sử chỉ ghi là tháp Tường Long được xây năm 1058, nhưng đó mới chỉ là năm bắt đầu xây mà không biết bao giờ xong. Nhiều chùa tháp thời Lý làm trong thời gian ba năm hay lâu hơn nữa. Một tòa tháp như tháp Tường Long mà vết tích còn đến ngày nay hẳn không thể hoàn thành trong thời gian ngắn hơn.

Vua Lý Thánh Tông cho xây dựng tháp Tường Long trên đỉnh cao nhất của Cửu Long Sơn ở vùng biên viễn lộ Hải Đông không chỉ nhằm ghi nhận chủ quyền quốc gia dân tộc mà còn lập đài quan sát canh phòng bờ biển là việc làm thuận ý trời, hợp lòng dân. Theo sách “Đại Việt sử lược” thì năm Mậu Tuất 1058, vua Lý Thánh Tông xây tháp. Năm sau, vua ra biển Ba Lộ ngự, nhân đó đến thăm chỗ xây tháp trên núi Đồ Sơn, trước đó, nhà vua đã nằm mộng thấy rồng vàng hiện lên ở điện Trường Xuân nên ban cho ngọn tháp cái tên “Tường Long” nghĩa là “thấy rồng vàng hiện lên” để ghi nhớ điềm lành.

Tháp Tường Long là một công trình kiến trúc về tôn giáo làm thỏa mãn tâm linh của người dân Đại Việt thời thịnh vượng. Nhà nước phong kiến ở thế kỷ XI không chỉ quan tâm đến quyền lợi văn hóa, vật chất cho dân mà còn lo cho đời sống văn hóa tinh thần, tâm linh cho họ.

Ngoài ra, ngoài ý nghĩa về mặt tôn giáo, Tháp Tường Long còn là trạm giao thông liên lạc từ xa gắn với an ninh quốc phòng của quốc gia. Người ta có thể sử dụng khói lửa làm phương tiện thông tin. Trạm giao liên này cũng đồng thời được coi như một vọng gác vững chắc bảo vệ vùng trời, vùng biển ở ven biển của miền Đông Bắc Tổ quốc ta thời bấy giờ.

2.3.2. Giá trị kiến trúc nghệ thuật

Vào thời Lý, Phật giáo phát triển thịnh đạt được coi là quốc giáo, nhiều chùa chiền được xây dựng trên khắp cả nước. Vì vậy trong kiến trúc Phật giáo thời Lý, phong phú cả về số lượng và kiểu thức phải là Chùa. Đặc biệt trong đó là các công trình kiến trúc chùa tháp.

Những cây tháp thời Lý thường xây trên lưng chừng hoặc đỉnh những núi không cao mấy đột khởi giữa đồng bằng là thắng cảnh tự nhiên, lấy núi vững chãi làm nền để tôn lên vẻ nguy nga bề thế của mình.

Những cây tháp ấy là kiến trúc chính của toàn cảnh chùa và chính thức là điện thờ Phật, trong lòng tháp có đặt tượng Phật. Các Phật tử tiến hành nghi lễ quanh tượng Phật, có thể ở ngay trong lòng tháp hoặc chung quanh tháp. Riêng tháp chùa Báo Thiên với tên Đại Thắng Tư Thiên thì cơ bản là đài chiến thắng, tuy ở chùa và bốn cửa tháp có bốn đôi tượng Kim Cương, nhưng trong lòng tháp lại có tượng người tiên, chim muông, giường ghế, chén bát bằng đá.

Tháp thời Lý với bình diện vuông được bắt nguồn từ các tu viện Phật giáo Ấn Độ vốn là kiến trúc trải rộng được biến thành kiến trúc cao tầng bình diện vuông, hình tháp, trong có tượng Phật là nơi thờ. Bình diện vuông của tháp, theo tư duy Việt cổ quan niệm trái đất vuông, được bốn phương neo giữ. Những cây tháp cao ấy không trợ trụ, lại hoà với hành lang, giải vũ ở hai bên, với những toà nhà ở phía sau, và cây cối tạo thành một cảnh quan tổng thể có cả chiều cao và bề rộng vừa thiêng liêng vừa âm cúng.

Phong phú hơn tháp cả về số lượng và kiến trúc phải là chùa. Dựa vào thực địa và thư tịch có thể chia chùa thời Lý thành bốn loại có bố cục khác nhau. Trước hết là kiểu chùa dựng trên một cây cột, phát triển theo kiến trúc tháp, tiêu biểu là chùa Một Cột tuy của hoàng gia nhưng đã đi lên từ kiến trúc truyền thống mà gần đây còn thấy trong dân gian là cây hương đặt trên đầu cọc, hay trên trụ gạch, toàn thể là bông sen nghệ thuật khổng lồ. Loại thứ hai là những chùa vừa thờ Phật để cầu phúc cho hoàng gia vừa là hành cung để vua nghỉ ngơi khi du ngoạn quanh vùng. Loại chùa này thường được vua đến thăm và để di bút, có quy mô lớn, ngoài tháp còn có nhiều kiến trúc vật bề thế. Loại chùa thứ ba không có tháp, cũng không phải là hành cung, quy mô có kém một chút nhưng còn rất lớn, phát triển theo chiều sâu và nâng cao dần, hai bên cân đối, khu điện thờ bố cục gần giống mặt bằng của tháp. Ngoài ra còn những chùa nhỏ lẫn trong thôn xóm, lúc đầu có thể chỉ

là một cái am làm nơi tu dưỡng của một nhà sư, sau đó được mở mang nhưng cơ bản là đẹp trong khuôn khổ gọn nhỏ. Nhìn chung các chùa thời Lý có quy mô lớn, nhưng Phật điện nhỏ, tượng thờ còn ít, thường chỉ có một pho tượng Phật ứng với một chiếc bệ chỉ đủ chỗ cho một pho tượng, trong cách thờ có sự tương đồng với cả khu vực Đông Nam Á.

Giá trị kiến trúc nghệ thuật của tháp Tường Long

Lịch sử của tháp Tường Long luôn gắn liền với lịch sử kiến trúc nghệ thuật thời Lý, đặc biệt là các công trình kiến trúc về tôn giáo đạo Phật. Căn cứ kết quả nghiên cứu các nhà khảo cổ học đã đưa ra phác thảo chân dung tháp Tường Long như sau:

*** Vị trí xây tháp:**

Vị trí của Tháp Tường Long được xây dựng trên đỉnh núi cao nhất của ngọn núi Rồng, là một trong số chín ngọn núi của dãy Cửu Long.

Được xây dựng trên đỉnh Ngọc Sơn, Tháp Tường Long trông như cây bút đang vẽ lên nền trời xanh và biển rộng là đài nghiên thiên nhiên vô tận. Qua thư tịch cổ và những dấu vết còn lại, tháp Tường Long gần như là khu tượng đài hoành tráng kỉ niệm nhà Phật, một trạm quan sát tiền tiêu và là hành cung của nhà vua ở miền đông bắc của quốc gia Đại Việt.

• Quy mô và kiến trúc :

Lịch sử của Tháp Tường Long gắn liền với lịch sử kiến trúc thời Lý, đặc biệt là các công trình kiến trúc về tôn giáo Đạo Phật. Cũng theo một số tài liệu thì tháp có 12 tầng, năm 1288 bị sét đánh đổ ngọn, năm 1322 bị sét đánh sạt 2 tầng trên, năm 1426 giặc Minh phá tháp làm vũ khí, năm 1792, nhà Lê phá tháp lấy gạch tu bổ Thành Thăng Long, năm 1805, thời Nguyễn, vua Gia Long thứ 3 tiếp tục phá Tháp lấy gạch xây thành ở trấn Hải Dương...

Căn cứ vào các kết quả nghiên cứu, thì việc xây dựng chùa thờ Phật thời Lý chủ yếu vẫn là các tòa Stupa nhiều tầng (tức Bảo Tháp), chung quanh là các hành lang và trai phòng. Hay nói cách khác, tháp và Phật điện ở thời kỳ này không đồng

nhất, đã có tháp thì không có Phật điện. Như vậy, sự ra đời của tháp Tường Long cho chúng ta hiểu rõ thêm về loại hình kiến trúc của Phật giáo có nguồn gốc từ đời Lý thế kỷ XI, XII.

Chùa Tháp Tường Long là chùa vừa thờ Phật để cầu phúc cho hoàng gia vừa là hành cung để vua nghỉ ngơi khi du ngoạn quanh vùng. Loại chùa này thường được vua đến thăm và để di bút, có quy mô lớn, ngoài tháp còn có nhiều kiến trúc vật bề thế.

Theo Đại Nam Nhất Thống Chí : “ *Tháp cũ Đồ Sơn cao 100 thước, dựng trên một khu đất rộng 1000m², có 9 tầng, cửa mở ra hướng Tây* ” . Một thước ta dài 0,45m, như vậy tháp cao khoảng 45m , lại đặt trên ngọn núi cách mặt biển 100m , cho thấy đây là Tháp ở bình địa cao nhất so với các tháp xây cùng thời. Tháp nhiều lần được tu tạo và khôi phục vào triều đại nhà Trần và nhà Lê, nhưng đến năm Gia Long thứ 3 (1804), triều đình nhà Nguyễn đã cho phá tháp để lấy gạch xây thành Hải Dương. Điều này chứng tỏ tháp Tường Long xưa vô cùng quy mô và bề thế.

Hiện nay tháp Tường Long chỉ còn lại là phế tích , chỉ còn lại những dấu vết qua các lần khai quật.

- **Sân tháp:**

Sân tháp là một mặt bằng hình vuông mỗi cạnh dài 4m. Đây là một sân đất nện bằng đất đồi laterit trộn với sỏi nhỏ được bó vữa rất cẩn thận : bên ngoài kê đá hộc, bên trong có lát vữa gạch. Dấu vết gạch lát sàn còn để lại rõ ở phần phía Đông rộng khoảng 2m.

- **Móng tháp:**

Năm 1978, cuộc khai quật tháp lần đầu tiên đã làm lộ rõ hoàn toàn phần móng dưới nền tháp. Móng tháp có 3 tầng hình vuông, rỗng lòng, xây giật 3 cấp, cấp dưới cùng có cạnh dài 7,96m, cấp thứ 2 là 7,36m, cấp trên cùng 6,92m. Như vậy, mỗi vạt tường là lòng tháp hình vuông, mỗi cạnh là 2,9m. Bề mặt của móng tháp không bằng phẳng mà uốn cong ở bốn góc kiểu đầu đao đình. Sở dĩ các nhà khảo cổ học xác định đây là móng tháp bởi toàn bộ đều nằm dưới nền sân tháp và

không thấy có một viên gạch trang trí nào.

- **Về vật liệu xây dựng tháp :**

Trong đó đáng chú ý hơn cả là gạch xây tháp. Đây là loại gạch có dáng hình chữ nhật dẹt với 2 loại kích thước, trên thân gạch khoét lõm khung có khắc 2 hàng chữ Hán “ Lý gia đệ tam đế, Long Thụy Thái Bình tứ niên tạo” (có nghĩa là gạch được sản xuất vào triều vua Lý thứ 3- tức vua Lý Thánh Tông, niên hiệu Long Thụy Thái Bình thứ 4).

Căn cứ vào kỹ thuật xây dựng các tháp đất nung của cả Việt Nam và Trung Quốc các nhà khảo cổ phân gạch thành 2 loại : loại 1 là gạch xây lòng tháp, loại 2 là gạch trang trí mặt ngoài tháp. Có nghĩa là thoát đầu người ta xây một cái cốt hoàn toàn bằng gạch chỉ, sau đó mới ốp gạch trang trí bên ngoài.

- Loại 1 được chia làm 2 phụ loại :

A – gạch góc có kích thước 40 x 24 x 23 x 5cm. Loại gạch này có một mặt phẳng, một mặt hơi nhô lên ở một góc để tạo thành đường cong nơi góc tháp.

B - gạch hình chữ nhật, cả hai mặt đều phẳng. Có khoảng 5 viên kích thước 56x 23 x 5cm và 28 x 20 x 5cm còn tuyệt đại đa số có kích thước 40 x 28 x 5cm. Ngoại trừ những viên biệt lệ, tất cả các viên khác trên một mặt đều có khung hình chữ nhật lõm xuống kích thước 15 x 3cm. Trong khung này còn in nổi 2 hàng chữ Hán “ Lý gia đệ tam đế, Long Thụy Thái Bình tứ niên tạo” nghĩa là gạch làm vào triều vua Lý thứ 3, niên hiệu Long Thụy Thái Bình năm thứ 4 – đời vua Lý Thánh Tông 1057.

- Loại 2 : Gạch trang trí mặt ngoài tháp có 3 viên, nói chính xác hơn là mảnh của 3 viên. Loại gạch này thực chất là mảnh phù điêu ốp ở mặt ngoài giữa hai tầng tháp. Mặt ngoài của những viên gạch này có trang trí hoa chanh, hoa dây đắp nổi. Mặt bên trong có khắc chữ Hán ghi rõ vị trí viên gạch trên cây tháp. Ví dụ : “ Đệ tứ tầng đệ tam “ (tầng thứ 4 hàng thứ 3)... Viên gạch ở tầng cao nhất còn sót lại là ở tầng thứ 4. Rất tiếc không còn viên nào nguyên vẹn để thấy kích thước và các đồ án trang trí một cách đầy đủ.

Ngoài loại gạch xây ,còn có loại gạch ốp ngoài vỏ tháp với nghệ thuật trang trí độc đáo như hoa sen, hoa cúc, hoa chanh và các loài chim thú quý hiếm. Cách trang trí này biểu hiện nghệ thuật điển hình thời Lý.

Bên cạnh vật liệu xây dựng tháp, các nhà khảo cổ học còn tìm thấy nhiều du vật khác có liên quan đến cấu trúc và bài trí trong tháp.Đó là hai chiếc cối cửa bằng đá, một chiếc được phát hiện trước khai quật và một chiếc phát hiện ngay ở cạnh phía Nam của tháp.Phát hiện này có ý nghĩa rất quan trọng , nó khẳng định tháp chỉ có một cửa, cửa này quay về hướng Nam.Cửa có thể có cánh bằng gỗ và trọng lượng không phải là nhẹ.

Ngoài ra, cuộc khai quật năm 1978 cũng đã phát hiện thêm tầng đáy của chiếc bệ sen nổi tiếng đã tìm thấy trong lớp gạch phế tích tháp trước đây.Trên nền, lòng tháp còn thấy một phần của bệ tượng bát giác bằng đá chạm rất công phu và được làm từ một khối đá xanh lớn.Cùng với tầng đáy của bệ là một phần của một pho tượng đá được đoán định là tượng Adi đà- cùng phong cách với pho tượng đá chùa Phật Tích (Bắc Ninh).Tượng mất đầu, bụng ,chỉ còn lại cổ và một mảng ngực.Pho tượng này có quy mô không nhỏ,vai tượng rộng 0,80m, một mảng thân còn lại cao 0,50m,tượng để lộ một chiếc cổ tròn trặn ba ngón rõ rệt,mình phủ một lượt áo mỏng có nhiều nếp vắt ra sau lưng.

Việc phát hiện ra chiếc bệ và một phần của pho tượng ở khu vực lòng tháp đã cho biết bên trong lòng tháp có một bệ đá hoa sen, trên bệ có đặt tượng đá Adi đà.

Có thể nói , tháp Tường Long là một công trình chùa tháp tiêu biểu cho nghệ thuật kiến trúc của nước ta vào thế kỷ XI, XII.

2.4.Phục dựng,tôn tạo và quy hoạch cảnh quan DTLS Tháp Tường Long

2.4.1.Vị trí, đường đi đến tháp Tường Long

Từ trung tâm thành phố rẽ vào đường Cầu Đất đi thẳng đến đường Lạch Tray,qua Cầu rào đi thẳng đường Phạm Văn Đồng đến Đồ Sơn.Đi vào đường Lý Thánh Tông đến ngã ba rẽ theo đường Phạm Ngọc khoảng 1km là đến chân núi Rồng.Tháp Tường Long nằm trên đỉnh núi cao nhất của ngọn núi Rồng.

Tháp Tường Long - Đồ Sơn do vua Lý Thánh Tông (1023- 1072) , vị vua thứ 3 của triều Lý đứng ra chủ trì việc xây dựng . Tháp được xây trên bãi đất rộng khoảng 2.000m² thuộc địa phận phường Ngọc Xuyên , quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng ngày nay.

Sách Đại Việt sử lược soạn thế kỷ XIII chép : “ Tháp xây vào năm Mậu Tuất , niên hiệu Long Thụy Thái Bình Thứ 5(1058). Năm sau vua ra biển Ba Lộ ngự, nhân đó đến thăm chỗ xây tháp trên núi Đồ Sơn , trước đó vua Lê Thánh Tông đã nằm mơ thấy rồng vàng hiện ra ở Điện Trường Xuân nên ban cho tháp tên hiệu là Tường long , ý muốn ghi lại một điềm lành”.

Chùa tháp thời Lý thường được xây dựng ở nơi núi cao, cảnh đẹp, do hoàng tộc bỏ tiền ra xây dựng. Các chùa này ngoài chức năng tôn giáo thờ Phật, nó còn là hành cung, nơi nghỉ ngơi của các vua chúa, quan đại thần trong những chuyến tuần du về mọi miền đất nước. Tháp Tường Long là một di tích được xây dựng từ thời Lý nên tháp Tường Long cũng mang những nét riêng về sự phân bố (vị trí địa lý) trong nền cảnh của kiến trúc Phật giáo Việt Nam ở thế kỷ XI, XII.

2.4.2. Quan điểm về quản lý, bảo vệ và phục dựng tháp Tường Long

Một là : Bảo vệ cảnh quan môi trường bao gồm cả bảo vệ môi trường nước (Suối Rồng), bảo vệ chân Tháp và những nguyên vật liệu xây Tháp. Có biện pháp xử lý những trường hợp vi phạm vấn đề này. Nghiêm cấm các trường hợp khai thác đất đá xung quanh núi Ngọc góp phần giữ gìn cảnh quan khu vực này.

Hai là : Tiến hành trồng rừng phủ xanh phía Tây của núi bằng những cây thích hợp, ngành Nông Lâm nghiệp đầu tư thêm kinh phí để tiến hành trồng rừng ở các vùng đồi núi còn trống.

Ba là : Tiến hành các chương trình nghiên cứu về Tháp Tường Long và vùng lân cận ; vừa là nội dung quản lý vừa là cách thức để tạo ra những điều kiện cụ thể để tiến hành phục dựng Tháp. Những việc này rất cần sự giúp đỡ của các nhà khoa học trên các lĩnh vực khác nhau, có như vậy mới thuyết phục được đông đảo các tầng lớp nhân dân trong và ngoài nước tham gia bảo vệ và phục dựng ngôi Tháp có

giá trị về nhiều mặt.

Bốn là : Việc phục dựng, tôn tạo và xây dựng quần thể Tháp nhằm tạo ra giá trị cao hơn về mọi mặt và có điều kiện để quản lý tốt hơn, nhưng việc xây dựng quần thể Tháp phải phù hợp hài hòa với cảnh quan môi trường ,không làm ảnh hưởng tới đời sống của dân cư khu vực Tháp.

2.4.3. Dự án phỏng dựng tháp Tường Long

Quần thể di tích Tháp Tường Long nằm trên một phần núi Ngọc, thuộc phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng là di tích khảo cổ học được xếp hạng cấp quốc gia tại Quyết định số 65/2005/QĐ-BVHTT, ngày 16 tháng 11 năm 2005. Đây là công trình văn hoá có kiến trúc độc đáo, di tích lịch sử gắn với đời Nhà Lý thế kỷ XI, được xây dựng năm 1058 thời Lý Thánh Tông, những viên gạch tìm được ở tháp đều có ghi dòng chữ “ Lý gia đệ tam đế, Long Thụy Thái Bình tứ niên tạo” tức tháp xây vào năm Mậu Tuất, niên hiệu Long Thụy Thái Bình thứ 5 đời vua thứ 3 nhà lý.

Được phép của Thủ tướng Chính phủ; chỉ đạo giúp đỡ của Bộ Văn hoá Thông tin tại công văn số: 570/VH-TT/BT ngày 4/3/1997 về việc lập dự án quy hoạch chi tiết quần thể di tích Tháp Tường Long - Đình Ngọc - Đền Nghè, thị xã Đồ Sơn (Nay là quận Đồ Sơn), Ủy ban nhân dân thành phố Hải phòng đã giao Ủy ban nhân dân quận Đồ Sơn làm chủ đầu tư. Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng đã phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình tại quyết định số: 920/QĐ-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2008 với tổng mức đầu tư là 179.700.000.000 đồng. Với quy mô của dự án đây sẽ là một công trình kiến trúc Phật giáo lớn nhất vùng duyên hải Bắc bộ nằm trong tuyến du lịch trọng điểm quốc gia Đồ Sơn - Cát Bà - Vịnh Hạ Long. Hàng năm dự kiến sẽ có hàng triệu khách du lịch ghé thăm. Công trình này không những góp phần tích cực vào việc bảo vệ, lưu giữ những giá trị lịch sử văn hoá dân tộc mà còn có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong tiến trình xây dựng phát triển đất nước, Khu di tích khảo cổ Tháp Tường Long trong nhiều năm qua đã phát huy tác dụng trong phục vụ du lịch văn hoá sinh thái, tâm linh và sẽ còn phục vụ cho việc

nghiên cứu các giá trị chức năng của Tháp Tường Long trong tương lai.

Với mục tiêu tìm thêm nguồn tài liệu phục vụ cho việc phỏng dựng tháp Tường Long , lần khai quật lần này đã xác định quy mô của móng kè bảo vệ tháp Tường Long, đã tìm thấy rất nhiều các vật liệu xây dựng tháp , chủ yếu làm từ đất nung như gạch xây có in chữ “Lý gia đệ tam đế Long Thụy Thái Bình tứ niên tạo (1057), các loại gạch trang trí , gạch thối, ngói ,hoa sen nhiều kích cỡ (có thể dự đoán dùng để lợp cho các tầng khác nhau) và rất nhiều các vật trang trí (Phượng châu, mảnh vỡ của con Kinnari, uyên ương...).Chỉ có một số ít vật liệu bằng đá như đá núi để kè móng, đá xây tháp có chạm hình rồng, lá đề bằng đá...

Tóm lại, trước đây có hai phương án dự kiến phỏng dựng tháp Tường Long như sau:

* Phương án 1 : Lấy luận cứ của Tiến sĩ Trịnh Cao Tường (và nhiều người khác) làm phương án chủ đạo cho thiết kế, theo đó :

- Chiều cao tháp : 18,4m
- Số tầng : 9 tầng
- Kỹ , mỹ thuật : mô phỏng tháp Bình Sơn.

* Phương án 2 :Lấy cơ sở lý luận của giáo sư Nguyễn Duy Hình làm phương án chủ đạo cho thiết kế,.Cụ thể:

- Chiều cao tháp :31m
- Số tầng :12 tầng
- Kỹ , mỹ thuật :mô phỏng tháp Bình Sơn thì vì những lý do sau đây:

Công thức chiều cao tháp bằng 2,5 lần cạnh đáy của L.Bezacier chỉ là một giả thuyết mà số đối tượng đưa ra để phân tích theo xác suất là quá ít nên không đủ độ tin cậy.

Lấy chiều cao tháp là 31m ngoài các lập luận của giáo sư Nguyễn Duy Hình còn vì những lý do sau:

Năm 1228, tháp bị sét đánh đổ ngọn (lần 1)

Năm 1322, tháp bị sét đánh sứt 2 tầng (lần 2)

Năm 1426, giặc Minh phá tháp lấy đồng.

Năm 1791, nhà Lê phá tháp lấy gạch.

Năm 1805, nhà Nguyễn tiếp tục phá tháp.

Nhưng đương đại sau còn bị phá vỡ tiếp.

Vậy mà đến những năm 60 của thế kỷ XX, phần tháp còn lại vẫn còn 5-6m. Điều này cho thấy :

- Khối lượng xây của tháp là rất lớn có như vậy người ta mới bỏ công trèo lên núi cao phá tháp lấy đồng, vỡ gạch mang về tận Thăng Long để xây thành.

- Qua 1000 năm , bị sét đánh đổ 2 lần , con người tác động đến nhiều như vậy mà đến những năm 60 phần còn lại vẫn còn 5-6 m (gần 1/3 của chiều cao 18,4m) sẽ là vô lý nếu chiều cao của tháp chỉ có 18,4m.

Dù rằng sử sách ghi sơ lược , đơn vị đo lường không thống nhất song dù sao sách “Đại Nam Nhất Thống Chí” ghi tháp cao 100 xích (tương đương 31m) vẫn là bằng chứng lịch sử “ giấy trắng mực đen”.

Lập luận cho rằng tháp xây trên núi cao ở vùng gió bão nên chiều cao phải hạn chế 9 18-20 m là vừa) cũng không chắc chắn vì tháp tuy có khối lượng lớn nhưng diện hứng gió không nhiều.

Ngoài ra lập luận tháp Tường Long không thể cao cũng có yếu tố tâm lý vì cho rằng trình độ của người xưa về kỹ thuật xây dựng thấp hơn nhiều so với ngày nay.

Điều cuối cùng là ở trên núi cao để phát huy ưu thế của vị trí ,tháp phải cao thì mới tương xứng với tương quan tỷ lệ của không gian lớn.

Nếu lấy chiều cao tháp là 31m các nhà khoa học kiến nghị số tầng là 12 vì phù hợp với quy cách của tháp Báo Thiên – người anh em sinh đôi – đã được sử sách ghi nhận (Đại Việt sử ký toàn thư) và hợp với độ mảnh của tháp.

Theo Hội thảo phục dựng tháp Tường Long- Đồ Sơn, qua các báo cáo phân tích, so sánh ,chúng ta có thể có những thông tin, nhiều gợi ý, nhiều luận cứ khoa học để phục dựng tháp Tường Long. Trước hết ,tư liệu về cuộc khai quật chân móng

tháp Tường Long cuối tháng 2/1978 cho biết một phần quan trọng về cấu trúc của tháp. Đây là một cứ liệu rất cơ bản khi muốn tìm hiểu về một ngôi tháp.

- Tháp hình vuông, chân móng tháp xây dật 3 cấp(3 tầng xây dật cấp chồng lên nhau). Kích thước của mỗi tầng :

+ Tầng dưới cùng : Mỗi cạnh dài 7,86m

+ Tầng thứ hai : Mỗi cạnh dài 7,36m.

+ Tầng trên cùng : Mỗi cạnh dài 6,92m.

+ Bề mặt vạt tường trên cùng dày 2m.

- Về kỹ thuật xây, tường Tháp không bằng phẳng mà uốn cong ở 4 góc. Các viên gạch ở góc xếp theo xu hướng hơi chệch vào tâm. Gạch xây ở góc cong như thế là loại gạch có một đầu hẹp và một đầu rộng, một đầu dầy và một đầu mỏng. Gạch để xây tháp có nhiều loại, nhưng phổ biến là loại có kích thước 40cm x 25cm x 5 cm. Trên một mặt của những viên gạch này có dòng chữ Hán in nổi trong một khung hình chữ nhật : “ Lý gia đệ tam đế Long Thụy Thái Bình tứ niên tạo :, có nghĩa là : “ Thời trị vì của vua Lý Thánh Tông, niên hiệu Long Thụy Thái Bình năm thứ tư làm ra (1057)”.

Ngoài gạch xây tháp ra, còn có gạch trang trí ốp ngoài tháp có họa tiết hoa văn hình dây , hình rồng nằm trong lá đề hay hình phượng nằm trong tư thế dang rộng cánh bay...

Xung quanh khu vực tháp hiện nay , người ta còn thu lượm được một số tượng động vật không còn nguyên vẹn như: tượng chim, tượng đầu Phật, đầu sư tử,... Những vật đó có thể được dùng trang trí cho tháp.

Bên ngoài chân móng tháp còn có một lớp đất đắp và đá hộc ốp vào xung quanh.

Để phục dựng tháp Tường Long còn nhờ căn cứ vào các sử liệu cổ chép về Tháp.

- Nghiên cứu tham khảo các bia ký, các hình chạm khắc trên đồ gốm,... thời Lý.

- Nghiên cứu các phế tích tháp thời Lý như Tháp Phật Tích ở Bắc Ninh, tháp Chương Sơn ở Hà Nam,... để có thêm tư liệu giúp cho việc phục dựng tháp Tường Long.

- Gần hơn chút nữa có thể sử dụng các tư liệu của tháp Bình Sơn ở Lập Thạch- tỉnh Vĩnh Phúc, tháp Phổ Minh ở Nam Định (xây dựng thời Trần) để tham khảo phục vụ cho việc phục dựng tháp Tường Long.

2.4.4. Hiện trạng tôn tạo và phục dựng tháp Tường Long

Từ năm 1997, thành phố Hải Phòng đã bắt đầu tiến hành lập dự án phục dựng tháp Tường Long gắn với Đình Ngọc và đền Nghè song gặp phải trở ngại về kinh phí và ý tưởng không thống nhất.

Đến tháng 12/2006, Quân khu 3 mới cho phép khảo sát địa hình lập dự án vì liên quan đến đất quốc phòng.

Ngày 06/06/2008, UBND thành phố Hải Phòng đã có Quyết định số 920/QĐ-UBND phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình phỏng dựng, tôn tạo Tháp Tường Long – Chùa Tháp giao cho quận Đồ Sơn làm chủ đầu tư với diện tích trên 3ha, tổng mức đầu tư là 179,7 tỷ đồng.

Dự án thực hiện từ 2009 – 2015 , trong đó chùa tháp dự kiến hoàn thành trong năm 2010, giai đoạn 2009-2011 xây dựng Tháp Tường Long , nhà che hồ khảo cổ.

Ngày 11/06/2008 Chùa Tháp với chiều cao 32,5m, khuôn viên rộng 1.300m², hạng mục chính của dự án đã được khởi công xây dựng với mức đầu tư là 87,7 tỷ đồng bằng nguồn vốn do Thành hội Phật giáo Hải Phòng huy động xã hội hóa.

Hiện nay trên công trường đang cùng một lúc kiến tạo nền móng và tầng trệt cho ngôi đại điện hình chữ công với 15 gian lớn, trên mặt bằng gần 1.500m² theo lối chùa cổ bằng gỗ quý, nhà Tổ sẽ được xây dựng ngay sau đại điện với tượng Tây Phương Tam Thánh bằng chất liệu gốm sứ Bát Tràng truyền thống , có kích thước lớn ,kế sau là khu lầu bảo tang di chỉ khảo cổ nền móng của Tháp Tường Long nhà Lý, kế bên trái về phía biển Đông là khu xây dựng (mô phỏng) tháp Tường Long đang làm móng...

Trong thời gian vừa qua, vấn đề xây dựng (mô phỏng) tháp Tường Long sẽ là 9 hay 13 tầng đã gây nên tranh biện rộng rãi trong các hội thảo và dư .Tới nay kết luận chính thức là xây tòa tháp Cửu phẩm liên hoa 9 tầng.

Trong dịp kỷ niệm Đại lễ 1000 năm Thăng Long- Hà Nội đã diễn ra các hoạt động văn hóa, tín ngưỡng tại khu vực tháp Tường Long, chùa Tháp như: tổ chức lễ rước tượng Phật và đúc Đại hồng chung...

Hiện nay các hạng mục của công trình đang tiếp tục được thực hiện. Dự kiến đến năm 2015 tháp Tường Long sẽ được hoàn thành.

2.4.5. Quần thể tháp Tường Long- khu di tích lịch sử văn hóa hiện đại

Nghị quyết 20/NQ-TU ngày 25/01/1995 của Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng đã chỉ rõ định hướng chiến lược đối với du lịch Hải Phòng là “Du lịch sinh thái nghỉ dưỡng vùng biển kết hợp với du lịch văn hóa”.Như vậy, trong quy hoạch tổng thể của quận Đồ Sơn có quy hoạch quần thể về tháp Tường Long, trong quan hệ phát triển kinh tế ngành du lịch của thành phố Hải Phòng cần được bổ sung thêm hạng mục du lịch văn hóa tham quan di tích tháp Tường Long; đây là những định hướng rất quan trọng trong việc phát triển kinh tế du lịch.

Định hướng về việc phục dựng Tháp và xây dựng quần thể Tháp bao gồm các hệ thống sau đây: (tính từ đỉnh Tháp xuống):

- Hệ thống Tháp được phục dựng bao gồm: Tháp chính, nhà nghỉ cho khách, nhà trưng bày các hiện vật còn lại của Tháp, khu vực phục vụ giải khát và hàng lưu niệm, một số biệt thự nhỏ.

- Hệ thống đường lên bao gồm : Các đường bậc thang leo núi uốn lượn theo sườn đồi, có nhà nghỉ tạm dừng chân.

- Hệ thống đường xe ô tô cơ giới: nghiên cứu tuyến đường đã có cốt từ thời Pháp, bắt đầu từ địa điểm Trung đoàn 50 qua đèo Cao sang Tháp.

- Hệ thống dưới chân núi bao gồm: Đài nghĩa trang liệt sĩ, suối Ròng, Đình Ngọc được tôn tạo lại, với các ki ốt cách điệu xây dựng dạng quán hoa với một số hệ thống nhà trọ dành cho khách bình dân có điều kiện lưu lại...

Các hệ thống trên được gắn liền với du lịch leo núi, có sức thuyết phục và hấp dẫn khách tham quan.

- Việc xây dựng phiên bản Tháp và xây dựng quần thể tháp Tường Long phù hợp với chủ trương của Đảng bộ Đồ Sơn: Phát triển kinh tế biển đi đôi với phát triển kinh tế ngành dịch vụ du lịch, từng bước đa dạng hóa các hình thức du lịch với các thành phần kinh tế khác nhau nhằm từng bước cải thiện đời sống và giải quyết việc làm cho người lao động...

Như vậy, việc làm nói trên góp phần mở mang tuyến du lịch vào sâu trong dân tạo điều kiện cho du khách tìm hiểu về truyền thống văn hóa, tập tục của dân địa phương. Điều đó rất phù hợp với du lịch hiện nay, bởi lẽ khách đi du lịch không phải chỉ có nhu cầu tắm biển, ăn nghỉ ở khách sạn đắt tiền mà một nhu cầu không thể thiếu đó là nghiên cứu nền văn hóa và tập quán của cộng đồng dân cư khu vực khách tham quan.

Việc phục dựng tháp Tường Long và mở mang quần thể Tháp gắn với du lịch, chẳng những sẽ tạo điều kiện cho hoạt động du lịch của Đồ Sơn – Hải Phòng phát triển quanh năm không bị phụ thuộc vào thời tiết. Từ đó, tăng nguồn thu cho ngân sách địa phương, đồng thời còn tạo điều kiện để các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch đầu tư và phát triển.

- Khi ngôi tháp Tường Long đã sừng sững uy nghi trên đỉnh đồi, Tháp nằm giữa các công trình hỗ trợ chắc chắn sẽ khơi dậy niềm tự hào về truyền thống người Đồ Sơn- Hải Phòng nói riêng và nhân dân cả nước nói chung, về giá trị tinh thần sẽ được nhân lên gấp bội, sẽ làm cho nhân dân ta gắn bó sâu sắc hơn với sự nghiệp đổi mới của Đảng.

CHƯƠNG 3:

GẮN THÁP TƯỜNG LONG VỚI CÁC DI TÍCH LỊCH SỬ VĂN HÓA KHÁC ĐỂ PHÁT TRIỂN DU LỊCH HẢI PHÒNG

3.1. Quan điểm phát triển du lịch Hải Phòng

- Phát triển du lịch với vai trò một ngành kinh tế mũi nhọn là hướng tích cực để đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Hải Phòng, thúc đẩy các ngành khác phát triển, góp phần thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế.

- Phát triển du lịch bền vững có tốc độ tương xứng trong nhóm các ngành kinh tế đứng đầu của thành phố, tranh thủ khai thác mọi nguồn lực trong và ngoài, phát huy sức mạnh tổng hợp của các thành phần kinh tế; nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm đáp ứng yêu cầu phát triển.

- Phát triển du lịch phải đảm bảo gìn giữ, bảo tồn và phát huy các bản sắc văn hóa của thành phố, khai thác hiệu quả tài nguyên du lịch nhưng phải gắn liền với bảo vệ tài nguyên và môi trường.

- Phát triển cả du lịch quốc tế và du lịch nội địa, đảm bảo đạt hiệu quả cao về kinh tế, chính trị và xã hội, lấy phát triển du lịch quốc tế là hướng chiến lược.

- Phát triển du lịch kết hợp chặt chẽ với an ninh, quốc phòng, trật tự, an toàn xã hội, góp phần phục vụ đắc lực sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Thời gian qua, du lịch Hải Phòng đã có các phương hướng chiến lược, nhiệm vụ cụ thể, cơ chế, biện pháp nhằm khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế để thúc đẩy sự phát triển.

Điều này được thể hiện trong các Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ 13 và đặc biệt là chỉ rõ trong Nghị quyết số 09 ngày 22-11-2006 của Ban Thường vụ Thành ủy về phát triển du lịch Hải Phòng giai đoạn 2006-2010, định hướng đến năm 2020.

Trên cơ sở đó, UBND thành phố có chương trình hành động, từng bước xây dựng Hải Phòng trở thành một trong những cửa ngõ và trung tâm du lịch hấp dẫn; đào tạo nhân lực và quảng bá xúc tiến du lịch đến các địa phương phía Bắc, phần

đầu đến năm 2020, du lịch Hải Phòng trở thành ngành kinh tế mũi nhọn trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, và trở thành trung tâm du lịch của vùng duyên hải Bắc Bộ.

Cùng với Quảng Ninh xây dựng đảo Cát Bà, Đồ Sơn cùng với Hạ Long thành một trong những trung tâm du lịch của cả nước, của khu vực và quốc tế.

Những năm qua, du lịch Hải Phòng tập trung vào: tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về du lịch; quy hoạch phát triển du lịch thành phố; đầu tư và huy động các nguồn lực; quảng bá, xúc tiến và xây dựng sản phẩm du lịch; tổ chức và thực hiện tốt việc đào tạo lao động du lịch; xây dựng thương hiệu du lịch Hải Phòng; quản lý, bảo vệ tài nguyên và môi trường du lịch.

Đến nay, một số công việc đã hoàn thành, tạo được sức lan tỏa và tác động tới các ngành kinh tế khác, như tổ chức thành công lễ kỷ niệm 50 năm ngày Bác Hồ về thăm làng cá Cát Bà, tham dự diễn đàn TPO tại thành phố Kota Kinabalu (Malaysia); nâng cấp tua du lịch nội thành và du khảo đồng quê; xây dựng tour du lịch phía bắc Hải Phòng (nội thành – Thủy Nguyên); xây dựng đề án phát triển du lịch cộng đồng tại huyện Cát Hải và huyện Vĩnh Bảo; mở các lớp bồi dưỡng kiến thức về Luật Du lịch và các lớp cấp chứng chỉ hướng dẫn viên, thuyết minh viên du lịch; tổ chức hội thi giọng hát hay ngành du lịch Hải Phòng 2009, cuộc thi ảnh đẹp du lịch Hải Phòng.

Các dự án: cải tạo chợ Hàng, mở rộng đường Khu 2 (Đồ Sơn) đã hoàn thành và đưa vào sử dụng...

Tuy nhiên, do nguồn kinh phí đầu tư cho phát triển du lịch còn hạn chế, nên một số phần việc còn phải tiếp tục thực hiện thời gian tới là: xây dựng phim tài liệu du lịch Hải Phòng, mở tuyến du lịch sinh thái biển Hải Phòng – Bạch Long Vĩ; tổ chức ngày văn hóa – du lịch Hải Phòng tại các thành phố kết nghĩa với Hải Phòng ở các nước, tổ chức khảo sát thị trường du lịch ở nước ngoài, xây dựng hạ tầng khu du lịch Núi Voi, xây dựng Trung tâm quảng bá, giới thiệu sản phẩm làng nghề du lịch, chưa phát huy được giá trị các di tích văn hóa, lịch sử phục vụ phát triển du

lịch...

Chiến lược của du lịch Hải Phòng trong thời gian tới cần tập trung vào xác định rõ loại hình du lịch cơ bản của thành phố được lựa chọn dựa trên tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên nhân văn và những lợi thế về phát triển du lịch của thành phố là: du lịch sinh thái, du lịch mạo hiểm (leo núi, lặn biển). du lịch văn hóa – lịch sử, du lịch hội thảo – hội nghị (MICE), tổ chức sự kiện.

Bên cạnh đó, Hải Phòng cần xây dựng những thương hiệu mạnh, các sản phẩm du lịch đặc trưng đủ sức cạnh tranh trong khu vực Châu Á và các nước Tây Âu, trước hết là Khu dự trữ sinh quyển thế giới quần đảo Cát Bà; các doanh nghiệp lữ hành quốc tế; các siêu thị hiện đại với quy mô lớn; các khách sạn cao cấp; các khu du lịch sinh thái biển đẳng cấp quốc tế,... góp phần làm tăng thời gian lưu trú và nâng cao mức chi tiêu của du khách.

Phát huy hiệu quả các di tích văn hóa lịch sử trên địa bàn, việc tiến dần đến chuyên nghiệp hóa hoạt động xúc tiến quảng bá du lịch và các dịch vụ du lịch nhằm vào thị trường mục tiêu sẽ được hướng đến; sản phẩm du lịch và thương hiệu du lịch sẽ là đối tượng xúc tiến trọng tâm.

Cùng với đó, lao động du lịch và dịch vụ du lịch cần phải tập trung đào tạo để đạt tính chuyên nghiệp cao, nâng cao trình độ ngoại ngữ và nghiệp vụ. Hằng năm, cùng với vốn ngân sách địa phương, cần tích cực đề nghị và khai thác nguồn vốn Trung ương hỗ trợ xây dựng hạ tầng cơ sở các vùng trọng điểm du lịch của thành phố.

Đồng thời, thu hút mạnh mẽ các nguồn vốn toàn xã hội vào kinh doanh phát triển du lịch. Xây dựng cơ chế khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia hoạt động du lịch. Đẩy mạnh hợp tác liên doanh với các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư phát triển du lịch.

Khuyến khích đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, và có cơ chế thông thoáng, hấp dẫn động viên phát triển du lịch cộng đồng...

Du lịch Hải Phòng đã và đang từng bước trở thành ngành kinh tế mũi nhọn,

đóng góp ngày càng xứng đáng đối với sự phát triển kinh tế-xã hội của thành phố, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo ra hàng nghìn việc làm trực tiếp và gián tiếp cho xã hội.

Có được kết quả như trên là do có sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Thành ủy, HĐND, UBND thành phố, sự phối hợp của các ban, ngành địa phương. Trên cơ sở định hướng chiến lược đã được duyệt trong thời gian tới, ngành Du lịch Hải Phòng cần xây dựng những chương trình, kế hoạch cụ thể, tăng cường hoạt động để phát triển toàn diện đi đôi với khai thác có hiệu quả tiềm năng, lợi thế.

3.2.Mục tiêu tổng quát phát triển du lịch Hải Phòng.

Phát triển du lịch Hải Phòng thành một trung tâm du lịch có tầm cỡ trong khu vực và quốc tế ,phát triển du lịch văn hóa, khai thác các di tích lịch sử văn hóa đi kèm với bảo tồn và tôn tạo gìn giữ theo quan điểm phát triển bền vững.

3.3.Mục tiêu kinh tế, xã hội của Hải Phòng.

3.3.1. Về kinh tế:

Phát triển du lịch thực sự trở thành một ngành kinh tế quan trọng đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế của thành phố, từng bước đưa du lịch Hải Phòng đứng định hướng thành một trung tâm du lịch có tầm cỡ của quốc gia và khu vực, phấn đấu đạt sớm kế hoạch so với lộ trình chung của cả nước xứng đáng là địa bàn mang tính động lực thúc đẩy sự phát triển của cả vùng Bắc Bộ và cả nước.

3.3.2. Về văn hóa – xã hội:

Phát triển du lịch góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị bản sắc văn hóa dân tộc, nâng cao vị thế của Hải Phòng đối với cả nước và trên trường quốc tế; cải tạo cảnh quan môi trường; nâng cao trình độ dân trí; thúc đẩy tiêu dùng và phát triển nhiều dịch vụ; trở thành “ đầu tàu” lôi kéo nhiều ngành kinh tế khác phát triển; tạo việc làm; góp phần xóa đói giảm nghèo ở các vùng nông thôn còn nhiều khó khăn.

Thành phố cảng Hải Phòng đang tập trung phát huy lợi thế của mình để phát triển kinh tế biển, góp sức cùng cả nước đẩy nhanh tiến trình phát triển kinh tế - xã

hội theo hướng CNH, HĐH, phấn đấu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

3.4.Những đề xuất giải pháp nhằm phát triển du lịch Hải Phòng.

3.4.1.Du lịch với việc bảo tồn và phát triển các DTLSVH.

3.4.2.Tôn tạo, nâng cấp và trùng tu các DTLSVH.

Tu bổ di tích là một hoạt động mang tính khoa học có nhiều nét đặc thù. Bảo tồn giữ gìn di tích là một vấn đề hết sức phức tạp và khó khăn, bởi giữ gìn di tích không có nghĩa là di tích có thể nào thì giữ nguyên như thế. Điều ấy chỉ đúng với những di tích còn nguyên vẹn và vẫn đang có độ bền chắc cao. Tuy nhiên những di tích như thế lại rất hiếm có trong thực tế, còn phần lớn các di tích đã bị thời gian và các biến cố lịch sử làm cho xuống cấp, thậm chí có những di tích đã đổ nát. Giống như Tháp Tường Long ở Đồ Sơn – Hải Phòng hiện nay chỉ còn là phế tích, phải phục dựng lại gần như hoàn toàn.

Vì vậy, chủ trương bảo tồn di tích trong giai đoạn hiện nay vẫn là ưu tiên cho việc chống xuống cấp sau đó là tu bổ di tích rồi mới đến tôn tạo, xây mới. Xác định nhiệm vụ trọng tâm là tăng cường quản lý hoạt động tu bổ di tích và nâng cao chất lượng tu bổ di tích.

Đồng thời đẩy mạnh xã hội hóa để nhiều tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp kinh phí cùng với sự đầu tư của Nhà nước để tu bổ di tích là một giải pháp quan trọng.

Tăng cường khai thác di tích, tổ chức phát huy tốt hơn nữa để thu hút khách tham quan, giúp cho việc tăng nguồn thu, quản lý tốt nguồn thu để tái đầu tư cho tu bổ di tích cần được tính toán kỹ lưỡng và là một yêu cầu đặt ra đối với các di tích có khả năng thu lớn.

Ngoài ra, nếu di tích thu hút được nhiều khách tham quan sẽ góp phần nâng cao đời sống của nhân dân địa phương, góp phần thay đổi cơ cấu kinh tế của địa phương, góp phần tăng doanh thu từ nhiều ngành dịch vụ khác nhau như: du lịch, vận tải, khách sạn... cho ngân sách để từ đó ngân sách có thêm kinh phí đầu tư cho

bảo tồn di tích.

Thực hiện tốt công tác xã hội hóa bảo tồn, phát huy di sản văn hóa dân tộc cần phải tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cấp ủy Đảng, chính quyền và các tổ chức tập thể, cá nhân của cộng đồng cư dân. Thông qua đó thu hút tập hợp quần chúng đóng góp bảo vệ di tích. Đồng thời sử dụng đúng mục đích các nguồn tài chính của di tích để phục vụ cho việc tu bổ di tích.

Việc bảo tồn di tích tức là nâng cao giá trị của di tích ấy, giữ gìn di tích tức là giữ hồn, giữ cốt ngoài ra có thêm những chi tiết khác để nâng cao, củng cố giá trị cho di tích.

Đẩy mạnh công tác bảo tồn, tôn tạo, phát huy tác dụng của các di tích lịch sử văn hóa trong phát triển du lịch.

Việc bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa có ý nghĩa tích cực trong việc thu hút khách du lịch, đặc biệt là khách du lịch quốc tế đến Việt Nam. Du lịch văn hóa đang trở thành chủ đề yêu thích của nhiều tập khách.

Chúng ta không thể chỉ khai thác các di tích để phục vụ cho phát triển du lịch mà không chú trọng đến vấn đề bảo tồn, tôn tạo và trùng tu di tích. Và chính việc tôn tạo và trùng tu di tích cũng chính là việc giúp cho ngành du lịch Hải Phòng phát triển theo hướng bền vững, giữ gìn được bản sắc truyền thống.

Trước khi thực hiện công tác bảo tồn, tôn tạo, trùng tu các di tích lịch sử văn hóa cần phải khảo sát kỹ lưỡng và đánh giá chính xác về các di tích lịch sử văn hóa. Bảo tồn di tích theo quan điểm hệ thống và toàn vẹn lãnh thổ hòa nhập với cảnh quan địa lý, cảnh quan môi trường, văn hóa thành một hệ thống hữu cơ.

Trước khi trùng tu, nâng cấp di tích lịch sử văn hóa cần phải nghiên cứu công phu, kỹ lưỡng về kỹ thuật chế tạo vật liệu, kỹ thuật xây dựng và kiến trúc cổ các công trình như đình, chùa, tháp... để đảm bảo tính bền vững của di tích và đảm bảo được tính nguyên vẹn, đầy đủ nguyên gốc ban đầu.

3.4.3. Đào tạo các nguồn nhân lực.

Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực phục vụ cho du lịch vừa có tính cấp bách, vừa mang ý nghĩa chiến lược và cũng là vấn đề có ý nghĩa hết sức quan trọng, phải đặt lên vị trí hàng đầu trong quá trình phát triển của du lịch Việt Nam.

Nguồn nhân lực giữ vị trí chủ chốt trong quá trình phát triển, chất lượng dịch vụ phục vụ khách du lịch. Để đảm bảo tăng trưởng và phát triển bền vững, hiệu quả, cần có những giải pháp như:

- Đào tạo trình độ đại học và tăng cường khả năng nghiên cứu về du lịch :tăng cường đào tạo trình độ đại học về du lịch. Khuyến khích các cán bộ hiện nay tham gia các khóa đào tạo đại học và xây dựng “chương trình khung” để tăng cường đào tạo từ xa.

- Tăng cường năng lực cho cán bộ quản lý du lịch ở các cấp: tăng cường đội ngũ cán bộ quản lý về du lịch ở các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch ở địa phương. Hàng năm mở các lớp bồi dưỡng, đào tạo, đào tạo lại cán bộ về nghiệp vụ quản lý du lịch cho cán bộ quản lý ngành du lịch.

- Tăng cường đào tạo nghề về số lượng và chất lượng để đáp ứng nhu cầu phát triển du lịch: thời gian qua, đáp ứng nhu cầu đòi hỏi lực lượng lao động của du lịch Hải Phòng đã có bước phát triển nhanh chóng. Tuy nhiên để đảm bảo phát triển tương xứng với vị trí là một trong những trung tâm du lịch lớn của cả nước thì đòi hỏi chất lượng của đội ngũ lao động phải được nâng lên tầm cao mới. Để giải quyết được vấn đề này thì song song với việc nâng cao trình độ quản lý của các cán bộ quản lý du lịch, công tác đào tạo nghề của các dịch vụ du lịch trong thời gian tới cũng cần tập trung với các biện pháp sau:

+ Đẩy mạnh công tác xã hội hóa trong lĩnh vực đào tạo nghề cho lĩnh vực du lịch, trong đó Trường trung học Du lịch Hải Phòng giữ vai trò nòng cốt và phải dần nâng cao lên trình độ Cao đẳng để đưa Hải Phòng thành một trong những trung tâm đào tạo nguồn nhân lực du lịch lớn của cả nước theo đúng định hướng.

+ Đẩy mạnh phát triển mô hình xây dựng các cơ sở kinh doanh du lịch (khách

sạn, nhà hàng) trong các cơ sở đào tạo nghề để vừa tạo điều kiện cho các học viên có kinh nghiệm thực tế, vừa có thêm nguồn thu bổ sung từ xã hội để nâng cao chất lượng đào tạo.

+ Đẩy mạnh hoạt động liên kết đào tạo giữa các trường trong nước và với quốc tế để trao đổi kinh nghiệm đào tạo, đồng thời nâng cao chất lượng của học viên và nhanh chóng hội nhập với quốc tế.

+ Đẩy mạnh phát triển mô hình đào tạo theo nhu cầu xã hội trên cơ sở liên kết với các doanh nghiệp du lịch để đảm bảo số lượng và chất lượng của đội ngũ cán bộ được đào tạo phù hợp với yêu cầu thực tiễn và góp phần từng bước giải quyết tình trạng mất ổn định trong việc bố trí công việc cho lực lượng lao động sau quá trình đào tạo.

+ Đẩy mạnh việc áp dụng cấp chứng chỉ nghề theo tiêu chuẩn khu vực và quốc tế để nâng cao từng bước chất lượng dịch vụ du lịch và nhanh chóng hội nhập với khu vực và quốc tế.

Có thể nói, việc đào tạo nguồn nhân lực cho ngành du lịch cần có sự hợp tác giữa “ba nhà”: các cơ quan quản lý, doanh nghiệp và người lao động.

Đối với các cơ quan quản lý về du lịch

Nhà nước cần có chính sách đầu tư, tạo điều kiện và đãi ngộ thỏa đáng cho ngành du lịch (với tư cách là một ngành kinh tế như đối với các ngành y tế, giáo dục...)

Đối với các doanh nghiệp:

- Xây dựng chương trình phát triển nguồn nhân lực du lịch trong doanh nghiệp
- Hoàn thiện công tác tuyển dụng.
- Nâng cao công tác đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.
- Cải thiện điều kiện lao động và nâng cao chất lượng môi trường làm việc trong doanh nghiệp du lịch.
- Hoàn thiện chế độ đãi ngộ, đánh giá và khen thưởng người lao động.

- Hoàn thiện hệ thống nội quy và tăng cường kỷ luật lao động
- Bố trí và phân công lao động thích hợp tạo các bộ phận doanh nghiệp.

Đối với người lao động trong ngành du lịch:

Cần phải xác định việc làm du lịch là thực hiện đồng thời hai chức năng, đó là chức năng kinh tế và chức năng xã hội. Là một ngành kinh tế, du lịch phải có nghĩa vụ đóng góp tài chính cho đất nước thông qua nghĩa vụ thuế. Tuy nhiên, ngoài nghĩa vụ này, người làm du lịch phải thấy rõ nghĩa vụ góp phần nâng cao đoàn kết cộng đồng, dân trí, giữ gìn hòa bình, bảo vệ môi trường, đảm bảo an ninh quốc gia là một trọng trách.

Người làm du lịch có ba nhiệm vụ cơ bản :

- Thỏa mãn tối đa nhu cầu chính đáng của du khách.
- Mang lại hiệu quả kinh tế một cách tối ưu.
- Góp phần bảo vệ được môi trường tự nhiên cũng như xã hội , giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

Để xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực du lịch trước hết, ngành cần tiến hành rà soát, thống kê, đánh giá và phân loại nguồn nhân lực du lịch hiện có trên địa bàn qua các chương trình điều tra, khảo sát về nguồn nhân lực du lịch. Phân loại các đối tượng cần đào tạo, bồi dưỡng thành các nhóm lớn:

- Cán bộ quản lý Nhà nước về du lịch ở địa phương.
- Đối tượng quản lý hoạt động kinh doanh ở các doanh nghiệp du lịch
- Nhân viên phục vụ trực tiếp tại các doanh nghiệp và các hướng dẫn viên tại các điểm du lịch.
- Quần chúng nhân dân tại các khu du lịch trọng điểm trên địa bàn thành phố.

Thị trường du lịch đòi hỏi nguồn nhân lực phong phú đa dạng và có chất lượng, thường xuyên giao tiếp rộng, trực tiếp với khách hàng. Điều đó đòi hỏi đội ngũ cán bộ, nhân viên làm công tác du lịch và quản lý hoạt động du lịch phải luôn nâng cao trình độ nghiệp vụ, phong cách và thái độ giao tiếp với khách hàng. Đặc

biệt là những hướng dẫn viên du lịch, nhân viên lễ tân, nhân viên phục vụ cho du khách trong quá trình tham quan, giải trí.

Mặt khác, sản phẩm du lịch là sự kết hợp của nhiều yếu tố bao gồm các tài nguyên du lịch và các loại hình dịch vụ du lịch. Cho nên, việc giúp cho du khách thưởng thức vẻ đẹp của sản phẩm du lịch đến đâu là nhờ phần lớn vào trình độ hướng dẫn, khám phá của nhân viên hướng dẫn du lịch.

Người kinh doanh, hướng dẫn du lịch, quảng bá du lịch có trình độ cao còn làm cho các sản phẩm du lịch trở nên khác biệt và hấp dẫn hơn, làm cho du khách cảm thấy thoải mái, có ấn tượng sâu sắc trong suốt quá trình hưởng thụ các sản phẩm du lịch nơi mình đến.

Hải Phòng có nhiều cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp như khu du lịch Đồ Sơn, khu dự trữ sinh quyển Cát Bà... và nhiều công trình di tích lịch sử văn hóa có giá trị, đòi hỏi người làm kinh doanh du lịch phải có kiến thức và sự hiểu biết sâu sắc về mọi phương diện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội.

Do đặc thù của sản phẩm du lịch không thể chuyển dịch nên ngoài những yêu cầu về tiêu chí chung khi lựa chọn vào đào tạo trong các trường du lịch, cần phải chú ý đến người dân địa phương nơi có nguồn tài nguyên du lịch đang khai thác để có chính sách ưu tiên tuyển chọn. Khi ra trường công tác họ sẽ giúp cho du khách hiểu biết tốt hơn và sâu sắc hơn về văn hóa, phong tục tập quán của con người Việt Nam ngay tại nơi họ sinh ra và lớn lên.

Mặt khác, đây còn là chính sách để khuyến khích người dân địa phương duy trì văn hóa truyền thống, phát triển du lịch dựa vào cộng đồng, đem lại lợi ích sát thực cho người dân địa phương, góp phần thực hiện chiến lược phát triển du lịch vì người nghèo và từng bước xã hội hóa du lịch.

Thực hiện tốt chính sách này sẽ tác động tích cực đến phát triển kinh tế, mở rộng thị trường, xóa đói giảm nghèo.

Chú trọng và nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý nhằm tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước về du lịch.

Con người chiếm vị trí trung tâm trong hệ thống quản lý nhà nước, quyết định hiệu quả của hoạt động này. Đó là đội ngũ cán bộ chuyên môn, cán bộ quản lý, những người trực tiếp điều hành các hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh. Đối với họ cần thiết phải được trang bị đầy đủ kiến thức, kỹ năng, phẩm chất nghề nghiệp, có sức khỏe về cả thể lực và trí lực.

Vì vậy, họ phải được đào tạo ngay từ giai đoạn hiện tại nhằm chuẩn bị cho tương lai một đội ngũ cán bộ có năng lực, chuyên môn sâu, có tư cách đạo đức, yêu nghề, hiểu biết điều kiện thực tế phát triển du lịch của tỉnh và những tác động của du lịch đối với môi trường tự nhiên và xã hội. Đội ngũ này phải được cập nhật các kiến thức liên quan đến hoạt động du lịch, đến quá trình cạnh tranh, phát triển du lịch và các hiểu biết về du lịch không chỉ có những tiêu chuẩn chung của ngành như kinh nghiệm quản lý, học hàm, học vị mà cần có cả những kinh nghiệm thực tế, học hàm, học vị mà cần có cả những kinh nghiệm thực tế về ngành du lịch ở trong và nước ngoài. Việc thông thạo ngoại ngữ để có thể trao đổi và học hỏi kinh nghiệm quản lý với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Như vậy, ngành phải có chính sách đào tạo và phát triển nguồn nhân lực thông qua các chương trình đào tạo mới và đào tạo lại cho nguồn nhân lực hiện có, từng bước xây dựng đội ngũ các nhà quản lý, các doanh nghiệp năng động và sáng tạo, đủ năng lực điều hành các hoạt động kinh doanh du lịch hiệu quả; tổ chức các nhóm cán bộ quản lý đi học nước ngoài để học tập, quan sát các loại hình phát triển du lịch khác nhau, các phương pháp tiếp thị, quản lý du khách, các phương pháp và công nghệ phục vụ khách sạn, du lịch mới của thế giới, có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có đủ chuyên môn cần thiết, có chính sách khuyến khích, ưu đãi đặc biệt để thu hút nhân tài về phục vụ ngành du lịch. Ngành phối hợp với các trường đại học chuyên ngành để đào tạo đội ngũ cán bộ theo chương trình, dự án của ngành nhằm nâng cao trình độ, tay nghề, năng lực đội ngũ cán bộ ngang tầm quốc gia, khu vực, quốc tế.

Đặc biệt, ngành có chính sách ưu đãi đặc biệt để thu hút nhân tài về quản lý,

kinh doanh du lịch, thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn nội dung quản lý nhân lực về du lịch cho đội ngũ cán bộ phụ trách du lịch tại các huyện, thị xã, thành phố; mở các lớp về văn hóa du lịch cho đội ngũ cán bộ và nhân dân ở một số nơi trọng điểm.

Trong thời gian tới, ngành cần quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực mang tính chiến lược, ổn định, lâu dài, bền vững và phát triển.

Sở văn hóa thể thao và du lịch Hải Phòng cố gắng tranh thủ sự chỉ đạo của các cấp lãnh đạo ngành du lịch, sự giúp đỡ của lãnh đạo các trường Đại học đào tạo chuyên ngành du lịch để du lịch Hải Phòng có một đội ngũ lao động làm du lịch chuyên nghiệp, cải thiện tốt môi trường để thu hút các nhà đầu tư du lịch trong nước và quốc tế đến với ngành du lịch của Hải Phòng.

Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ lao động để nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch. Trên cơ sở các số liệu về nhu cầu lao động được xác định, ngành du lịch cần xây dựng kế hoạch và các chương trình đào tạo, bồi dưỡng hàng năm cho người lao động trong các cơ sở kinh doanh du lịch như các nhà hàng, khách sạn, các doanh nghiệp lữ hành, các khu vui chơi giải trí tổng hợp và các doanh nghiệp cung ứng các dịch vụ du lịch khác.

Theo quy hoạch phát triển du lịch đến năm 2020 , nhu cầu về lao động du lịch Hải Phòng đến năm 2020 được tính toán cụ thể như sau:

Dự báo nhu cầu lao động trong du lịch Hải Phòng đến năm 2020

Đơn vị tính: Người

Phương án	Loại lao động	2010	2015	2020
Phương án chọn	LĐ trực tiếp trong DL	19.800	33.600	52.900
	LĐ gián tiếp ngoài XH	43.500	73.900	116.400
	Tổng cộng	63.300	107.500	169.300
Phương án so sánh	LĐ trực tiếp trong DL	22.300	39.000	63.600
	LĐ gián tiếp ngoài XH	49.000	85.800	139.900
	Tổng cộng	71.300	124.000	203.500

Nguồn :Dự báo của Viện NCPT du lịch.

Vì vậy, Sở Du lịch Văn hóa Thể Thao và Du lịch Hải Phòng cần kết hợp với các doanh nghiệp thường xuyên tổ chức những khóa học ngắn hạn để cập nhật kiến thức cho người lao động.

- Cần chú trọng đến các nghiệp vụ về chuyên môn hóa phục vụ và quản lý du lịch; mở các lớp đào tạo về nghiệp vụ lễ tân, buồng, bar, bếp cho đội ngũ lao động ở các doanh nghiệp tại khu du lịch Đồ Sơn, Cát Bà. Các khóa học được tổ chức trực tiếp trong các doanh nghiệp kinh doanh du lịch.

- Tổ chức tuyển chọn, đào tạo, cấp chứng chỉ cho đội ngũ hướng dẫn viên, có các chương trình đào tạo với nhiều hình thức đa dạng để nâng cao trình độ nghiệp vụ và trình độ ngoại ngữ cho đội ngũ lao động trực tiếp phục vụ du khách.

- Có các chương trình đào tạo với nhiều hình thức đa dạng, khuyến khích các doanh nghiệp chủ động tự đào tạo để phục vụ cho nhu cầu của mình.

- Đối với các lao động nghiệp vụ cần tập trung đào tạo đội ngũ lao động lành nghề cho đối tượng nhân viên phục vụ trực tiếp tại các doanh nghiệp du lịch, hướng dẫn viên tại các điểm du lịch, các làng nghề truyền thống với các chuyên đề về tuyển, điểm văn hóa, lịch sử, khảo cổ và kỹ năng giao tiếp, xử lý tình huống. Đặc biệt chú trọng đến việc đào tạo kỹ năng thiết kế sản phẩm lưu niệm cho các nghệ nhân tại các làng nghề.

- Lao động trong du lịch được hình thành một cách tất yếu và là một bộ phận của lao động xã hội nhưng mang những nét riêng biệt do tính chất và nội dung của hoạt động kinh doanh du lịch quyết định. Do đặc điểm của sản phẩm du lịch nên đại bộ phận lao động trong ngành du lịch là lao động trong lĩnh vực dịch vụ, lao động có tính chuyên. So với lao động khác, lao động trong ngành du lịch mang tính chất thời vụ, phụ thuộc vào đặc điểm tiêu dùng. So với đặc điểm của lao động các ngành khác, lao động ngành du lịch có cường độ thấp hơn nhưng lại rộng môi trường lao động phức tạp, phải chịu đựng tâm lý cao. Để phục vụ một khách du lịch, tạo việc làm cho 3-5 lao động. Vì thế muốn phát triển thị trường du lịch thì phải có thị trường lao động tương ứng.

- Lao động trên thị trường du lịch đòi hỏi phải có kiến thức nghiệp vụ chuyên môn thành thạo, có kỹ năng nghề nghiệp cao. Một mặt giúp cho việc phục vụ du khách một cách tốt nhất, mặt khác giúp họ làm quen với công nghệ phục vụ tiên tiến, từ đó khai thác một cách có hiệu quả tài nguyên du lịch. Do đó một vấn đề cần được quan tâm để nâng cao chất lượng phục vụ trong kinh doanh du lịch là ngành phối hợp với các doanh nghiệp thường xuyên tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ, cập nhật kiến thức mới cho đội ngũ người lao động, nhất là những kỹ năng chuyên nghiệp cho đội ngũ hướng dẫn viên du lịch.

- Nội dung đào tạo trước hết tập trung vào những kiến thức, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ do thị trường quyết định, chỉ đào tạo những gì thực tế cần, gắn giữa lý thuyết và thực hành. Do vậy, đầu tư cho đào tạo du lịch từ chương trình đào tạo tới trang thiết bị, phương tiện có tính đặc thù đòi hỏi phải có tính toán kỹ lưỡng và cần thiết phải có sự tham gia của người sử dụng lao động. Cơ chế đào tạo nhất thiết phải thông thoáng, thuận lợi, có sự kết hợp giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp cùng với đào tạo, bồi dưỡng những kiến thức chung về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của quốc gia, vùng lãnh thổ, kiến thức về dịch vụ, ngoại ngữ, vi tính và phải chú ý tới các nội dung văn hóa trong kinh doanh du lịch như các giá trị văn hóa, phong tục, tập quán đẹp, cách ứng xử văn minh lịch sự, tôn trọng du khách, tiến tới xây dựng văn minh trong kinh doanh du lịch Hải Phòng.

- Tăng nguồn vốn đầu tư cho đào tạo bồi dưỡng và tăng cường phối hợp đào tạo, bồi dưỡng giữa các cơ quan quản lý nhà nước với các doanh nghiệp kinh doanh du lịch.

- Tăng kinh phí ngân sách của thành phố, thực hiện xã hội hóa nhằm huy động nguồn vốn cho công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực du lịch là chiến lược chung trong nâng cao chất lượng nguồn lao động nói chung, trong đó có ngành du lịch.

- Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đào tạo phát triển nguồn nhân lực du lịch theo các loại hình dân lập, bán công để thu hút vốn đầu tư cho việc củng

cố và tăng cường cơ sở vật chất của các cơ sở đào tạo du lịch.

- Điều kiện cơ sở vật chất và các điều kiện hỗ trợ khác cho công tác đào tạo, bồi dưỡng có tác động rất lớn đến việc trang bị cho người lao động các kiến thức, kỹ năng và phẩm chất nghề nghiệp làm việc trong ngành du lịch.

- Sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan quản lý nhà nước với các doanh nghiệp kinh doanh là rất cần thiết trong nghiên cứu, đánh giá hiện trạng nguồn nhân lực du lịch để từ đó ngành xây dựng chiến lược tổng thể về đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực trong tương lai. Dựa trên định hướng này, ngành du lịch xác lập các hình thức, nội dung đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với người lao động. Mỗi địa phương, mỗi doanh nghiệp có những đặc điểm khác nhau nên hình thức đào tạo, bồi dưỡng phải đa dạng với nhiều hình thức như : đào tạo ngắn hạn, dài hạn, đào tạo lại, đào tạo theo thực tiễn kinh doanh của doanh nghiệp, đào tạo cần phải coi trọng chất lượng hơn số lượng. Người lao động cần phải coi trọng chất lượng hơn số lượng và người lao động phải đảm nhận được công việc chuyên môn sau khi đào tạo. Đây là yêu cầu đặt ra cho các cơ quan quản lý nhà nước và các doanh nghiệp phải thực hiện trong giai đoạn hiện nay.

- Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực ngành du lịch ở Hải Phòng có vị trí đặc biệt quan trọng, có vai trò thúc đẩy, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ về năng lực, trình độ công tác của đội ngũ lao động. Đặc biệt là trong giai đoạn hiện nay, khi mà Hải Phòng đang trên đà phát triển cả du lịch thiên nhiên và du lịch nhân văn.

- Trong tương lai gần, khi Tháp Tường Long được phục dựng đưa vào phục vụ phát triển du lịch, rất cần có một đội ngũ lao động chuyên nghiệp : cơ quan quản lý, đội ngũ thuyết minh viên tại điểm, hướng dẫn viên, lao động phục vụ dịch vụ...

Thực hiện được công tác đào tạo nguồn nhân lực hoàn thiện, thành phố Hải Phòng sẽ có nguồn nhân lực du lịch chuyên nghiệp, vững vàng để bước vào hội nhập quốc tế và phát triển.

3.4.4. Xây dựng các tuyến du lịch kết hợp với cảnh quan các DTLSVH trong đó có tháp Tường Long

3.4.4.1. Khái quát về một số di tích lịch sử văn hóa của Hải Phòng

Cho đến nay, theo thống kê chưa đầy đủ, toàn thành phố Hải Phòng có khoảng 300 di tích, mật độ trung bình 19,9 di tích/km². Như vậy, Hải Phòng là một trong 7 tỉnh thành phố của cả nước có mật độ di tích cao.

Hải Phòng cũng là nơi có nhiều di tích được xếp hạng. Tính đến 2003, toàn thành phố đã có 89 di tích được công nhận xếp hạng di tích quốc gia. Những di tích này là những tài nguyên đáng quý của Hải Phòng, đa số các di tích này lại phân bố trong những khu danh thắng vì thế chúng đều có tiềm năng phục vụ du lịch. Ngoài các di tích tuy không được xếp hạng di tích quốc gia, song dưới góc độ du lịch lại rất hấp dẫn du khách. Hầu hết các di tích của Hải Phòng đều tập trung ở phần đất liền, khu vực hải đảo chỉ có một số di tích khảo cổ, quan trọng nhất là di chỉ Cái Bèo ở đảo Cát Bà (di chỉ văn hóa mới có niên đại khoảng 6-7 ngàn năm).

Vùng đất Tây Nam thành phố có nhiều di tích, đặc biệt là trên đất Vĩnh Bảo cổ kính- quê hương Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm- nơi có những ngôi nhà cổ lợp bằng loại ngói mũi hài đặc trưng, những ngôi đình rất tiêu biểu cho phong cách Việt như An Quý, Nhân Mục, Quán Khoái... Chúng không những có giá trị về mặt lịch sử mà còn là những tác phẩm kiến trúc nghệ thuật độc đáo. Về danh thắng ở miền này phải kể đến núi Voi ở huyện An Lão, bên cạnh sông Lạch Tray và đây còn là một địa danh gắn với nhiều huyền thoại về vương triều Mạc, về Phan Bá Vành, về nghĩa quân Cử Bình, về đội du kích núi Voi nổi tiếng.

Từ phía Nam, chuyển lên phía Bắc, qua Cầu Bính là vùng đất Thủy Nguyên giàu đẹp cả về thiên nhiên và nhân văn, mảnh đất gắn liền với sự kiện lịch sử oanh liệt của cả nước là chiến thắng Bạch Đằng. Một số di tích không những có giá trị cao mà còn là những tác phẩm kiến trúc nghệ thuật như đền thờ Trần Quốc Bảo, đình Đồng Lý, đình Kiền Bái..., có di tích vừa có giá trị thắng cảnh, vừa có giá trị lịch sử như hang Vua, nơi tương truyền thờ con trai của vua Hùng...

Đáng chú ý là các di tích này nằm ngay trong khu danh thắng nổi tiếng được mệnh danh là Hạ Long cận của Hải Phòng tạo thành một khu du lịch văn hóa, sinh thái hấp dẫn của Thủy Nguyên nói riêng và Hải Phòng nói chung.

Khu vực nội thành Hải Phòng cũng có nhiều di tích đáng chú ý, là những điểm tham quan hấp dẫn như Đình Hàng Kênh, chùa Dư Hàng, Đền Nghè, Nhà hát thành phố, Bảo tàng Hải Phòng...Nhiều di tích gắn liền với lịch sử đấu tranh cách mạng kiên trung của Hải Phòng, gắn với cuộc đời hoạt động cách mạng của nhiều nhà lãnh đạo cách mạng nước ta như: Nguyễn Lương Bằng, Phạm Hồng Thái, Nguyễn Đức Cảnh, Hoàng Quốc Việt,...Ngoài ra ở khu vực nội thành còn có một số khu phố cổ có giá trị tham quan du lịch như phố Lý Thường Kiệt(phố Ba Ti cũ), Phan Bội Châu (phố Đông Kinh cũ), Quang Trung (phố Chavassieux cũ), 12 cầu cảng dọc sông Tam Bạc, nơi trung tâm thương mại sầm uất dưới thời Pháp thuộc.

Trong phần đất liền Hải Phòng còn phải nhắc đến bán đảo Đồ Sơn, mảnh đất của huyền thoại cả trong quá khứ và hiện tại. Quá khứ có huyền thoại 6 vị tiên công khai lập ra Đồ Sơn, có huyền thoại Bà Chúa Đẻ, có chiến thắng huyền thoại ở vùng biển Đại Bàng năm 1788.Trong thời gian chiến tranh chống Mỹ vùng biển Đồ Sơn là nơi bắt đầu con đường huyền thoại – đường mòn Hồ Chí Minh trên biển. Bến Nghiêng – nơi tên lính Pháp cuối cùng rút khỏi miền Bắc Việt Nam; kho xăng hang doi; đền thờ Lục Vị Tiên Công Bát bộ Thần Hoàng, Đình Ngọc, Suối Rồng...; những di tích này còn có giá trị lịch sử cao, thu hút sự chú ý của nhiều du khách.Đồ Sơn còn có đảo đèn Hòn Dấu- một điểm tham quan du lịch cảnh quan hấp dẫn.

Một số di tích của Đồ Sơn có sức hấp dẫn du khách rất lớn như đền Bà Đẻ ẩn hiện dưới chân núi,Tháp Tường Long nằm trên đỉnh núi.Tháp đang được phục dựng ,dự tính đến năm 2015 tháp sẽ được hoàn thành và được đưa vào phục vụ cho du lịch của Đồ Sơn - Hải Phòng.

Có thể nói, các di tích lịch sử Hải Phòng có giá trị cao đối với phát triển du lịch, nếu được tổ chức quản lý và khai thác một cách hợp lý để có thể phát huy được giá trị của các tài nguyên quý giá này thì chắc chắn du lịch Hải Phòng sẽ có

sức hấp dẫn lớn và sẽ đem lại những đóng góp hiệu quả cho sự phát triển du lịch của thành phố.

3.4.4.2. Các tuyến du lịch

Thành phố Hải Phòng hiện nay có 6 tuyến du lịch: Hải Phòng - Cát Bà, Hải Phòng - Đồ Sơn, Nội thành - Thủy Nguyên, tuyến Du khảo đồng quê, tuyến Đồ Sơn - Kiến Thụy - Tiên Lãng và tuyến du lịch nội thành. Các tuyến du lịch chủ yếu khai thác 3 loại hình du lịch: sinh thái biển; văn hoá và khảo cứu nông thôn; tham quan thành phố (city tour).

Một số tuyến du lịch gắn di tích lịch sử văn hóa tháp Tường Long - Đồ Sơn với các điểm du lịch khác của Hải Phòng :

- **Tuyến Hải Phòng- Đồ Sơn - Cát Bà** có thể đi bằng đường bộ (qua hai phà Đình Vũ - Cát Hải và Bến Gót - Cái Viềng), đường biển đi tàu cao tốc từ Bến Bính, Hải Phòng - Cát Bà hoặc đi theo hình thức liên vận xe ô tô và tàu. Tuyến Hải Phòng - Đồ Sơn đi bằng đường bộ. Gồm các điểm tham quan: tháp Tường Long, khu I, khu II Đồ Sơn, biệt thự Bảo Đại, Vườn quốc gia Cát Bà, Vịnh Lan Hạ...

- **Tuyến Đồ Sơn – Thủy Nguyên- Tiên Lãng** gồm các điểm tham quan: Tháp Tường Long, chùa Hang, đền Bà Đẻ, Đồi thiên văn, Kiến An - Núi Voi, An Lão - Miếu Bảo Hà, Đình Nhân Mục, Khu di tích Trạng trình Nguyễn Bình Khiêm, Vĩnh Bảo - Đền Gắm, Khu Suối khoáng nóng, Tiên Lãng.

- **Tuyến Đồ Sơn - Kiến Thụy - Tiên Lãng** gồm các điểm tham quan: Đình Ngọc, Suối Rồng, Tháp Tường Long, Bến tàu không số, Đồi Vạn Hoa, Đồ Sơn - Chùa Trà Phương, Đền Mỗ, Kiến Thụy - Đền Gắm, Khu Suối khoáng nóng, Tiên Lãng.

Tuyến Du lịch nội thành –Đồ Sơn gồm các điểm tham quan: Bảo tàng - Nhà hát thành phố - Quán hoa - Tượng đài nữ tướng Lê Chân - Đền Nghè - Chùa Hàng - Đình Kênh, Đình Ngọc, tháp Tường Long, đền Bà Đẻ .

3.4. Mở rộng xúc tiến du lịch và quảng bá hình ảnh tháp Tường Long.

3.4.4.1. Về mở rộng thị trường

Để nâng cao hiệu quả khai thác du lịch đối với các loại hình di tích lịch sử văn hóa thì một biện pháp quan trọng nhất đó là mở rộng thị trường du lịch.

Mở rộng thị trường có nhiều hình thức, trong đó cơ bản nhất vẫn là mở rộng tour, tuyến du lịch, khai thác tối đa các di tích lịch sử văn hóa ở cả nội thành và ngoại thành Hải Phòng. Đồng thời tận dụng sự phát triển du lịch của các vùng lân cận về dòng khách quốc tế và nội địa để hợp tác nối tour với các điểm du lịch của các vùng lân cận.

Ngoài ra có thể mở rộng thị trường du lịch bằng cách đa dạng hóa các loại hình du lịch như kết hợp du lịch văn hóa với du lịch sinh thái, du lịch biển, với những chuyên du khảo đồng quê... Hải Phòng là một thành phố có nguồn tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn phong phú, đa dạng, có thể kết hợp với nhau trong khai thác phục vụ du lịch. Đặc biệt Hải Phòng có lợi thế là các di tích lịch sử văn hóa thường nằm tại các vùng có thắng cảnh đẹp.

Ví dụ như Đền Bà Đế nằm ngay trong khu du lịch Đồ Sơn,, hay Khảo cổ học Cái Bèo nằm trong khu du lịch sinh thái Cát Bà nổi tiếng.v.v...

Không chỉ có vậy, ngoài khai thác nguồn khách nội địa, du lịch Hải Phòng cần tập trung khai thác theo thứ tự ưu tiên các thị trường sau: Nhật Bản, Trung Quốc (bao gồm cả Hong Kong, Ma Cao), Tây Âu, đặc biệt là Pháp, Mỹ, ASEAN...

Đồng thời nâng cao chất lượng ,đa dạng hóa sản phẩm du lịch để giữ thị trường khách truyền thống và mở rộng, tìm kiếm thị trường mới

3.4.4.2. Xúc tiến du lịch và quảng bá hình ảnh tháp Tường Long

Tháp Tường Long mới được đưa vào phục dựng và sau khi hoàn thiện sẽ được đưa vào phục vụ du lịch của Hải Phòng. Như vậy, hình ảnh về điểm du lịch văn hóa này khá mới mẻ đối với du khách địa phương và trong cả nước. Cho nên, công tác quảng bá, giới thiệu về các giá trị của tài nguyên du lịch nhân văn, về các điều kiện phục vụ du lịch rất cần thiết.

Công tác quảng bá, xúc tiến du lịch là một hoạt động mang tính khoa học, nghệ thuật gắn liền với thị trường. Vì vậy, hoạt động này đòi hỏi phải nghiên cứu thị trường một cách sâu sát để xác định được mục tiêu và các hoạt động cụ thể nhằm sử dụng các công cụ marketing hiệu quả nhất đối với thị trường đó.

Trong hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch, các doanh nghiệp bán sản phẩm của mình và để thành phố quảng bá hình ảnh tháp Tường Long cần phải có tầm nhìn dài hạn.

Có thể thực hiện công tác xúc tiến du lịch và quảng bá hình ảnh về quần thể di tích Tháp Tường Long cùng với du lịch Hải Phòng như sau:

- Tổ chức và hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch theo chương trình kế hoạch của thành phố nhằm thu hút đầu tư trong và ngoài nước, thu hút khách du lịch và đẩy mạnh tiêu thụ hàng hoá sản phẩm du lịch của Đồ Sơn nói riêng và Hải Phòng nói chung, góp phần thực hiện chiến lược của thành phố.

- Tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư đối với dự án phục dựng tháp Tường Long đến các nhà đầu tư trong và ngoài nước nhằm thu hút các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước cho thành phố

- Tổ chức, phối hợp với các sở, ngành tổ chức sự kiện và hợp tác để khai thác các tiềm năng lợi thế của Hải Phòng như: Tài nguyên thiên nhiên, văn hoá, môi trường,... tạo thành thương hiệu đặc trưng về du lịch để thu hút khách, đặc biệt là khách quốc tế.

- Tổ chức các cuộc hội thảo, hội nghị chuyên đề về đầu tư, thị trường, sản phẩm...

- Giúp UBND thành phố triển khai thực hiện các chính sách liên quan đến thu hút đầu tư, xúc tiến thương mại và du lịch; thu thập và phản hồi những ý kiến của cộng đồng các doanh nghiệp ; các nhà đầu tư trong và ngoài nước đến các sở, ngành có liên quan và UBND thành phố.

- Nghiên cứu mở rộng thị trường trong và ngoài nước; tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất kinh doanh, xây dựng thương hiệu cho các sản

phẩm của Hải Phòng.

- Thu thập các thông tin về chính sách, các dự án kêu gọi đầu tư của thành phố trong từng thời kỳ để tiến hành các hoạt động xúc tiến đầu tư.

- Cung cấp hoặc giới thiệu cung cấp các dịch vụ cho doanh nghiệp, các đối tác kinh doanh đến Hải Phòng như phòng hội nghị, phòng làm việc, dịch vụ thư ký, phiên dịch, gặp gỡ các doanh nghiệp phù hợp với các quy định của pháp luật.

- Thu thập các thông tin để quảng bá hình ảnh về du lịch Hải Phòng nói chung và quần thể di tích tháp Tường Long- Đồ Sơn nói riêng đến các thị trường trong và ngoài nước.

- Tổ chức các hoạt động thông tin tuyên truyền qua mạng, thông qua các ấn phẩm.

- Trước hết để phục vụ cho việc mở rộng xúc tiến du lịch và quảng bá hình ảnh tháp Tường Long, chúng ta cần khuyến khích, thu hút nguồn kinh phí đầu tư từ các cấp chính quyền, từ cộng đồng xã hội. Bởi vì xúc tiến quảng bá du lịch cần những khoản tiền lớn để in ấn bảng biển quảng cáo, tập gấp, ảnh, thông tin trên báo chí, tổ chức hội thảo...

- Ngoài ra, một cơ hội để xúc tiến, quảng bá hình ảnh tháp Tường Long có hiệu quả là quảng bá ngay từ những lễ hội. Lễ hội tầm lớn bao nhiêu thì thu hút sự chú ý của cộng đồng bấy nhiêu và ngược lại.

- Quảng bá, xúc tiến ngoài việc phải cần đến lượng kinh phí rất lớn, phải đi đôi với những chương trình hấp dẫn, đặc biệt phải kết nối được các doanh nghiệp du lịch. Các doanh nghiệp nên cùng thành phố xây dựng các chương trình xúc tiến, quảng bá hình ảnh quần thể di tích Tháp Tường Long.

- Mặt khác, cần thấy quảng bá, xúc tiến du lịch là việc phải làm thường xuyên, liên tục, mới cho hiệu quả lớn, lâu dài.

Chương trình du lịch

Đồ Sơn – Cát Bà

(2 ngày 1 đêm)

Ngày 1:

Sáng : Xe đón quý khách tại điểm hẹn đi Đồ Sơn. Điểm tham quan đầu tiên sẽ là di tích **Đình Ngọc** và **Suối Rồng**.

Suối Rồng là một di tích và danh thắng Đồ Sơn, dòng suối được tách ra từ dãy núi mẹ, mang dáng địa long, quanh năm đầy ắp nước ngọt “trong nguồn chảy ra” phục vụ đời sống con người, tưới mát màu xanh cây trái giữa vùng đất biển mặn này. Suối Rồng là một khe nước nhỏ, chảy từ lòng núi “thượng nguồn” là rừng thông xanh tốt, ngút ngàn, ngày ngày rì rào tiếng lá reo và hạ lưu là đình Ngọc cổ kính giữa xóm thôn yên ả.

Đình Ngọc có quy mô vừa phải, bố cục hình chữ đình, gồm 5 gian tiền đường và gian hậu cung. Kiến trúc hiện tại là kết quả của đợt trùng tu hồi đầu thế kỷ thứ XX (năm 1924). Vào thăm di tích, du khách chắc chắn sẽ thích thú khi được gặp lại trên các đầu kèo, đầu bẩy, trên các xà kẻ, rường cuốn những hình ảnh của tứ linh (long, ly, quy, phượng) mây cụm, cỏ cây hoa lá thiên nhiên ... quen thuộc. Nội thất đình rực rỡ ánh sắc kim của kiệu rồng, long khảm, ngai, bài vị, hương án, chấp kích, bát bửu, hoành phi ... được chạm trổ trang trí và sơn son thiếp vàng lộng lẫy. Đình thờ thần Diêm Tước.

Sau đó, xe đưa quý khách đến tham quan **Tháp Tường Long**. Đây là công trình văn hoá có kiến trúc độc đáo, di tích lịch sử gắn với đời Nhà Lý thế kỷ XI, được xây dựng năm 1058 thời Lý Thánh Tông, những viên gạch tìm được ở tháp đều có ghi dòng chữ “ Lý gia đệ tam đế, Long Thụy Thái Bình tứ niên tạo” tức tháp xây vào năm Mậu Tuất, niên hiệu Long Thụy Thái Bình thứ 5 đời vua thứ 3 nhà Lý.

Điểm tham quan tiếp theo sau tháp Tường Long là di tích **chùa Hang** thuộc phường Vạn Sơn. Có thể nói đây là chùa thiên tạo lớn của Đồ Sơn, theo truyền ngôn

có từ trước công nguyên.

Nhiều thơ ca về chùa Hang Đồ Sơn hiện còn lưu:

“Chùa hang cảnh Phật nhiệm màu
Ấy là Bụt mọc hay bầu Tiên xây”.

Tiếp sau đó, quý khách đến tham quan và thắp hương tại **đền Bà Đế** nằm ở chân núi Độc, thuộc phường. Đền Bà Đế là một trong những đền nổi tiếng về danh thắng và linh thiêng. Đền thờ bà Đế - vợ chúa Trịnh Giang. Đền Bà được vua Tự Đức về thăm và ban sắc phong “ Đông Nhạc Đế Bà – Trịnh chúa phu nhân”.

Trưa : ăn trưa tại Khu II Đồ Sơn.

Chiều : Quý khách đến tham quan **biệt thự Bảo Đại**. Đây là ngôi biệt thự được xây từ năm 1928 của Toàn quyền Đông Dương Pafquiere. Ngày 16/6/1949, Toàn quyền Đông Dương tặng cho vua Bảo Đại. Từ đó ngôi nhà này được gọi là biệt thự Bảo Đại.

Sau đó, đi tàu ra Cát Bà nhận phòng ăn tối và nghỉ ngơi tại khách sạn.

Ngày 2 :

Sáng : Xe đưa quý khách đi thăm **Vườn Quốc gia Cát Bà** - khu rừng nguyên sinh được thiên nhiên ưu đãi một hệ động thực vật phong phú và quý hiếm, có những loài hầu như tuyệt chủng trên thế giới. Những hồ nước trong vắt bên những thác nước đổ xuống bất kỳ từ trên sườn núi tạo nên một khung cảnh nên thơ đầy thư giãn sau một tuần làm việc mệt mỏi. Quý khách sẽ đi bộ chừng 3 giờ trong rừng quốc gia Cát Bà, ngôi nhà của 32 loài thú có vú và hơn 2000 loài thực vật. Quý khách có cơ hội ngắm toàn cảnh đảo Cát Bà khi đi bộ đến đỉnh Chân Châu. Thăm động Chân Châu, thế giới của loài dơi.

Trưa: Sau đó, Quý khách về ăn trưa tại khách sạn. *Chiều* quý khách tự do dạo chơi tham quan **thị trấn Cát Bà**, tắm biển tại bãi tắm **Cát Cò 1, Cát Cò 2**.

Chiều : Xe đưa quý khách trở về Hải Phòng. Kết thúc chuyến tham quan. Tạm biệt và hẹn gặp lại.

Chương trình du lịch

Hải Phòng – Thủy Nguyên- Đồ Sơn

(1 ngày)

Sáng :Xe đón quý khách tại điểm hẹn xuất phát đi Thủy Nguyên- Hải Phòng.Điểm đến đầu tiên trong chuyến tham quan sẽ là **khu di tích nhà Mạc** thuộc địa phận thôn Cỏ Trai (xã Ngũ Đoan, huyện Kiến Thụy, TP Hải Phòng), nơi đây các chuyên gia Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam và Sở Văn hóa - Thông tin Hải Phòng đã lần đầu tiên tìm thấy dấu tích nền móng và gia cố trụ của cung điện Dương Kinh, kinh đô thứ hai (sau Thăng Long) thời nhà Mạc - từng tồn tại cách đây khoảng 500 năm.

Sau khi tham quan di tích thành nhà Mạc, quý khách đến tham quan **đình Đồng Lý** tại xã Mỹ Đồng (Thủy Nguyên) có từ thế kỷ 17, tiềm ẩn nhiều giá trị lịch sử và văn hoá, nh Đồng Lý là một di tích kiến trúc nghệ thuật cổ đồ sộ và chắc chắn, có sự đan xen hài hoà giữa nghệ thuật Lê (thế kỷ 17) và nghệ thuật Nguyễn (thế kỷ 19 - 20). Nơi đây thờ danh tướng Sĩ Quyền, một thổ hào có uy lực ở địa phương, thời Hai Bà Trưng. Đình Đồng Lý là một đài tưởng niệm, di tích ghi nhớ về công lao của các tầng lớp nhân dân Hải Phòng đối với cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng thời đầu công nguyên.

Tham quan đình Đồng Lý, quý khách tiếp tục đến tham quan và thắp hương tại **Đình Kiền Bái-** xã Kiền Bái .Đình Kiền Bái được xây dựng vào cuối thế kỷ XVII. Đình có cấu trúc kiểu chữ đình gồm 5 gian tiền đường, 2 gian hậu cung. Tiền đường, trừ gian giữa (khoang thuyền), 4 gian đều bung gỗ, lát ván sàn. Trên cột cái, vì xà chính ghi năm tạo dựng (1681) và tên những người đóng góp công đức. Đây là công trình kiến trúc điêu khắc tiêu biểu của nghệ thuật kiến trúc thời Lê hiện còn lại ở Hải Phòng. Hội làng Kiền tổ chức từ ngày 10 đến ngày 13 tháng giêng âm lịch hàng năm. Vào những ngày này dân làng ra đình tế lễ và nô nức vào hội: Hội hát đúm, hội nấu bánh chưng... nổi bật là trò chơi dân gian: Cướp cây bông... Đây sẽ là điểm tham quan cuối cùng tại huyện Thủy Nguyên.

Quý khách rời Thủy Nguyên tiếp tục lên xe đến với **khu du lịch Đồ Sơn**.

Trưa : ăn trưa tại Đồ Sơn.

Chiều : Sau bữa trưa, quý khách nghỉ ngơi và tiếp tục đến tham quan **tháp Trường Long**- phường Ngọc Xuyên. Đây là công trình văn hoá có kiến trúc độc đáo, di tích lịch sử gắn với đời Nhà Lý thế kỷ XI, được xây dựng năm 1058 thời Lý Thánh Tông, những viên gạch tìm được ở tháp đều có ghi dòng chữ “ Lý gia đệ tam đế, Long Thụy Thái Bình tứ niên tạo” tức tháp xây vào năm Mậu Tuất, niên hiệu Long Thụy Thái Bình thứ 5 đời vua thứ 3 nhà Lý.

Sau đó, quý khách tham quan **chùa Hang** thuộc phường Vạn Sơn .Có thể nói đây là chùa thiên tạo lớn của Đồ Sơn, theo truyền ngôn có từ trước công nguyên.

Nhiều thơ ca về chùa Hang Đồ Sơn hiện còn lưu:

“Chùa hang cảnh Phật nhiệm màu

Ấy là Bụt mọc hay bầu Tiên xây”.

Tiếp tục chương trình du lịch tham quan, xe sẽ đưa quý khách đến khu II **Đồ Sơn**, quý khách tự do tham quan và tắm biển.

Kết thúc chương trình, xe đưa quý khách trở về điểm hẹn.Tạm biệt và hẹn gặp lại.

Chương trình du lịch

Hải Phòng- Đồ Sơn

Sáng : Xe đón quý khách tại điểm hẹn, đưa quý khách đến tham quan **Nhà Hát Lớn** Đây là công trình được thiết kế phỏng theo kiến trúc của các nhà hát Pháp thời trung cổ, quá trình xây dựng kéo dài từ năm 1904 đến 1912 mới xong và toàn bộ nguyên vật liệu được chuyển từ Pháp sang. Cùng với Nhà hát Lớn Hà Nội và Nhà hát Thành phố tại TP Hồ Chí Minh, Nhà hát Lớn Hải Phòng là một trong số ít những nhà hát được Pháp xây dựng tại Việt Nam trong giai đoạn này. Hiện tại sau nhiều lần trùng tu, sửa chữa, cơ bản Nhà hát Lớn vẫn giữ được kiến trúc ban đầu.

Quý khách sau khi tham quan Nhà Hát Lớn sẽ sang tham quan **Quán hoa**. Quán hoa ở ngay trung tâm thành phố được xây dựng vào cuối năm 1941 do Đốc Lý Luyxiani chủ trì việc thiết kế và Chánh lục lộ Gôchiê phụ trách thiết kế mỹ thuật.

Mẫu quán lấy 04 cột gỗ tròn làm trụ, mái cong, lợp mái ngói mũi hài vừa kết hợp giữa phương Tây và phương Đông được coi là hài hoà giữa không gian phố phường. Mỗi quán rộng 20 m², cao gần 4 m, cách nhau 6 m. Tất cả các quán trải dài trên diện tích 300 m².

Sau khi tham quan Nhà Hát Lớn và Quán hoa thành phố, quý khách đến thắp hương tại **tượng đài Nữ tướng Lê Chân** và **Đền Nghè** di tích lịch sử văn hóa thờ nữ tướng Lê Chân – vị tướng đã đến vùng đất ngã ba sông Tam Bạc – sông Cấm, lập ấp Văn, sau đổi là An Biên Trang . Đền Nghè hấp dẫn không chỉ bằng những giá trị được thể hiện trong kiến trúc, tâm linh mà còn là từ những câu chuyện về lịch sử của vị nữ tướng Lê Chân, về hội hoa thủy tiên độc đáo tương truyền được tổ chức từ những năm 20.

Tiếp đó, xe du lịch sẽ đưa quý khách đến thắp hương và tham quan **chùa Đur Hàng** phường Hồ Nam, quận Lê Chân. Chùa có kiến trúc bề thế, khuôn viên hoàn chỉnh, gồm tòa phật điện 7 gian, gác chuông cao 3 tầng, mái đao cong vút, quả chuông đồng cỡ lớn, chữ đề: "Phúc Lâm tự chung", nghĩa là chuông chùa Phúc

Lâm.

Trưa : ăn trưa tại **Đồ Sơn**

Chiều : Quý khách đến với di tích **Suối Rồng** và **Đình Ngọc**. Suối Rồng là một di tích và danh thắng Đồ Sơn, dòng suối được tách ra từ dãy núi mẹ, mang dáng địa long, quanh năm đầy ắp nước ngọt “trong nguồn chảy ra” phục vụ đời sống con người, tưới mát màu xanh cây trái giữa vùng đất biển mặn này. Suối Rồng là một khe nước nhỏ, chảy từ lòng núi “thượng nguồn” là rừng thông xanh tốt, ngút ngàn, ngày ngày rì rào tiếng lá reo và hạ lưu là đình Ngọc cổ kính giữa xóm thôn yên ả.

Đình Ngọc có quy mô vừa phải, bố cục hình chữ đình, gồm 5 gian tiền đường và gian hậu cung. Kiến trúc hiện tại là kết quả của đợt trùng tu hồi đầu thế kỷ thứ XX (năm 1924). Vào thăm di tích, du khách chắc chắn sẽ thích thú khi được gặp lại trên các đầu kìm, đầu bẩy, trên các xà kẻ, rường cuốn những hình ảnh của tứ linh (long, ly, quy, phượng) mây cụm, cỏ cây hoa lá thiên nhiên ... quen thuộc. Nội thất đình rực rỡ ánh sắc kim của kiệu rồng, long khảm, ngai, bài vị, hương án, chấp kích, bát bửu, hoành phi ... được chạm trổ trang trí và sơn son thiếp vàng lộng lẫy. Đình thờ thần Diêm Tước.

Sau khi tham quan Đình Ngọc, quý khách tiếp tục tham quan **tháp Tường Long**- một công trình văn hoá có kiến trúc độc đáo, di tích lịch sử gắn với đời Nhà Lý thế kỷ XI, được xây dựng năm 1058 thời Lý Thánh Tông, những viên gạch tìm được ở tháp đều có ghi dòng chữ “ Lý gia đệ tam đế, Long Thụy Thái Bình tứ niên tạo” tức tháp xây vào năm Mậu Tuất, niên hiệu Long Thụy Thái Bình thứ 5 đời vua thứ 3 nhà Lý.

Chia tay với công trình kiến trúc chùa tháp, xe đưa quý khách đến với **chùa Hang** thuộc phường Vạn Sơn. Có thể nói đây là chùa thiên tạo lớn của Đồ Sơn, theo truyền ngôn có từ trước công nguyên.

Nhiều thơ ca về chùa Hang Đồ Sơn hiện còn lưu:

“Chùa hang cảnh Phật nhiệm mầu

Áy là Bụt mọc hay bầu Tiên xây”.

Sau đó, xe du lịch sẽ đưa quý khách tham quan tắm biển tại **kh II, kh III Đò Sơn**.

Kết thúc chương trình, xe đưa quý khách về điểm hẹn, tạm biệt và hẹn gặp lại.

Chương trình du lịch

Đò Sơn

(1 ngày)

Sáng: Xe đón quý khách tại điểm hẹn , đưa quý khách đi Đò Sơn.

Buổi sáng quý khách sẽ tham quan nhà triêm lã Nhà điều.

Xe tiếp tục đưa quý khách đến với điểm tham quan Suối Rồng.

Suối Rồng là một di tích và danh thắng Đò Sơn, dòng suối được tách ra từ dãy núi mẹ, mang dáng địa long, quanh năm đầy ắp nước ngọt “trong nguồn chảy ra” phục vụ đời sống con người, tưới mát màu xanh cây trái giữa vùng đất biển mặn này. Suối Rồng là một khe nước nhỏ, chảy từ lòng núi “thượng nguồn” là rừng thông xanh tốt, ngút ngàn, ngày ngày rì rào tiếng lá reo và hạ lưu là đình Ngọc cổ kính giữa xóm thôn yên ả.

Sau đó quý khách tham quan Đình Ngọc.

Đình Ngọc là công trình có quy mô vừa phải, bố cục hình chữ đình, gồm 5 gian tiền đường và gian hậu cung. Kiến trúc hiện tại là kết quả của đợt trùng tu hồi đầu thế kỷ thứ XX (năm 1924). Vào thăm di tích, du khách chắc chắn sẽ thích thú khi được gặp lại trên các đầu kìm, đầu bẩy, trên các xà kẻ, rường cuốn những hình ảnh của tứ linh (long, ly, quy, phượng) mây cụm, cỏ cây hoa lá thiên nhiên ... quen thuộc. Nội thất đình rực rỡ ánh sắc kim của kiệu rồng, long khảm, ngai, bài vị, hương án, chấp kích, bát bửu, hoành phi ... được chạm trổ trang trí và sơn son thiếp vàng lộng lẫy. Đình thờ thần Điểm Tước.

Tiếp tục chương trình , quý khách đến tham quan **Tháp Tường Long**. Đây là công

trình văn hoá có kiến trúc độc đáo, di tích lịch sử gắn với đời Nhà Lý thế kỷ XI, được xây dựng năm 1058 thời Lý Thánh Tông, những viên gạch tìm được ở tháp đều có ghi dòng chữ “ Lý gia đệ tam đế, Long Thụy Thái Bình tứ niên tạo” tức tháp xây vào năm Mậu Tuất, niên hiệu Long Thụy Thái Bình thứ 5 đời vua thứ 3 nhà Lý.

Điềm tiếp theo, quý khách đến thắp hương và tham quan tại **Chùa Hang** thuộc phường Vạn Sơn .Có thể nói đây là chùa thiên tạo lớn của Đồ Sơn, theo truyền ngôn có từ trước công nguyên.

Nhiều thơ ca về chùa Hang Đồ Sơn hiện còn lưu:

“Chùa hang cảnh Phật nhiệm màu

Ấy là Bụt mọc hay bầu Tiên xây”.

Chiều : Xe đưa quý khách tham quan và thắp hương tại Đền Bà Đẻ.

Cuối cùng, quý khách sẽ đến tham quan Biệt Thự Bảo Đại.

Kết thúc chương trình, xe đưa quý khách về điềm hẹn.HDV chia tay và hẹn gặp lại.

KẾT LUẬN

Du lịch văn hóa là xu hướng của các nước đang phát triển vì đem lại giá trị lớn cho cộng đồng xã hội. Bên cạnh những loại hình du lịch như du lịch sinh thái, du lịch khám chữa bệnh, du lịch mạo hiểm, du lịch giáo dục... gần đây du lịch văn hóa được xem là loại sản phẩm đặc thù của các nước đang phát triển, thu hút nhiều khách du lịch quốc tế. Du lịch văn hóa chủ yếu dựa vào những sản phẩm văn hóa, những lễ hội truyền thống dân tộc, kể cả những phong tục tín ngưỡng... để tạo sức hút đối với khách du lịch bản địa và từ khắp nơi trên thế giới. Đối với khách du lịch có sở thích nghiên cứu, khám phá văn hóa và phong tục tập quán bản địa, thì du lịch văn hóa là cơ hội để thỏa mãn nhu cầu của họ.

Phần lớn hoạt động du lịch văn hóa gắn liền với địa phương - nơi lưu giữ nhiều lễ hội văn hóa và cũng là nơi tồn tại đói nghèo. Khách du lịch thường lựa chọn những lễ hội của các nước để tổ chức những chuyến du lịch của mình. Bởi thế, thu hút khách du lịch tham gia du lịch văn hóa tức là tạo ra dòng chảy mới và cải thiện cuộc sống của người dân địa phương.

Hải Phòng là một thành phố có nhiều tiềm năng về du lịch ngoài du lịch biển và du lịch sinh thái thì du lịch văn hóa cũng là một thế mạnh của Hải Phòng. Vì vậy, thành phố cần tập trung khai thác hệ thống tài nguyên du lịch nhân văn để phục vụ cho phát triển du lịch văn hóa.

Hải Phòng có tiềm năng du lịch tương đối phong phú và đa dạng sẽ là một lợi thế quan trọng tạo tiền đề đẩy mạnh sự phát triển của ngành du lịch thành phố.

Tuy nhiên, tài nguyên du lịch nói chung của Hải Phòng phần lớn chưa được quan tâm đầu tư bảo vệ và khai thác nên nhiều tài nguyên bị xuống cấp, giảm đáng kể giá trị vốn có của nó, nhiều tài nguyên còn dưới dạng tiềm năng.

Ngoài ra, việc bảo vệ môi trường cũng như quản lý nguồn tài nguyên chưa chặt chẽ nên đã tác động tiêu cực đến sự phát triển của du lịch. Vì vậy, du lịch Hải Phòng cần có sự tham gia kết hợp của nhiều ban ngành, các cấp TU, thành phố đề ra những giải pháp hữu hiệu trong quản lý, quy hoạch đầu tư và tôn tạo tài nguyên, phục vụ lợi ích phát triển lâu dài của địa phương.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo tổng hợp rà soát điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển du lịch thành phố Hải Phòng đến năm 2020.
2. Cơ sở văn hóa Việt Nam- Trần Ngọc Thêm.
3. Hồ sơ báo cáo về tài liệu và các ý kiến làm cơ sở để lập dự án- UBND quận Đồ Sơn- thành phố Hải Phòng.
4. Hồ sơ di tích khảo cổ học tháp Tường Long thị xã Đồ Sơn- phường Ngọc Xuyên- quận Đồ Sơn – Thành phố Hải Phòng- Hoàng Đình Bình.
5. Hội thảo khoa học phục dựng tháp Tường Long tháng 10 năm 2002.
6. Nhập môn khoa học du lịch- Trần Đức Thanh.
7. Non nước Việt Nam – Tổng cục du lịch Việt Nam.
8. Khai quật tháp Tường Long ở Đồ Sơn – Hải Phòng – Trịnh Cao Tường và Nguyễn Văn Sơn.
9. Tham luận của Đại Đức Thích Quảng Tùng về việc trùng tạo quần thể di tích chùa tháp Tường Long.
10. Tháp Tường Long đời Lý, một công trình văn hóa có giá trị lớn- Ngô Đăng Lợi.
11. Tuyển điểm du lịch – Bùi Thị Hải Yến.

LỜI CẢM ƠN

Trong thời gian hoàn thành khóa luận ,em đã nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình của các thầy cô trong trường ĐHDL Hải Phòng,các bạn sinh viên khoa VHDL cùng các ban ngành,đơn vị cơ quan và nhiều cá nhân đã tạo điều kiện cho em thu thập nhiều tài liệu và kiến thức phục vụ cho việc hoàn thành khóa luận.

Trước hết, em xin gửi lời cảm ơn chân thành tới các thầy cô giáo và các bạn sinh viên ngành văn hóa du lịch –Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng ,các cán bộ phòng văn hóa du lịch – UBND quận Đồ Sơn – Hải Phòng, cán bộ trong ban quản lý dự án tôn tạo , phục dựng di tích lịch sử văn hóa tháp Tường Long đã dành thời gian cung cấp tài liệu giúp em hoàn thành bài khóa luận này.

Đặc biệt em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc nhất đến thầy Nguyễn Văn Bính-người đã tận tâm hướng dẫn em trong suốt quá trình hoàn thành khóa luận tốt nghiệp.

Do còn hạn chế về phương pháp và giới hạn về thời gian nên bài khóa luận không tránh khỏi những thiếu sót nhất định.Vì vậy kính mong nhận được sự nhận xét,đánh giá , góp ý của thầy cô và bạn bè, để bài khóa luận hoàn thiện hơn nữa.

Em xin chân thành cảm ơn !

Hải Phòng , ngày tháng năm 2011

Sinh viên

Bùi Thị Mai Linh

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
1.Lý do chọn đề tài	1
2.Mục đích chọn đề tài.	1
3.Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	2
4.Phương pháp nghiên cứu.....	2
5.Bố cục khóa luận.	2
CHƯƠNG 1 : CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG CỦA ĐỀ TÀI	4
1.1.Các khái niệm chung	4
1.1.1.Khái niệm di tích	4
1.1.2.Di tích lịch sử văn hóa:	5
1.1.2.1.Phân loại:.....	5
1.1.3.Khái niệm du lịch	10
1.1.3.1.Du lịch và phát triển kinh tế:.....	14
1.1.3.2.Du lịch và văn hóa xã hội:.....	15
1.1.3.3.Du lịch và giáo dục truyền thống:.....	15
1.1.4.Khái niệm văn hóa:	15
1.1.4.1.Một số chức năng đặc trưng của văn hóa:.....	19
1.2.Mối quan hệ giữa văn hóa và du lịch	22
1.2.1.Ảnh hưởng của văn hóa đến du lịch.....	23
1.2.2.Ảnh hưởng của du lịch đến văn hóa.....	25
CHƯƠNG 2: THÁP TƯỜNG LONG - GIÁ TRỊ LỊCH SỬ VÀ NHÂN VĂN 30	
2.1.Khái quát về Hải Phòng	30
2.1.1.Đặc điểm vị trí địa lý của Hải Phòng trong chiến lược phát triển du lịch	30
Không chỉ có vậy, Hải Phòng còn có các công trình kiến trúc tiêu biểu như.....	31
Hải Phòng còn có các kiến trúc cổ, đình, chùa như:	32
2.1.2.Khái quát về quận Đồ Sơn – Hải Phòng	33
2.1.3.Lịch sử di tích Tháp Tường Long	34
2.2.Dấu tích tháp Tường Long qua cuộc khai quật khảo cổ	37

2.3. Di tích và những giá trị nhân văn.....	49
2.3.1. Giá trị lịch sử.....	50
2.3.2. Giá trị kiến trúc nghệ thuật.....	53
2.4. Phục dựng, tôn tạo và quy hoạch cảnh quan DTLT Tháp Tường Long	58
2.4.1. Vị trí, đường đi đến tháp Tường Long.....	58
2.4.2. Quan điểm về quản lý, bảo vệ và phục dựng tháp Tường Long.....	59
2.4.3. Dự án phỏng dựng tháp Tường Long.....	60
2.4.4. Hiện trạng tôn tạo và phục dựng tháp Tường Long.....	64
2.4.5. Quần thể tháp Tường Long- khu di tích lịch sử văn hóa hiện đại	65
CHƯƠNG 3: GẮN THÁP TƯỜNG LONG VỚI CÁC DI TÍCH LỊCH SỬ VĂN HÓA KHÁC ĐỂ PHÁT TRIỂN DU LỊCH HẢI PHÒNG	67
3.1. Quan điểm phát triển du lịch Hải Phòng.....	67
3.2. Mục tiêu tổng quát phát triển du lịch Hải Phòng.	70
3.3. Mục tiêu kinh tế, xã hội của Hải Phòng.....	70
3.3.1. Về kinh tế:	70
3.3.2. Về văn hóa – xã hội:.....	70
3.4. Những đề xuất giải pháp nhằm phát triển du lịch Hải Phòng.....	71
3.4.1. Du lịch với việc bảo tồn và phát triển các DTLT SVH.....	71
3.4.2. Tôn tạo, nâng cấp và trùng tu các DTLT SVH.....	71
3.4.3. Đào tạo các nguồn nhân lực.	73
3.4.4. Xây dựng các tuyến du lịch kết hợp với cảnh quan các DTLT SVH trong đó có tháp Tường Long.....	82
3.4.4.1. Khái quát về một số di tích lịch sử văn hóa của Hải Phòng	82
3.4.4.2. Các tuyến du lịch.....	84
3.4. Mở rộng xúc tiến du lịch và quảng bá hình ảnh tháp Tường Long.	85
3.4.4.1. Về mở rộng thị trường.....	85
3.4.4.2. Xúc tiến du lịch và quảng bá hình ảnh tháp Tường Long.....	85
KẾT LUẬN	96
TÀI LIỆU THAM KHẢO	97

DANH MỤC CÁC DI TÍCH ĐƯỢC XẾP HẠNG DI TÍCH QUỐC GIA CỦA HẢI PHÒNG

STT	Tên di tích	Địa điểm	Loại
1	Núi đá Tràng Kênh	X.Minh Đức/H.Thủy Nguyên	LS
2	Đình Kênh(Đình Nhân Thọ)	Quận Lê Chân	LS
3	Khu vực Núi Voi Núi Xuân Sơn và Núi Vọ	X.Trường Thành, An Tiến, An Thắng và Bắc Hà,H.An Lão	LS CM
4	Đình Cung Chúc	X.Trung Lập H.Vĩnh Bảo	nt
5	Đền Nghè (thờ Nữ tướng Lê Chân thế kỷ I (40-43)	Quận Lê Chân	nt
6	Đền Từ Lương Xâm(nơi đóng bản doanh của Ngô Quyền năm 938)	X.Nam Hải Quận Hải An	nt
7	Nhà số 14 Ngõ Gạo, nơi đầu tiên cuốn “Đường Cách Mệnh của đ/c Nguyễn Ái Quốc viết năm 1926 do đồng chí Nguyễn Lương Bằng bí mật chuyển về VN 1927”	Ngõ 61,phố Lý Thường Kiệt,Ph.Quang Trung,Quận Hồng Bàng	nt
8	Nhà số 1ngõ 42,nơi làm Trụ sở Tỉnh bộ VNTNCMDCH 1927-1929 và tỉnh Đảng bộ ĐSCDD 1929-1930	Ngõ 40- Phố Lê Minh,Ph.Lê Minh,Q.Lê Chân	nt
9	Đình Kim Sơn- Nơi thành	X.Tân Trào	nt

	lập UBND đầu tiên của chính quyền CM Hải Phòng – Kiến An	Huyện Kiến Thụy	
10	Chùa Dư Hàng	P.Hồ Nam, Q.Lê Chân	KTNT
11	Đình Kiền Bái	X.Kiền Bái H.Thủy Nguyên	nt
12	Nhà Bà Đặng Thị Sáu- Trụ sở bí mật của Đảng bộ HP 1936-1939	P.Dư Hàng Kênh Q.Lê Chân	LS-CM
13	Đền Phú Xá	P.Đông Hải Q.Hải An	KTNT
14	Miếu Nam	X.Bắc Sơn, An Dương	LSNT
15	Đền An Lư –tượng niệm danh y Tuệ Tĩnh	X. An Lư H.Thủy Nguyên	LS
16	Đền thờ Nguyễn Bình Khiêm	X.Lý Học H.Vĩnh Bảo	LS
17	Đình Nhu Thượng	X.Quốc Tuấn An Dương	KTNT
18	Đình Từ Lâm	X.Đông Minh H.Vĩnh Bảo	LS-KTNT
19	Miếu chùa Bảo Hà	X.Đông Minh H.Vĩnh Bảo	LSNT
20	Đình Đông Dụ	X.Đặng Cương H.An Dương	LS
21	Đình An Quý	X.Cộng Hiền H.Vĩnh Bảo	KTNT
22	Đền Mỗ	X.Ngũ Phúc	LSNT

		H.Kiến Thụy	
23	Đình Cựu Đồi	Thị trấn Tiên Lãng H.Tiên Lãng	LS-KTNT
24	Đền Trịnh Hưởng	X.Thiên Hương H.Kiến Thụy	LS
25	Đền Quảng Cơ	X.Quảng Thanh H.Thủy Nguyên	LS
26	Miếu Thủy Tú	X.Thủy Đường H.Thủy Nguyên	LS
27	Đình Tri Yếu	X.Đặng Cương H.An Dương	KTNT
28	Miếu Phương Mỹ	X.Mỹ Đồng H.Thủy Nguyên	LSNT
29	Miếu Hạ Lũng	X.Đặng Hải Q.Hải An	LS-KTNT
30	Phủ Thượng Đoạn	P.Đông Hải,Q.Hải An	KTNT
31	Miếu và chùa Hạ Đoạn	P.Đông Hải Q.Hải An	LS-KTNT
32	Đền và chùa Trịnh Xá	X.Trịnh Xá H.Thủy Nguyên	NT
33	Đình Dư Hàng	P.Dư Hàng Kênh Q.Lê Chân	KTNT
34	Đình Quán Khái	X.Vĩnh Phong H.Vĩnh Bảo	KTNT
35	Đình Quỳnh Hoàng	P.Nam Sơn Q.Hải An	LS
36	Đền Gắm	X.Tiên Thắng	LS

		H.Tiên Lãng	
37	Chùa Đồng Quan	X.Dũng Tiến H.Vĩnh bảo	KTNT
38	Đình Đốc Hậu	X.Toàn Thắng H.Tiên Lãng	KTNT
39	Đền Tây Sơn	P.Trần Thanh Ngọ Q.Kiến An	LS
40	Chùa Hoàng Pha	X.Hoàng Động H.Thủy Nguyên	LS
41	Chùa Đền Nhân Lý	X.Cao Nhân H.Thủy Nguyên	LS-KTNT
42	Đền Kha Lâm	P.Nam Hà Q.Kiến An	LS-KTNT
43	Đền Hà Đới	X.Tiên Thanh H.Tiên Lãng	LS-KTNT
44	Chùa Cậu Tử Nội Chùa Cậu Tử Ngoại	X.Hợp Thành H.Thủy Nguyên	LSNT
45	Miếu Lác	X.Giang Biên H.Vĩnh Bảo	KTNT
46	Miếu và chùa Trung Hành	P.Đằng Lâm Q.Hải An	LS-KTNT
47	Đền và chùa Hòa Liễu(Thiên Phúc Tự)	X.Thuận Thiên H.Kiến Thụy	KTNT
48	Đình Chùa Điền Niêm(Phúc Long Tự)	X.Tân Hưng H.Vĩnh Bảo	KTNT
49	Đình Đồng Lý	X.Mỹ Đồng,H.Thủy Nguyên	KTNT
50	Miếu Hà Phương	X.Thắng Thủy	KTNT

		H.Vĩnh Bảo	
51	Đền An Tràng	X.Trường Sơn H.An Lão	KTNT
52	Chùa Lạng Côn	X.Đông Phương H.Kiến Thụy	LSNT
53	Chùa Đình Đại Trà	X.Đông Phương H.Kiến Thụy	KTNT
54	Đình Bắc	X.Quảng Thanh H.Thủy Nguyên	KT
55	Lưu niệm Trạng nguyên Lê Ích Mộc(mộ, chùa Lót, Từ Đường)	X.Quảng Thanh H.Thủy Nguyên	LS
56	Miếu Đông	X.Kiến Quốc H.Kiến Thụy	LS
57	Miếu Đoài	X.Kiến Quốc H.Kiến Thụy	LS
58	Đình Tân Dương	X.Tân Dương H.Thủy Nguyên	KTNT
59	Đình Đỗ Nghĩa	X.Lê Thiện H.An Dương	LS
60	Đình Hà Đâu(Hà Đỗ)	X.Hồng Phong H.An Dương	LS-KTNT
61	Chùa Vẽ	P.Đông Hải Q.Hải An	KTNT
62	Đình Vĩnh Khê	X.An Đông H.An Dương	KTNT
63	Đình Chùa Vân Tra	X.An Đông	LSNT

		H.An Dương	
64	Đình Chung Mỹ	X.Trung Hà H.Thủy Nguyên	LS
65	Đình Tràng Duệ	X.Lê Lợi H.An Dương	LS
66	Đình Chùa Phụng Pháp	P.Đặng Giang Q.Ngô Quyền	KTNT
67	Miếu Ngà	X.Việt Tiến H.Vĩnh Bảo	LS
68	Đền chùa Bách Phương	X.An Thắng H. An Lão	LS-KTNT
69	Đình chùa Nhân Mục	X.Nhân Hòa H.Vĩnh Bảo	KTNT
70	Đình Lễ Hợp	X.Tam Đa H.Vĩnh Bảo	LSNT
71	Miếu chùa Cựu Điện	X.Nhân Hòa H.Vĩnh Bảo	LSNT
72	Đền Chùa Thái (Thái Bình Tụ)	X.Trần Dương H.Vĩnh Bảo	KTNT
73	Đình Niệm Nghĩa	P.Vĩnh Niệm Q.Lê Chân	KTNT
74	Đền Hạ	P.Thượng Lý Q.Hồng Bàng	LS
75	Miếu- chùa Xâm Bô	P.Nam Hải Q.Hải An	LSNT
76	Đền Thụ Khê, chùa Thiêm	X.Liên Khê	LSNT

	Khê và chùa Mai Động	H.Thủy Nguyên	
77	Đình- chùa Lôi Động	X.Hoàng Động H.Thủy Nguyên	KTNT
78	Chùa Răng Trung, Hang Vua và Hang Áng Vải	X.Minh Tâm H.Thủy Nguyên	NT
79	Đình- chùa Tây	X.Minh Tâm H.Thủy Nguyên	NT
80	Chùa Văn Hòa	X.Hữu Bằng H.Kiến Thụy	NT
81	Đình Tả Quan	X.Dương Quan H.Thủy Nguyên	KTNT
82	Đình Đông Khê	P.Đông Khê Q.Ngô Quyền	KTNT
83	Chùa Đông Khê	P.Đông Khê Q.Ngô Quyền	NT
84	Chùa Mết	X.Cổ Am H.Vĩnh Bảo	NT
85	Miếu Tràng	X.Cổ Am H.Vĩnh Bảo	KTNT
86	Đình Thượng Điện	X.Vinh Quang H.Vĩnh Bảo	KTNT
87	Đình Tứ Duy	X.Hưng Nhân H.Vĩnh Bảo	KTNT
88	Lăng Miếu Đôn Nghĩa	P.Vĩnh Niệm Q.Lê Chân	KTNT
89	Từ Đường Họ Mạc	Thôn Cổ Trai	LS

		X.Ngũ Đoan H.Kiến Thụy	
--	--	---------------------------	--

PHỤ LỤC



Phối cảnh chùa tháp Tường Long



Móng tháp Tường Long cũ



Đầu Phật trang trí ở tháp Tường Long



Nhà che hồ khảo cổ



Nhà tưởng niệm



Móng tháp chuẩn bị phục dựng



Chùa Tường Long đang được xây dựng